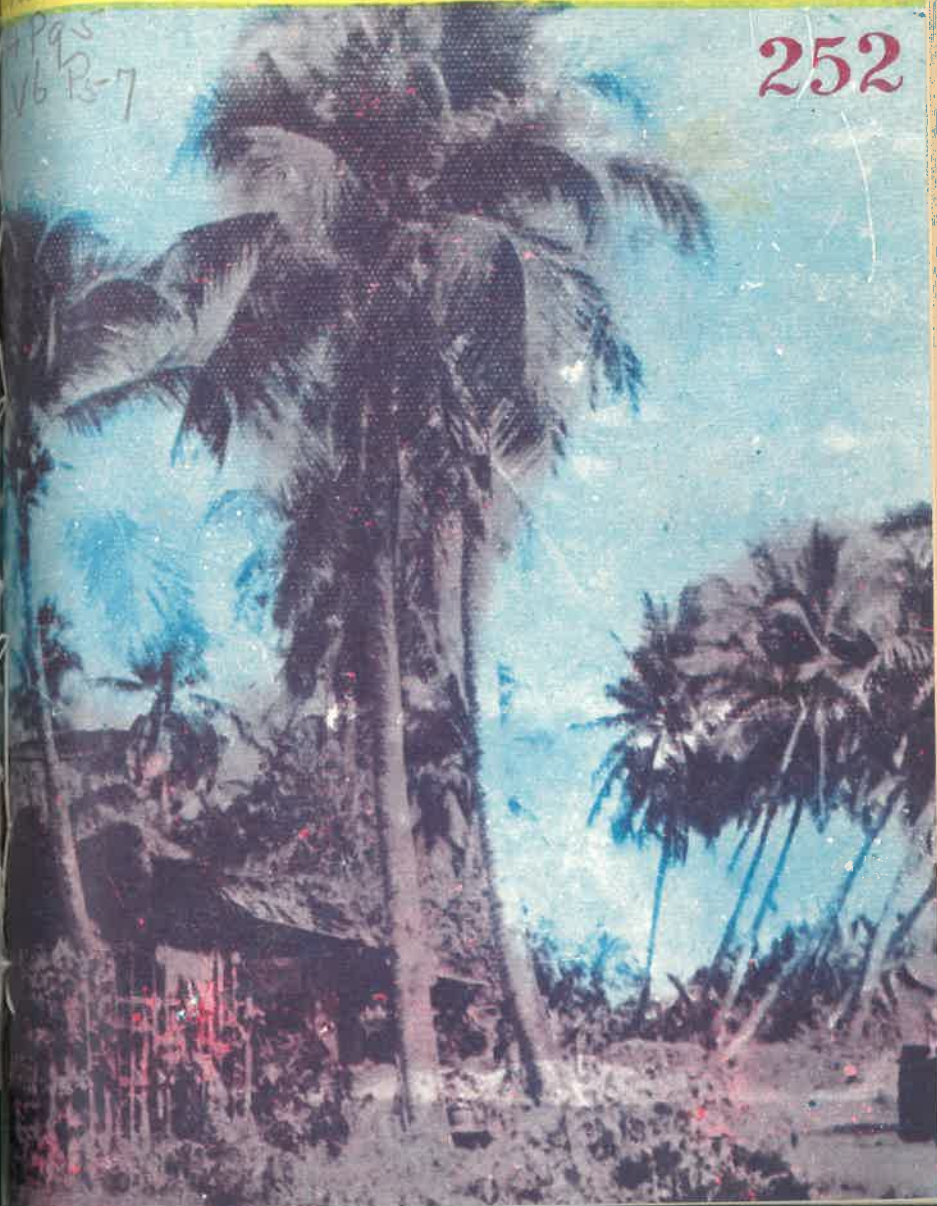


PHỔ THÔNG

Giám-đọc, Chủ-bút : Nguyễn-Vỹ

252

*Wilson
Pg 5
Vb P3-7*



NEUROTONIC

CORNELL
UNIVERSITY
FEB 3 1971
LIBRARY

- ★ BỒI BỔ ÓC
- TĂNG CƯỜNG TRÍ NHỚ
- ▶ BẢO VỆ SINH LỰC

Công hiệu như Thần

PHỔ-THÔNG

TAP - CHI

GOP PHAN XAY DUNG VAN-HOA VIETNAM
PHO BIEN VAN-HOA ĐÔNG TÂY KIM-CÔ

Giám-đốc, Chủ-bút; Nguyễn-Vũ

Tòa-soạn : 231 đường Phạm-ngũ-Lão — Saigon — ĐT 25861

Năm thứ XII — số 252 — 19-1970

1 — Pnom-Penh sau cơn ác mộng	Nguyễn-Vũ	5 — 10
2 — Đường sang Genève	Trần-Lê-Nguyên-Vũ	11 — 23
3 — Từ Tăng-Doãn-Văn	Trần-Đình-Thái	24 — 28
4 — Bức tường (truyện dịch)	Ng-hữu-Trọng	29 — 37
5 — Thơ và Thơ-Mới	Ng-quang-Tô	38 — 44
6 — Bức thư Paris	Ng-văn-Cần	45 — 48
7 — Hát dặm Nghệ-Tĩnh	Đông-Tùng	49 — 53
8 — Truyện thắng Chéy	Lê-Hương	54 — 60
9 — Võ-thuật	Trần-tuấn-Kiệt	61 — 68
10 — Đầy Quảng-Nam (thơ)	Ng-mậu-Lãm	69 — 71
11 — Tuổi sâu muộn	Vũ-Thụy-Lý-Tao	72 — 74
12 — Cậu bé ước mơ (truyện ngắn)	Thùy-d-Tử	75 — 78
13 — Chết đẽo, vật liệu của thế kỷ 20	Chu-minh-Thụy	79 — 82
14 — Hoàng trùng đi vi trùng lại	Thái-Bạch	83 — 85
15 — Mùa thu băng tâm (thơ)	Đặng-Cần	86
16 — Phong-hóa miền Trung	Ái-Lan	87 — 91

17 — Thoại-ngọc-hầu	Quốc-Hùng	92 — 95
18 — Đôi nét về Qui-Nhơn	Thái-Tàu	96 — 104
19 — Nỗi buồn trên cao (thơ)	Lê-Kỳ-Hòa	105
20 — Đòi xa lạ (truyện ngắn)	Mặc-Tưởng	106 — 116
21 — Thư không đề — Bâng quơ — Mưa thu — Lâng lâng (thơ)	Thâm-Giang	117
22 — Thăng cảnh Hâm hồ	Lê-ngọc-Quang	118 — 120
23 — Sinh khí vẫn nghệ	Hoàng-Thắng	121 — 123
24 — Sách báo mới	Phồ-Thông	124 — 125

- Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
- ★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự tiện trích đăng những bài trong tạp-chí **PHỒ-THÔNG**, nhưng yêu cầu đề rõ xuất-xứ: «Trích tạp-chí **PHỒ-THÔNG**» và đừng viết tắt.
- ★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- ★ Copyright by **PHỒ-THÔNG**, printed in Việt Nam.



Lĩnh-vực Văn-hóa.

PNOM-PENH

Sau cơn ác mộng...

★ NGUYỄN-VỸ

2

• Tiếng Việt và người Miên.

TRÊN toàn lãnh-thổ Khmer, chỉ có 55.000 người theo Đạo Thiên Chúa, trong số đó có 50.000 tin-dồ Việt, 4.000 Miên, 1000 Hoa kiều và những người ngoại quốc khác.

Hôm tôi đến Pnom-Penh thì hơn một nửa tổng số trên đã lên tàu của Hải-quân Việt-Nam về xứ. Còn một nửa sống trong các trại tập trung ở các tỉnh xa, nhất là ở Pursat, Kompong Thom, Battambang.

Việt kiều tin-dồ Thiên Chúa giáo đã bị đe dọa hung dữ nhất, và bị cấp dưỡng nhiều nhất. Tôi còn thấy lu-mờ dấu viết bằng sơn đỏ trên một bức tường một Nhà

Thờ Thiên-Chúa ở Pnom-Penh một chữ Việt-ngữ nét đậm như sau đây :

DIỆT

Chữ T trong chữ DIỆT vẽ thành hình một Thánh-Giá. Cả một ý - nghĩa thâm - độc rùng rợn trong một nét chữ ! Một người Miên cho tôi biết rằng những kẻ biểu tình phá phách, giết hoặc đàn áp, khủng bố tín-đồ Thiên-Chúa trong mấy tháng 3.4-5-1970, là những toán thanh niên trí thức Miên mà hầu hết đều viết và đọc tiếng Việt rất sành sỏi. Ngày thường thì người Miên coi người Việt gần như bà con hàng xóm, không có kỳ-thị. Ngay như Linh-mục Salas, người Miên, trong lúc giảng Đạo, cũng thường cầu nguyện :

«Lạy Chúa ban phước lành cho Việt-Nam chúng tôi...»

Tôi đi lang - thang các phố quanh chợ Pnom-Penh, có cảm tưởng như đi trong một thành phố Việt-nam. Một buổi chiều mưa tôi đứng đợi mưa trên hành lang một giấy phố rất đông người, đường Vithey Ang-Eng, tôi được nghe hai người bình-dân Việt-Nam vừa đi trên lề đường, vừa chửi nhau thật to bằng tiếng Việt, y như ở sàigòn :

— Đ.m. mày, tại mày không nghe lời tao, mày mới bán rẻ cái radio đó.

— Tui nghe lời anh thì... không bán được đồng nào !

Một phụ nữ Miên đi phía sau, có lẽ chị ở cùng xóm, nói xen vào :

— Tui biểu anh Tư gởi tui cất giùm cho, ảnh hồng chịu, đem bán cái ra-dô cho thằng Snoul có 200 riels hà.

Câu chuyện nghe thoáng qua ngoài phố khiến tôi nhận xét rằng trước và sau cơn khủng hoảng sôi động của kỳ-thị Việt Miên, tiếng Việt tiếng Miên, người Miên người Việt, vẫn sống chung hòa bình, như một gia đình sum-hợp không oán-thù, chia rẽ. Mặc dầu Shianouk tuyệt giao với miền Nam, đường lối chính trị của y không ảnh hưởng gì bao nhiêu đến nếp sống chung chạ đã quen dưới thời Pháp thuộc.

Kỳ-thị tôn-giáo giữa người Miên Phật giáo và Việt Kiêu theo Đạo Thiên Chúa, chỉ mới phát động từ phong trào cấp-duồng người Việt, dù là Việt Cộng hay Việt quốc-gia.



Tiếng Miên rất giản dị, thô sơ. Tất cả Việt-Kiêu ở Cambodge đều nói được, viết được, đọc được tiếng Miên, sau khi học qua loa trong một tháng, hoặc do nói quen, như các trẻ em. Nhưng đây là một hiện tượng làm vinh dự cho tiếng Việt và văn hóa Việt : 500.000 Việt-Kiêu ở

rải rác khắp quê hương của dòng dõi Norodom, đã truyền bá rộng rãi tiếng Việt-Nam cho 7 triệu dân Miên. Tôi gặp bất cứ người Miên nào trên bất cứ con đường nào, nhất là ở chung quanh chợ Pnom-penh, tôi hỏi chuyện bằng tiếng Việt, tất cả đều trả lời bằng tiếng Việt.

Nếu tôi không lầm, thì ngay trong Chính phủ Miên, ông Thủ tướng Lon Nol, ông Cựu Tổng trưởng Thông Tin, Trịnh Hoànb, và nhiều vị cao cấp khác đều nói tiếng Việt rất giỏi, hoặc có bà con họ hàng gần hay xa với người Việt ở Cambodge, hay ở các tỉnh miền Tây Việt-Nam.

Tôi nhận thấy họ còn hãnh diện nói được tiếng Việt là đẳng khác.

Shianouk trước kia thường tự nhận là cựu học - sinh Sài Gòn.

Văn-hóa Khmer, mà tượng trưng là những nóc Chùa cong và những ngọn Tháp có chạm hình vũ nữ Apsara, chĩa từng đỉnh nhọn lên mây, dù với những lớp mái chùa sơn xanh đỏ còn mới tinh, vẫn mang nặng truyền thống Khmer cổ kính như văn hóa Hy-Lạp, La-Mã. Ngoài ra, là chẳng còn gì cá tính của dân tộc Khmer. Chế-độ quân-chủ đang sụp đổ dần dần ngay cả trong tinh thần dân chúng.

Trên các vách tường thành phố Pnom-Penh, hiện ra nổi bật những khẩu hiệu sau đây bằng tiếng Pháp, và viết bằng sơn đỏ :

— *Nous ne voulons plus de Shianouk.*

— *Nous demandons la proclamation de la République.*

(— Chúng tôi chán ghét Shianouk rồi)

— Chúng tôi đòi hỏi tuyên bố chế độ Cộng-Hòa)

Ông Vua Sải là Lãnh-tụ tinh thần tối cao của toàn dân Khmer, Samdeck Huôt Tath, ngự trị ở chùa Wat Onalôm, mà tôi có đến thăm một buổi chiều, cũng đã nói với tôi :

— Shianouk làm tay sai cho Cộng Sản, không còn là Samdeck của nhân dân Khmer.

Huôt Taht đã già rồi, trên 70 tuổi. Các vị Sải trẻ đã bắt đầu học tiếng Mỹ. ! Một vị đã hỏi tôi ngay nơi cổng chùa trước khi đưa tôi vào Vua Sải :

— You speak English ? (Ông nói tiếng Anh ?)

Tôi trả lời liền :

— I'm sorry. I speak Vietnamese.

(Tôi rất tiếc, tôi nói tiếng Việt-Nam).



Tôi có đọc tờ nhật báo Việt-ngữ «*Cứu quốc*» mà cái tên bằng hai chữ Việt này được in đè trên tên bằng chữ Miên «*Sroch Srang Cheat*». Giám-đốc Thạch-Chanh và chủ bút Lam-Biên đều là người Miên sinh trưởng ở Rạch-Giá.

Tòa soạn ở số 5 đường Oknha Trương-Cang (lại một tên Việt !). Trên tờ Báo đề : «*Năm thứ nhất, số 103. Ngày 19-7-1970, là ngày 16 tháng 6 âm lịch, năm Canh Tuất*».

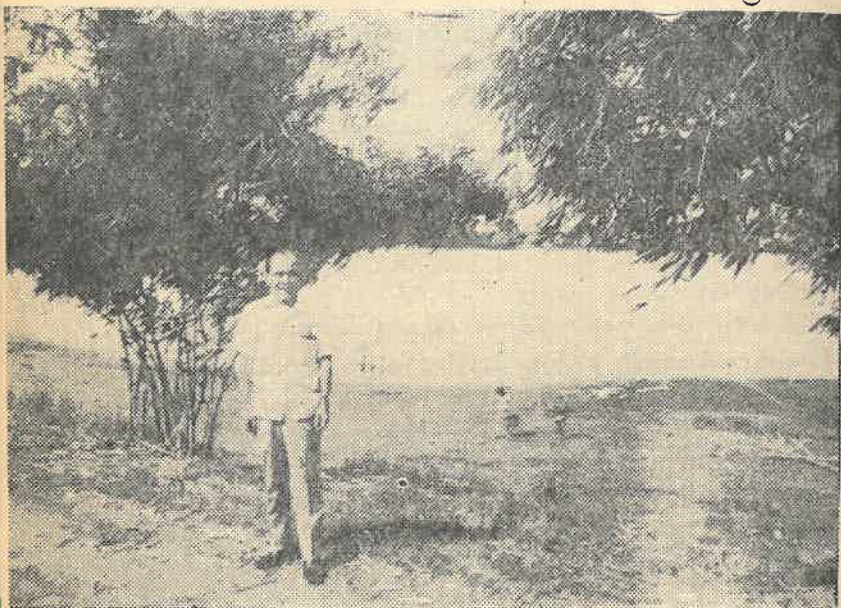
Tôi thích thú thấy dưới hình thức hoàn toàn Việt-Nam ấy, những bài xã-luận và tin tức đều tỏ rất nhiều

thiện cảm với người Việt, và nước Việt-Nam-Cộng-Hòa. Nhưng khi ngẫu nhiên tôi được xem những số báo cũ xuất bản vào thời kỳ «cấp dưỡng», thì những bài xã thuyết trên báo «*Cứu quốc*» Việt-ngữ này của Miên đã chửi rửa người Việt-Nam tàn tệ, gọi chúng ta là «kẻ thù truyền kiếp của nhân dân Khmer» !

(Còn nữa)



● N.V. trên bờ sông Tonlé Sap, cách Pnom-Penh 5 cây số, ngay nơi đây đã xây ra nhiều vụ cấp dưỡng ghê tởm.



Bức thư Thụy-Sĩ

Đường sang GENÈVE

● TRẦN.LÊ-NGUYỄN-VŨ

TRUNG thân ái,

ĐANG lẽ bức thư này phải gửi cho Trung từ THỤY-SĨ, như vậy mới đượm ít nhiều hương vị của sông nước hồ LÉMAN, nhưng vì thì giờ quá eo hẹp và tâm tư có nhiều khác khối nên đành phải gửi từ PAS-SAU, một thị trấn cỡ kính ở biên-thủy ĐỨC - ÁO. Cũng như những lần «động máu giang hồ» khác lần này bạn Trung vượt biên thủy Tây-Nam nước ĐỨC sang thăm Thụy-Sĩ, một xứ ở trung tâm ÂU-CHÂU, nơi được xem là «cửa ngõ bước vào số phận của thế giới». Điều ấy không

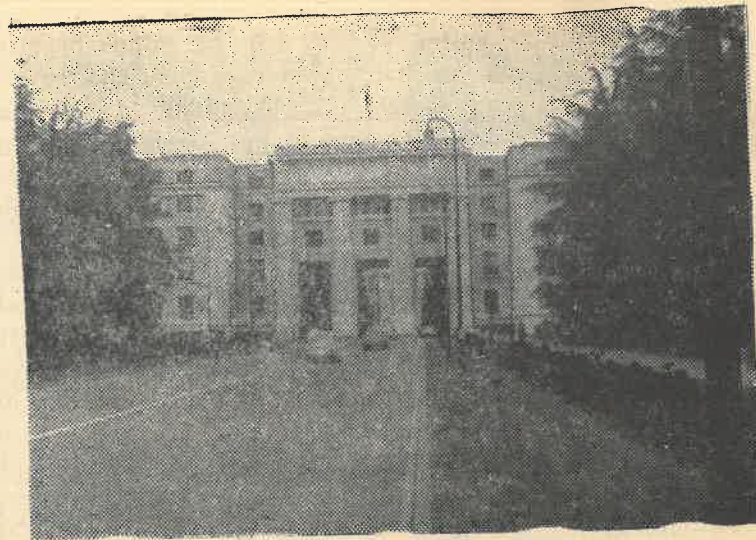
có gì đáng lạ, vì Thụy-Sĩ là nơi có tòa nhà Liên-Hiệp-Quốc, những vị tai to mặt lớn, tấp nập vào ra, mang số phận của những nước Á - PHI nhược tiểu đặt lên bàn mổ-xẻ, trong đó có số Phận khốn-khò của quê-hương mình. Quê-hương Việt-Nam mà Trung vẫn thường ca ngợi bằng những vần thơ tuyệt-tác mô-tả truyền-thống hiền-hách của Tô-Tiên.

Đường xa xứ lạ bao giờ cũng có quá nhiều màu sắc đậm đà thi-vị ám ảnh hồn kẻ lãng-tử phong-sương. Giang sơn nào cũng cảm tú, dân tộc nào cũng có những truyền-thống độc-đáo để cho người

ngoại-quốc chiêm nghiệm và thán phục. Riêng đối với bạn Trung, Thụy-Sĩ còn là xứ thần tiên tuyệt diệu. Trung biết gì sao không ? — Vì như một nhà thơ đã nói : «Xứ nào đẹp nhất ? — Xứ mà người yêu của anh đang ở. «Thụy-Sĩ là nơi Régina sinh ra và lớn lên trong những ngày tàn lụi của đệ nhị thế-chiến ; khói lửa ở biên thùy đã lắng dịu. Do đó vừa mới đặt chân tới bạn Trung đã đem lòng yêu mến với tất cả cảm tình đặc-biệt. Đừng vội trách nhau chủ-quan, đọc tiếp Trung sẽ biết vì sao. Tuy nhiên khuôn khổ hạn hẹp của một bức thư không thể dung nạp hết vấn đề xin khất lại với Trung trong một lần khác sẽ đi sâu vào Lịch-sử và Linh-hồn của Thụy Sĩ. Lần này chỉ kể cho Trung nghe những bất ngờ thú vị trên đường sang GENÈVE.

Thú vị và bất ngờ thứ nhất là 14 giờ đồng hồ trước lúc khởi hành, bỗng nhiên nhận được «chiếc bị giang-hồ» của Trung gửi tặng. Món quà Việt-Nam sao mà nồng nàn trang trọng đến thế ! Bạn của Trung đã ôm vào lòng và hôn

lấy hôn đề. «Chiếc bị giang-hồ» mẹ già khâu cho trước lúc sang Âu-Châu và «đôi giày vạn dặm» Trung gửi cho năm trước đã theo bước phong sương tan tành như xác pháo. Bạn Trung vẫn nức cười khi nghĩ đến hai chữ «vạn-dặm». Có lẽ Trung không ngờ rằng bạn của Trung trong một thời gian ngắn ngủi lại có thể vượt xa hơn vạn dặm đường. Bằng qua tám nước, ghé thăm trên 40 đô thị lớn nhỏ từ Bắc-Hải đến Đông-Âu. Đọc truyện cụ Nguyễn-Du, ngày xưa cho Ngô-Lào là xa lắm, ngày nay nữa vòng địa cầu cũng chỉ vụt qua trong nháy mắt. Cung Quảng của chị Hằng, bước chân con người còn đặt tới, thì sá gì mảnh đất nhỏ bé của Âu-Châu. Nhưng những dặm đường xa những thị-thành xa-hoa tráng-lệ thường dành cho những hạng con ông cháu cha tiền rủng rập bạc bèo. Đối với con nhà Việt-Nam nghèo-khó như chúng mình, cha mẹ sống thanh đạm, dầu tắt mặt tối với đồng lương nhỏ bé, không quen lòn cúi bợ đỡ, trộm cắp tham-những thì quả là chuyện may mắn phi thường. Với số tiền lãnh hàng tháng, bạn Trung đã hết sức



Tòa nhà Liên-Hiệp-Quốc (Palais des Nations) ở Genève.
Ảnh của Trần-Lê-Nguyên-Vũ.

dành-dụng không tiêu-pha hoang-phí, không thuốc men rượu trà, để rồi cuối mỗi khóa học lại nhẹ gót phong-trần lang-thang đây đó. Bạn Trung vẫn quan-niệm rằng sự học không thể gò-bó trong mô-từ-chương-hồn-độn. trong khuôn-khố hạn-hẹp của bằng cấp làm nắc thang danh-vọng nhất-thời. Chính các học từ-chương và lòng tham danh-vọng của Sĩ-phu thời trước đã nảy sinh óc vụ-lợi làm cho mất nước. Và buồn thay cho đến ngày-nay tở-quốc cũng chưa thoát khỏi họa ngoại-nhân ! Khoa-danh cử-nghiệp đã làm cho Sĩ-phu mất lập tại ngo trước cảnh «Quốc thổ trăm-luân dân tộc lụy», do đó mới có bài thơ «Chí thành thông thánh» và bài phú «Danh sơn Lương ngọc» của ba cụ Huỳnh-thúc-Kháng, Phan-chu-Trinh, Trần-quý-Cáp ở trường thi Bình-Định vào năm 1905. Cờ-nhân thường nói đến cái hạ của «Tận-tín-thư». Tận-tín-thư chính là cái «Purement livres-

que» mà ngày xưa Aristote, Montesquieu, Rabelais... đã lên án. Nói thế nhưng những cậu thư sinh bạch-diện của Trung, nếu nhác học, bỏ bê đèn sách, lêu-lồng chơi-bời, phải nọc ra giữa sân trường phết cho quần-dít. Bạn Trung vẫn thường ngâm-nga thắm-thía bài thơ của cụ Phan-bội-Châu, mà Trung chép gửi cho năm trước.

«Khác thường bay nhảy mới
là trai,
Chẳng chịu vằn xuáy mặc
ý trời
Trong cuộc trăm năm đành
có tớ
Rồi sau muôn thuở há không
ai,
Non sông đã mất mình khôn
sống
Hiền thành ngu-si học cũng
hoài
Đông-Hải xông pha nung
cánh gió
Nghìn làn sóng bạc mùa
ngoài khơi».

(Đào-Trinh-Nhất dịch)

Tỏ-Tiên ngày xưa há đã chẳng có những quan-niệm đẹp về «chí tang-bồng ngang dọc» đấy ư ?. Nhưng bạn Trung

lại cũng khoái mấy câu thơ của cụ Dương-Bá-Trạc :

«Nam-nhi mặc nợ tang-
bồng,
Dọc ngang trời rộng vầy-vùng
bề khơi.
Đưa nhau lên chốn vũ-
đài,
Văn-minh tấn-bồ cùng người
đua chen...»

Chuyến viễn-du sang Genève lần này hết sức vất vả. Từ 5 giờ sáng đã phải thức dậy để chuẩn-bị kịp chuyến tàu khởi-hành lúc 16 giờ 16 từ Passau theo ngã Pocking, Pfar.kirchen, Muhlendorf đến Munchen (Munich) lúc 9 giờ 5 phút. Nhằm ngày thứ hai kẹt đường, quanh-co mãi gần 11 giờ mới vào được tòa Lãnh-Sự Thụy-Sĩ ở số 33 đại-lộ Leopold. Khi người nữ nhân-viên xinh đẹp phụ-trách phòng chiếu-khán đưa ra cửa, bắt tay từ-giã thì đồng-hồ đã đúng 11 giờ 40. Thế là chuyến tàu dự-tính lúc 12g 20 đành phải trễ mất. Đã đi một khoảng khá xa, người nữ nhân-viên còn gọi lại tặng một tấm bản-đồ Thụy-Sĩ và mấy bức ảnh Genève. Phải nhận rằng trong việc cấp chiếu-khán,

Thụy Sĩ là xứ có phần dẽ dãi và nhanh chóng nhất. Ra Deutsche Bank đổi ít tiền Thụy Sĩ xong là lo chạy thực-mạng đến nhà ga cho kịp chuyến tàu 14 giờ 29 phút. Lộ-trình thông thường từ Munchen đến Thụy-Sĩ vượt biên-thùy ở Lindau. Nếu mình là dân Âu-Châu hoặc dân các nước khác như Mỹ, Nhật... thì chỉ việc phóc lên tàu ngủ một giấc ngon lành cho đến trạm chót, khỏi phải thức-mắc gì cả. Nhưng mình là người Việt-Nam, nên vấn đề rắc rối hơn. Không có chiếu khán của tòa Lãnh-sự Áo nên không thể xuyên qua biên thùy nước Áo ở Lindau. Đành phải đổi tàu vòng quanh hồ Bodensee, qua Kressbronn, Friedrichhafen, Markdorf, Muhlhofen, Uberlingen, Ludwigshafen, Rodolfzell, Singen đến Schaffhausen ga địa-đầu ở biên-giới Thụy-Sĩ. Lúc trở về cũng phải vòng qua lối này đôi tàu đến 6 lần. Vừa mệt, tốn thì-giờ, giá vé lại vừa đắt hơn (96 DM 50 — khoảng hơn 3.000 đồng V.N.). Tàu đến ZURICH đúng 20g 45. Nhờ sở du-lịch gọi mãi mới thuê được một căn-phòng tương-đối rẻ với giá 28 Francs

Suisse (khoảng 900 đồng VN). ZURICH là thành-phố lớn nhất của Thụy-Sĩ với 42 000 dân số, nằm trên bờ sông Limmat. Ban đêm đèn nê-ông sáng rực, người qua lại như mắc cửi. So với các thành-phố khác của Âu-Châu thì Zurich quá nhỏ, nhưng phong-cảnh hữu-tình, đẹp nhất là hồ Zurichsee. Nước trong xanh, sóng dậy nhấp-nhò, thuyền chở khách du-ngoại hụ còi inh-ỏi. Sát bờ sông đường-sá kang-trang rộng-rãi. Các chiếc cầu bắc qua sông Limmat có đến bốn đường dành cho xe hơi, hai đường cho tàu điện và hai lẽ bộ.hành rộng đủ 10 người đi hàng ngang cùng một lúc. Xuyên vào bên trong đường sá lại chật-hẹp, nhà cửa chen-chúc xây trên dốc cao. Có một loại tàu-điện leo dốc bám chặt rặng cửa đưa khách từ bờ sông lên đến sân trường Đại-Học Kỹ-Thuật nằm trên đỉnh dốc. Từ trên cao nhìn ra xa dãy núi Alpen sừng-sừng đội mây, màu sắc tím thắm. Lác-đác đó đây những nóc thánh-đường cao vòi-vọi. Ngôi thánh-đường nổi tiếng nhất ở Zurich là Grossmunster kiến-

trúc theo lối La-Mã, dưới hầm đá có tượng của KARL DER GROB (tức là Đại-đế Charlemagne) đầu đội vương-miện, râu bạc-phơ như tuyết, tay cầm ngang thanh bảo kiếm lớn. Tượng tạo từ thế kỷ 15, đào đợc ở bờ sông Limmat. Đặc biệt ngôi thánh-đường St Peterskirche có chiếc đồng-hồ vĩ-đại nhất Âu-Châu, mặt kính rộng 8th67. Tại Zurich có rất nhiều Bảo-tàng-viện và phòng triển-lâm, tính tổng cộng gần 30 cơ-sở lớn. Thú-vị nhất là nhà triển-lâm HELMHAUS ở số 31 đường bờ sông Limmat, tại đây du-khách có thể nhìn thấy nhiều vật trưng-bày rất lạ mắt từ bản tuyên-ngôn của thi-phái DADA đến chiếc Khinh-khí cầu cò-lò Sirius của Eduard Spulterini, người đầu-tiên bay trên không phận Zurich vào ngày 26-7-1891. Các biểu-ngữ và lối trang-tri hết sức «hippy». Ở cầu thang lên tầng 1 có bày trò chơi-chữ về địa-danh Zurich. Chữ Zurich có thể chiết-tự thành nhiều chữ khác nhau như : ICH ZU ER (Em thuộc về anh) ER ZU ICH (Anh thuộc về em) ZU REICH (giàu quá) ZU CHERI (cưng quá) hoặc CHRUEZI, ZUERI

CH, ZU RICHE...

Bảo-tàng-viện Landesmuseum ở sau trung ga Zurich trưng bày nhiều mộ đá còn nguyên xương-cốt, xưa từ nhiều ngàn năm trước Thiên-chúa giáng-sinh. Đặc biệt có gian hàng thuốc Bắc ở thế-kỷ 18 đầy đủ áo cầu thuyền tán như của các chú Ba Tàu chọi lớn. Khi vào xem gian phòng binh-khí, bạn Trung thắc-mắc mãi, chẳng biết với những ngọn giáo không-lò, những thanh trường kiếm nặng như thế, con người làm sao có thể cầm và chiến-đấu đợc ? Không lẽ người đời xưa mạnh hơn người đời nay ? Khẩu súng trường Garant MI đối với tầm-vóc người Tây-phương thì vừa, nhưng với người Việt Nam đã là nặng. Đọc truyện Tàu thấy mô-tả quả chùy của Lý-Nguyên-Bá nặng 300 cân, thanh đao của Quan-Công nặng 150 cân bạn Trung vẫn cho là tiêu-thuyết khoaác-lác, không ngờ binh-khí đặt trong các tủ kính kia lại gần giống tiêu-thuyết. Zurich có một vườn Bách-Thú khá lớn và một Phi-Trường phân lực vào hàng tối-tân quốc-tế. Ở chơi Zurich

hai hôm lại khăn gói gió đưa, tiếp-tục hành trình đến Genève. Một bất-ngờ khác xảy đến làm đảo lộn cả chương-trình. Trên chuyến tàu khởi-hành lúc 8 giờ 26 đi Genève bạn Trung gặp một sinh-viên Thụy Sĩ tên Jurg. Anh Jurg là sinh-viên Kỹ sư năm cuối cùng ở trường Bách-Khoa Liên-bang Zurich (Eidgenossische Technische Hochschule) nghỉ hè về Bern thăm nhà. Nói chuyện một lúc cả hai cảm thấy tâm đầu ý-hiệp mến nhau kháng-khít. Jurg khẩn khoản mời về Bern chơi. Thế là bạn Trung nhận lời xách khăn gói theo người bạn mới xuống ga Bern. Trời mưa như trút, hai anh em đột mưa chạy lên tàu điện. Về đến nhà Jurg gọi mẹ ra giới-thiệu. Bà niềm-nở bắt tay, vồn-vã hỏi chuyện Việt-Nam. Gia-đình Jurg rất thanh-bạch. Phòng khách chật-chội, chất nhiều sách quý và một chiếc dương-cầm lớn đặt trong góc. Bà cụ mang trà mời khách, Bạn Trung bèn tò-mò hỏi chuyện, đợc biết cụ là giáo-sư âm-nhạc tại Biel một tỉnh nhỏ cách Bern 20 phút tàu chạy. Cụ biểu Jurg đưa đi xem các thắng-cảnh Bern, trưa lại cụ cho ăn món xúp hành và khoai

tây nấu theo kiểu Thụy-sĩ ngon không làm sao quên đợc. Ăn xong cả nhà quây-quần nói chuyện. Bà cụ đàn dương-cầm, Jurg chơi clarinette những bản nhạc thuần-túy Thụy-sĩ gọi là quả «tặng khách». Bạn Trung cũng hát mấy bản dân-ca của quê-hương để tạ-lòng tri-ký. Chiều đến cụ Ông trở về. Cụ làm việc ở xa sáng đi sớm, chiều về muộn. Gặp khách cụ cười xòa, bắt tay chào hỏi hết sức niềm-nở, Cụ nói đợc rất nhiều thứ tiếng, Cụ nhìn khách trăm-giọng :

«Hàng ngày đọc báo thấy nói đến những trận-chiến tàn-khốc ở Việt-Nam chúng tôi đau xót lắm. Chúng tôi vẫn thường cầu-nguyện cho xứ.sở ông sớm trở lại thanh-bình, Dân-tộc ông rất anh-hùng nhưng cũng rất cực-khổ». Tự-nhiên cảm-thấy buồn da-diết, Cụ hỏi tiếp về phong-tục tập-quán Việt-Nam. Cụ bắt nói vài câu tiếng Việt cho cụ nghe. Cụ mỉm cười tỏ vẻ thích-thú. Có một điều lạ mà bạn Trung rất sung-sướng là cụ hiểu rất rõ về lịch-sử Việt-Nam. Cụ biết cả Hưng-Đạo-Vương, Trần-quốc-Tuấn, đã ba lần phá tan



Ảnh đặc biệt của Phở-Thông. Phái đoàn V.N đang thuyết trình tại hội-nghị giáo dục quốc tế thứ 32 ở Genève (chụp lúc 16g25 ngày 3-7-1970)

quân Mông-Cò trên sông Bạch-Đằng và Quang-Trung Đại-Đế đánh tan 20 vạn quân Thanh vào năm 1789. Bạn Trung ôm lấy tay cụ cảm-động gần như muốn khóc. Đây là trường-hợp hiếm-có. Ngoài một số nhà văn nhà báo vì nghề-nghiệp, vì tò-mò đã bỏ công tìm hiểu Việt-Nam, còn đa-số người Âu-Châu tuyệt-đối không hiểu gì về Việt-Nam cả. Họ chỉ biết mơ-hồ một xứ nhỏ bé nào đó ở Viễn-Đông

với những hình-ảnh ghê-rợn về nội-chiến tàn-khốc. Những quả bom nổ tung giữa phố-xá đông-đức, xác người gục xuống óc não văng tung-tóe, những đò bọ tham-nhúng đục rỗng thối-tha, những trận đấu-khâu dằng-dai ở Paris và gần đây nhất là những xác người nổi lênh-bềnh trên sông Mékong. Chỉ có thế ! Bạn Trung còn nhớ trước đó trăm lần như một, mỗi khi nghe xưng mình là người Việt-Nam, họ đều bịt

miệng kêu lớn «Lạy Chúa !» (Mein Gott !) Thầm chí có kẻ còn xem Việt-Nam như là một tội-ác của thế-giới. Đó là trường-hợp tên Quản-lý khách sạn DE GRAAS ở đại-lộ LIBERTÉ tại Luxembourg. Khi anh T. đưa tấm thông-hành để nhà hàng ghi vào sổ. Nhìn thấy chữ ĐÀ-NẰNG (sinh-quán của anh) hẳn ngược mắt nhìn lên bảo : — «Hà ! Một địa-danh nổi tiếng !». Anh T. mỉm cười tưởng hẳn thông-hiểu địa-lý Việt-Nam. Nhưng hẳn bủ-môi bảo tiếp : — «Nổi tiếng xấu chứ không phải tiếng tốt đâu !» — Anh T. nghiêm mặt hỏi tại sao. Hẳn lễ độ trả lời : — «Xin lỗi ông tôi không muốn làm ông buồn, vì ông là người Việt-Nam. Nhưng nếu ông cho phép tôi được tỏ ý-kiến thì tôi phải nói rằng cuộc chiến Việt-Nam là một tội-ác của thế-giới». Lần ấy bạn Trung đã mất gần một giờ đồng-hồ để giảng-giải cho nó hiểu về hoàn-cảnh của xứ-sở mình. Lúc còn học ở Brannen-burg, bạn Trung ngồi ăn cơm với hai giáo.sư Đại-Học người Chi-Lợi (Cililie) đến tu-nghiệp ở Tây-Đức. Một người hỏi : «Ở xứ ông nói tiếng Pháp hay

tiếng Tàu ?» Khi trả lời rằng người Việt-Nam nói và viết bằng «Tiếng Việt», ông ta tỏ vẻ nghi-ngờ không tin. Họ cứ tưởng xứ sở mình trước kia nô-lệ Tàu, Pháp thì phải dùng tiếng Tàu, tiếng Pháp làm ngôn-ngữ như các nước ở Châu-Mỹ La-tinh dùng thồ-ngữ của mẫu-quốc Tây-Ban-Nha, Bồ-Đào-Nha vậy. Đưa tạp-chí Phở-Thông cho xem lúc đó mới chịu tin. Từ đấy họ nhìn sinh-viên Việt-Nam với con mắt nể-nang ; thán-phục một xứ có gần 5.000 năm văn-hiến, có ngôn-ngữ và văn-tự riêng. Trung thấy chưa ? Giáo-sư Đại-học mà còn thế đấy, huống hồ người thường.

Gần tối cô con gái lớn của cụ học ở Genève nghỉ hè trở về Bern. Nàng cao và gầy, khuôn mặt trái xoan, đôi mắt xanh biếc. Cách ăn mặc hết sức đơn-sơ giản-dị. Nàng đưa tay bắt tự giới-thiệu tên REGINA. Regina đã tốt-nghiệp Đại-học và hiện đang chuẩn-bị trở thành cô-giáo. Tối ấy ở Đại-Thánh-Đường Bern (Ber-ner Munster, tạo năm 1421) có buổi hòa tấu âm-nhạc. Cụ Bà mời khách đến dự cho biết

«mùi vị Thụy-Sĩ. Jurg phải chen lẫn vất-vã lắm mới mua được 4 chiếc vé. Trên đoạn đường từ nhà đến Thánh-đường Regina thờ-thê kể lịch-sử của Thủ-đô Thụy-Sĩ. Nàng hỏi rất nhiều về Việt-Nam và hết sức thích-thú khi nghe nói đến những điệu hát Nam-Ai, Nam-Bình của các cô gái chèo đò trên sông Hương. So với ban nhạc Philharmonique ở thành Wien nước Áo mà bạn Trung đã có dịp thưởng-thức thì ban nhạc của thủ-đô Thụy-Sĩ chẳng thấm vào đâu cả, nhưng đặc-biệt có nhà nghệ-sĩ chơi trống rất tài-tinh. Nghệ-thuật «kịch-cờ» đạt đến mức tuyệt-diệu, điêu-luyện không kém gì lẫn chúng mình xem anh L. biều - diên Nhạc - vũ Quang - Trung ở Bình - Định. Đêm ấy lúc trở về Regina lại đàn dương cầm cho nghe. Những nốt nhạc thánh-thót dịu-dàng như bản tính hiền-hòa của người dân Thụy-sĩ vang lên trong không gian tịch-mịch. Những ngón tay dài thon mũi viết lướt đều trên phím ngà, nhẩy múa tung-tăng như những lượn sóng ở mặt hồ Zurich. Lòng-kẻ lắng-tửu bỗng nảy sinh một mối cảm-

hoài vô-hạn. Đàn xong Nàng tự tay trải giường cho ngủ. Nhà không có phòng riêng phải nằm tạm ở chiếc nệm đặt gần đường-cầm, trên vách treo tấm thảm dệt mang tên «L'arbre aux corbeaux ou Hommage à Jean de Lafontaine» của nhà dệt Tabard Aubusson do Card Bieri của Thụy-sĩ vẽ.

Đêm ấy thực-sự ngủ một giấc ngon lành với nhiều mộng đẹp, trí nhớ mãi câu nói của bà Cụ tương-tự như câu ngạn-ngữ ở xứ ta «Chặt bụng không chặt chỉ nhà». Đối với những kẻ có tâm-hồn siêu-đẳng thì cuộc sống vật-chất bao giờ cũng thanh-đạm, nhưng cõi lòng ngược lại rất bao-la phóng-khoáng. Sáng hôm sau theo Regina đi xem thêm các thắng-cảnh khác của Bern. Từ công-viên Rosengarten nhìn xuống, thành phố Bern trải rộng như một tấm thảm nhưng ngủ-sắc im-lìm bất động. Dòng sông AARE uốn khúc giao-long. Xa xa các ngọn Eiger, Monch, Jungfrau sừng-sừng đội mây, cao hơn 4.000 thước, tuyết-phủ bạc đầu. Dưới chân Rosengarten là chuông gấu, biểu-hiệu đặc-biệt của thành

phố Bern. Trên hiên-kỳ của quận Bern có thêu một chữ gấu đen thê lưỡi dài nổi bật trên nền vàng đỏ. Bern, thị-trấn ở cao hơn mặt bể 543 thước được chọn làm thủ-đô Thụy-sĩ từ ngày 28.11.1848 ; lúc bấy giờ chỉ có 25.000 dân-số. Ngày nay dân số của Bern tăng đến 170 000 người. Một nét lạ khác của Bern là phố xá hai bên đường đều có hành-lang rộng có mái che kiến-trúc theo lối gô-tich, ba-rốc dựng cho bộ-hành. Đi giữa hành-lang dài hun-hút du-khách có cảm-tưởng như lạc vào các pháo-lũy xưa. Khắp các ngã đường có rất nhiều máy nước sơn-phết sặc-sỡ mang những tên và hình-ảnh kỳ lạ phỏng theo thần-thoại như Ryffli-Brunnen, Dudelsackfifer-Brunnen, Anna-Seiler - Brunnen, Zahringer-Brunnen, Samson - Brunnen, Gerechtigkeitsbrunnen, Laufer-Brunnen, Vermer-Brunnen... Lạ nhất là Xindlifreser-Brunnen mang hình cụ chằng tinh ăn thịt con nít. Chung quanh lưng cụ giắt rất nhiều con nít, miệng bơm-bém nhai một thắng bé đỏ hồng. Regina dẫn vào thăm các bảo-tàng viện Historisches Mu-seum, Alpines-Museum, Naturhistorisches - Museum, Schutzen Museum và các thánh đường Heiligegeistkirche (xây năm 1729) Dreifaltigkeitskirche... Tất cả chẳng có gì đặc biệt, cuối cùng đến xem tòa nhà Liên-Bang (Bundeshaus) nơi Quốc-Hội Thụy-Sĩ họp. Các phiên họp thường niên được ấn định vào ngày thứ hai đầu tháng 6 và tháng 12 mỗi năm. Tuy nhiên trong thực tế Quốc-Hội Thụy-Sĩ họp nhiều lần. Từ ngoài vào có tượng TROIS SUSSES do nhà điêu khắc James Vibert tạo. Theo truyền kỳ thì sự kết hợp đầu tiên tạo nên xứ Thụy-Sĩ vào năm 1291 chỉ có ba Tiểu-bang (Người Thụy-Sĩ gọi là Kanton có nghĩa là quận). Ngày nay Thụy-Sĩ có đến 24 quận. Đó là các quận Valais (1815), Graubiinden (1803) Thurgau (1803) Neuchatel (1815) Ticino (1803) Vaud (1803) Genève (1815) Aargau (1803) St Gallen (1803) Baselstadt (1501) Baselland (1501) Schaffhaus (1501) Appenzell (1513) Fribourg (1481) Zug (1352) Zurich (1351) Luzern (1332) Glarus (1352) Bern (1353)

Solothurn (1481) Obwalden (1291) Uri (1291) Schwyz (1291) Nidwalden (1291). Tất cả 24 quận họp lại thành Confoederatio Helvetica tạo nên Quốc-gia Thụy-Sĩ. Ở hai đầu cầu thang bước lên các phòng họp trên bốn trụ đặt bốn pho tượng dũng-sĩ tượng-trưng cho bốn thứ tiếng dùng trong toàn cõi Thụy-Sĩ : tiếng Pháp, Đức, Ý và Rô-măng. Phải chăng đó cũng là một nét đặc-biệt nói lên tính-chất «quốc-tế» của xứ này? Vào sâu bên trong, màu sắc mát dịu, trên trần có nhiều bức tranh tuyệt đẹp. Tại các phòng họp của quốc-hội có hai bức bích-họa lớn, chiếm cả khoảng đường từ đầu này đến đầu kia, một của họa-sĩ Albert Welti mang tên «Landsgemeind» và một của họa-sĩ Charles Giron vẽ núi hồ Thụy-Sĩ. Các cậu bé học-sinh vào thăm tòa nhà Liên-Bang đã đứng nghiêm hát một bài ca Thụy-sĩ đề cảm-tạ tiền-nhân đã dày công dựng nước, Regina hát theo, khuôn mặt hiện-từ thánh-thiện, đượm vẻ trang-trọng khác thường. Nàng ghé sát tai nói nhỏ : — «Anh biết không các nghị-sĩ làm việc rất nhiều nhưng chỉ lãnh một ngày

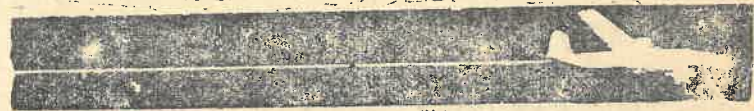
lương tượng-trưng». Khác với xứ mình các nghị-sĩ lãnh lương cao nhưng lại trốn họp. Rồi Bundeshaus sang thăm viện Đại-Học Bern nằm ngay trên sân thượng của nhà ga. Hai đứa đưa nhau vào Cầu-lạc-bộ uống trà. Bồng nhiên Regina buồn rười-rượi. Chỉ còn 15 phút nữa phải xa nhau. Nàng trở về mái nhà xưa ngập đầy hoa Hồng đỏ, bạn Trung thì cánh mộng-giang-hồ thoảng gió chơi-vơi. Từ sân thượng xuống nhà ga, nàng im-lặng không nói, đôi mắt băng-khuâng vơi-vơi. Chuyển tàu đến Lausanne trễ mất 8 phút. Hai đứa ngồi trên băng đá : — «Anh có tin rằng cuộc gặp-gỡ này là một định-mệnh. Tại sao anh gặp Jurg, ghé Bern chơi, đề rồi lại phải xa nhau!». Tiếng nàng trầm-trầm uất-nghẹn. Tự nhiên thấy mình như muốn khóc, nhưng biết làm sao được khi hình-bóng một nàng Tiên Việt-Nam ở quê nhà đã ngự-trị toàn-vẹn quả tim kẻ lãng-tử giang-hồ. Con tàu chọt đến, hình-ảnh quen thuộc màu cờ đỏ chiếc thập-tự trắng nằm giữa sáu chữ SBB.CFF(r) dừng lại ở hành-lang số 2. Hầm tàu ga Bern lạnh-lẽo. Bàn tay Regi-

na đưa vẩy khuất dần, khuất dần. Ngồi phịch xuống băng ghế buồn trở như phồng đá. Tàu đến Lausanne lúc 12 giờ 20 phút. Đạo một vòng phố, ghé thăm Bảo-tàng-viện Cầm-Điều-Học và Địa-Chất-Học ở Đại-Học đường Lausanne. Tại đây du-khách có thể nhìn thấy tận mắt từ quả trứng của một loài chim lạ không-lồ to như một khối đá đến quả trứng bé tí-teo của một loài rắn nhỏ, từ con Hà-mã vĩ-đại ở Trung-Mỹ đến những loài cầm-thú dị-kỳ của Phi-Châu mà từ nhỏ

đến giờ bạn Trung chưa hề biết đến. Trong viện Bảo-tàng Luxemburg cũng có nhiều con thú lạ được ướp giữ cẩn-thận trưng-bày cho du-khách xem, nhưng ở đây đẹp và nhiều bảo-vật hơn gấp bội.

(Còn nữa)

(1) Chữ viết tắt của hai thứ tiếng Đức-Pháp : *Schweizerischen Bundes-Bahnen* và *Chemins de Fer Fédéralus* có nghĩa là *Hỏa-xa Liên-Bang!*



● **Qui bene amat, bene castigat.**

Kẻ yêu nhiều, trừng phạt nhiều.

(Tương tự với từ ngữ : Yêu nhau lắm, cắn nhau đau)

Tục ngữ la tinh

● **A penny saved, a penny gained.**

Một xu tiết kiệm, một xu có lời.

Tục ngữ Anh

TỪ TĂNG - DOÃN - VĂN

TỚI TĂNG - BẠT - HỒ

LỜI NGƯỜI VIẾT :

Chúng tôi nhận thấy rằng nếu không có TĂNG BẠT HỒ thì không có Phan-bội-Châu, không có Kỳ Ngoại-Hầu Cường-Đề. Ấy thế mà đến hôm nay nơi thờ phượng nhà Chí-Sĩ họ Tăng ở Ân-Thường, Hoài-Ân (Bình-Định) vẫn chưa có, kể cả mộ phần cũng chưa được đem về quê.

Vì vậy chúng tôi, qua hội VĂN HÓA tỉnh Bình-Định, đang vận động xin chính quyền giúp đỡ phương tiện đưa mộ phần TĂNG BẠT HỒ về nơi sinh quán và xây-lăng tẩm hân hoi.

Bài viết sau đây chúng tôi căn cứ vào những gì con cháu TBH còn giữ được sau khi đã đem đổi chiếu với những điều mà các bậc kỳ lão tại Ấp Ân-Thường, Hoài-Ân giữ được.

Chúng tôi cũng chỉ nói đến phần trước, còn phần sau kể từ TBH sang Nhật, Tàu, Nga... thì có nhiều sách nói đến rồi.

TBT

ĐI đường. Quốc Lộ số 1 theo hướng Qui Nhơn—Quảng Ngãi, đến ấp Bình - Chương thuộc xã Hoài-Đức quận Hoài Nhơn (Bình Định) rẽ lên Tinh lộ số 3 (Ngã 3 này gọi là ngã 3 Cầu Vội) được chừng 1 cây số thì có một bến đò bắt ngang qua sông Kim Sơn nối liền giữa ấp Lại Khánh (Hoài-Đức) với xã Ân Thạnh (Hoài - Ân, Bình Định). Qua khỏi bến đò đi rẽ lên phía tay trái độ 4 cây số thì tới làng Ân Thường.

Làng Ân Thường phía Đông-Bắc giáp sông Ân Lão, phía Đông-Nam giáp sông Kim Sơn, phía Tây-Bắc giáp núi non và được bao bọc bởi con suối Cái (Suối chảy ra sông Ân Lão), phía Tây-Nam lại giáp núi non. Vì vậy ở trên không nhìn xuống làng Ân-Thường chẳng khác nào một bán đảo nếu không muốn nói là như một cù lao trôi nổi.

Nơi đó năm Kỷ Mùi (1858) một bé trai cắt tiếng khóc chào đời. Bé trai đó được mang tên là TĂNG-DOÃN-VĂN.

Thân phụ và thân mẫu TĂNG DOÃN-VĂN hiện thời không ai rõ là tên gì, chỉ biết chắc chắn là người gốc gác mấy đời sinh sống tại Ân Thường (Ân Th, nh, Hòa Ân, Bình Định).

Người ta chỉ biết TĂNG DOÃN VĂN có người anh ruột tên là TĂNG-DOÃN-KHẮC, tục gọi là Thủ Chỉ Dương.

Năm 1866 Triều đình bắt lính Tăng Doãn Khắc (tục gọi Thủ Chỉ Dương). Nhưng Tăng Doãn Khắc trốn không đi. Tăng Doãn Văn mới đi thế cho anh. Tăng Doãn Văn giữ chức vụ thợ lại đơn vị giữ kho súng tại cửa biển AN DŨ thuộc xã Hoài Hương, quận Hoài Nhơn Bình Định.

Khi cửa Thuận bị thất thủ, Tăng Doãn Văn cùng các đồng chí cướp lấy súng đạn ở kho An-Dũ đem về quê (Ân Thường) cất dấu, chiêu mộ nghĩa quân.

Tăng Doãn Văn được anh em nghĩa quân tôn làm Đề Đốc chỉ huy Nghĩa Quân. Do đó địa gian thường gọi Tăng doãn Văn là Đề VĂN.

Nguyễn Thân gọi Đề VĂN là Đề Ngụy.

LẤY LẠI GIANG :

Tăng Doãn Văn ước hẹn với Mai Xuân Thường đánh lấy đồn Lại Giang của Nguyễn Thân.

Nhưng vì ở Hoài Ân có đồn Lạc Giang (thuộc xã Ân thường)

nên Mai Xuân Thường và Bùi-
Điền làm nên đến ngày giờ ước
bẹn Mai Xuân Thường và Bùi-
Điền đã đem quân vây Lộc Giang
Trong lúc đó Tăng Doãn Văn vây
Lại Giang, thành ra lực lượng
bị phân tán, do đó thất bại.

NHỮNG NGƯỜI CÙNG ĐI VỚI TĂNG DOÃN VĂN :

— Đội Dung (người ở đầu
ngày nay không ai rõ)

Ông Sở người ở ấp Vạn đức
(còn gọi là Vạn Hội thuộc xã Ân
Tín quận Hoài Ân) Ông Sở con
cháu của Thuộc Biền (mỗi buôn
người Thượng cử một người đại
diện gọi là Thuộc).

— Ông Lê Thức sinh năm Ngọ
(1857) tại Ân Thường, Hoài ân
Bình-Định.

—

NGUYỄN NHÂN THOÁT CHẾT :

Đêm Tăng Doãn Văn vào đồn
Lại Giang. Nguyễn Nhân đi vào
đồn Phú Cũ chưa về nên thoát
chết.

TĂNG DOÃN VĂN BỊ THƯƠNG

Tăng Doãn Văn nhảy vào đồn

Lại Giang (Bồng Sơn) có đem
theo hai người học trò. Tim
Nguyễn Thân không có thì bị
vây. Tăng Doãn Văn chống cặp
song kiếm cho hai học trò nhảy ra
rồi nhảy ra sau. Khi nhảy ra tăng
Doãn Văn bị thương mũi tên ở chân

Tăng Doãn Văn và Lê Thức
chạy thoát.

Đội Dung, Ông Sở và 8, 9
người khác bị bắt. Nguyễn Thân
cho đem chém tại BẾN GIÁ thuộc
ấp An Đông xã Bồng Sơn.

TĂNG DOÃN VĂN BỎ VỢ :

Tăng Doãn Văn chạy về Ân-
thường, vợ và bỏ vợ rồi đi trốn.
Vì chân bị thương không thể đi xa
ngay được nên Tăng Doãn Văn
được đồng bào dẫu nuôi trong một
hàng tre tại Ân thường.

NGUYỄN THÂN TRẢ THÙ

Nguyễn Thân tìm lên Ân
thường lùng bắt vợ Tăng Doãn
Văn. Nhưng dân chúng nói Tăng
Doãn Văn đã bỏ bà ta rồi nên
Nguyễn Thân tha.

Nguyễn Thân đốt nhà người
anh ruột của Tăng Doãn Văn là
Tăng Doãn Khắc (tục gọi Thủ
Chỉ Dương) tại Ân thường rồi
lội sông qua làng Thanh Tú thuộc
xã An Phong tìm đốt nhà bà
Huỳnh sui gia với Tăng Doãn
Khắc.

TĂNG DOÃN VĂN ĐỔI THÀNH TĂNG BẠT HỒ :

Mặc dầu Nguyễn Thân cho tìm
cả gặt gạo, nhưng đồng bào Ân
Thường vẫn giấu kín, nuôi nấng
Tăng Doãn Văn ở trong lùm tre
cho đến khi lành vết thương.

Sau khi lành vết thương Tăng
Doãn Văn được nghĩa quân đưa
xuống ghe qua sông Kim Sơn đi
thẳng lên làng Nghĩa Điền nguồn
Kim Sơn qua đèo Dốc Đốt (ngọn
đèo giáp giới với An Khê đi một
ngày đường chưa hết đèo).

Đi giữa đèo TDV gặp một
cọp thật lớn đứng chặn đường.
Tăng Doãn Văn bình thân nói :
Tôi đi vì lòng ái quốc, vì đại
nghĩa chứ không phải việc tư lợi.
Nếu ngài thương cho kẻ vong
quốc này thì tránh ra cho tôi đi ;
còn không thì Ngài cứ việc ăn
thịt.

Nghे vậy cọp tránh cho
Tăng-Doãn-Văn đi.

Từ đó Tăng-Doãn-Văn mới
có tên là TĂNG-BẠT-HỒ.

MỘT VÀI GIAI THOẠI...

— *Chữ viết của Tăng-bạt-
Hồ* : Các bậc kỳ lão kể lại rằng

chữ Tăng-bạt-Hồ viết chữ thật
là đẹp.

— *Tăng-bạt-Hồ giỏi võ* :
Tiếng đồn tăng-bạt-Hồ rất giỏi
võ. Nào là :

— Tăng-bạt-Hồ ôm thùng
nước nhảy từ bên này mái nhà
sang bên kia mái nhà mà nước
trong thùng không đổ.

— Tăng-bạt-Hồ chống song
kiếm thông từ bên này mái nhà
sang bên kia mái nhà như chơi...
(Tăng-bạt-Hồ đã chống song
kiếm để đưa hai học trò vào và ra
thành Bồng-Sơn (đồn Lại-gia g.))

— *Tăng-bạt-Hồ cỡi ngựa* :
Khi chân lành và được nghĩa
quân đưa đi qua sông để qui
ĐỐC ĐỐI Tăng-bạt-Hồ có đề
lại làng Ân-thường một con
ngựa. Con ngựa này được đồng
Ân-Thường thay nhau nuôi.
Sau chết tại Ân thường.

CON CHÁU :

— Tăng-bạt-Hồ không có con.

— Cháu của Tăng-bạt-Hồ
hiện thời còn rất nhiều. Ở đây
chúng tôi tạm ghi lại con cháu
của người anh ruột Tăng-bạt-Hồ
là Tăng-Doãn-Khắc mà thôi.

TĂNG-DOÃN-KHẮC (tục gọi Thủ Chi Dương)

Sinh được các người con sau đây :

Con thứ hai (con đầu) : Tăng-Doãn-Dương (tên con là Quyên)

Tăng-thị-Quyên — Tăng-thị-Như

Cao-Lễ

Con thứ năm : Tăng-Phái

Tăng-Nhu (có tên là Tăng-Thành, chết sớm)

Tăng-Cang (tục gọi ba Cang)

Tăng-thị-Hoa.

Con thứ tám : Tăng-Doãn-Địch (tục gọi Cầu Trì)

Tăng-Học (tục gọi Hương mục Huấn)

— Tới thời kỳ Việt-Minh Tăng-Học đổi thành Tăng-Thành trùng tên với Tăng-Thành tức Tăng-Nhu con của Tăng-Phái đã chết.

Tăng-Học sinh được :

— Tăng-thị-Huấn

— Tăng-thị-Dụ

— Tăng-Doãn-Giác

— Tăng-Đông-Kích.

Con thứ chín : Tăng-Doãn-Chấp (tục gọi Hương-Bộ Thông)

Tăng-Thông (xã Phán) — Tăng-Nghi

Tăng-Phán.

Con thứ mười : Tăng-Doãn-Dị (phó Mười)

Tăng-Chở

TRẦN-ĐÌNH-THÁI

LE MUR

BỨC TƯỞNG

★★★ JEAN PAUL SARTRE

Bản dịch của

□□□ NGUYỄN-HỮU-TRỌNG

(tiếp theo kỳ trước)

GIỮA một hoàn cảnh như thế tôi nghĩ ban bố cho hẳn ta một chút tình thương dẫu đó cũng không phải là một việc làm đáng hổ thẹn, nhưng sở dĩ tôi không ban bố cho hẳn ta tình thương dù là lòng thương hại trong lúc này vì tôi đã quá ư ghê tởm sự thương hại mà chính anh ta đã làm tôi kinh sợ nữa là đang khác.

Hắn chỉ im lặng, không nói một lời nào, trông dáng anh ta đến thâm hại, người nét xanh xám hẳn, mắt và tay đều xám. Hẳn ta ngồi ủ rũ đầu cúi xuống đất với đôi mắt tròn xoè. Tôi với bản tính thuần hậu, anh ta định cầm lấy tay cậu bé nhưng nó đã giật mạnh rút tay ra và khẽ nhăn mặt.

Tôi nói khe khẽ :

— Để đó, mày hãy nhìn xem,

nó khóc rồi đây.

Tom nghe tôi một cách tiếc rẻ; anh ta muốn an ủi chú bé, làm như thể anh ta sẽ bận rộn và không còn thì giờ để lo nghĩ đến cá nhân mình được. Song, điều đó chính là lý do khiến tôi bức tức; tôi chưa bao giờ nghĩ đến cái chết và thật tình thì chưa có dịp xảy ra, nhưng hôm nay thì dịp ấy đã đến với tôi và hiện tại đối với tôi chẳng có gì đáng để cho tôi lo nghĩ ngoài cái chết đang ám ảnh.

Tom cất tiếng và hỏi tôi :

— Mày trước đây đã giết người phải không ?

Anh ta hỏi xong rồi, nhưng tôi vẫn im lặng, không chối cãi cũng không chấp nhận. Anh ta bắt đầu thổ lộ những gì bí mật của đời anh cho tôi nghe. Theo lời anh kể thì từ đầu tháng tám, anh đã hạ sát sáu người. Anh ta cho biết anh ta không nhận thức được công việc mình làm như thể là đúng hay sai, anh đổ lỗi cho tình thế. Nhưng, theo tôi nhận xét thì không phải thế mà thực sự là anh ta chẳng muốn nhận thức

mà thôi. Ngay chính tôi cũng không hiểu được anh ta nữa, anh ta quả là một con người khó hiểu tôi tự nghĩ vẫn vợ và tự đặt câu hỏi là không biết người ta có đau đớn lắm hay không, tôi lại nghĩ đến những viên đạn, tôi liên tưởng đến những trận mưa đạn xối xả vào người xuyên qua thân thể của chính tôi. Điều đó thật đã vượt ra ngoài sự hiểu biết thông thường của cá nhân mình; nhưng dù vậy tôi vẫn bình tĩnh vì chúng tôi còn lại ngót một đêm suy gẫm, để nhận thức điều đó. Một lúc sau, Tom ngừng nói và tôi khẽ đưa mắt liếc anh ta; tôi trông thấy trên khuôn mặt hắn cũng hiện lên một nét buồn thảm, trông thấy hắn quá khổ sở, tôi lại nghĩ thầm: (Bây giờ đã bắt đầu rồi đây.) Đêm đã xuống sâu, màn đêm bao la phủ trùm vạn vật, một ánh sáng lờ mờ lọt qua khung cửa sổ và đồng thanh hiện thành một vết to lớn dưới trời đêm; qua khung cửa hồng ở trên trần, tôi nhìn thấy một vì sao, đêm sẽ trong sáng và mang theo buốt giá tràn ngập tâm hồn.

Cánh cửa vụt mở và một tên gác bước vào. Theo phía sau, tôi thấy có một người đàn ông tóc

vàng hoe mặc quân phục Bỉ. Anh ta đưa tay chào tất cả chúng tôi và nói :

— Tôi xin tự giới thiệu, tôi là y-sĩ người Bỉ. Tôi vừa được lệnh thượng cấp đến nâng đỡ và an ủi các anh trong những giờ phút đau đớn này.

Giọng nói của hắn trầm trầm, tạo thành một thanh âm trầm ấm và dễ mến. Tôi trả lời :

— Tại sao ông lại đến đây với riêng chúng tôi ? Có nhiệm vụ gì ?

— Tôi đến đây với mục đích duy nhất là để giúp đỡ các anh tôi nguyện cố gắng làm hết khả năng mình để cho những giờ phút cuối cùng của các anh vui đi phần nào cực nhọc.

— Tại sao ông lại đến với riêng chúng tôi ? Còn có nhiều người khác nữa đang chờ đợi ông, bệnh viện này đều đầy dẫy bệnh nhân.

Hắn lơ đãng trả lời :

— Người ta phái tôi đến đây.

Đoạn tiếp lời một cách vội vã :

— À mà các anh có hút thuốc lá không ? Tôi có mang theo đây, kể cả thuốc xì gà nữa.

Hắn biểu chúng tôi thuốc lá Anh-Quốc, chúng tôi từ chối. Tôi nhìn thẳng vào mặt hắn ta, hắn tỏ vẻ khó chịu. Tôi nói hắn :

— Tôi thừa biết ông, nhiệm vụ của ông đến đây không phải vì tính thương như ông đã nói. Tôi đã từng nhận diện được ông khi ông có mặt trong sân trại giam ngay khi bọn phát xít bắt chúng tôi mang vào đây.

Tôi đang phát biểu một cách hăng hái, nhưng bỗng nhiên tôi thấy một cái gì làm sao cho tôi kinh ngạc; sự hiện diện của viên y-sĩ này không đáng làm cho tôi lưu ý nữa. Thường ngày, trong khi chúng tôi đang bàn luận về một cá nhân nào, không bao giờ tôi bỏ dỡ cả. Vậy mà hôm nay bỗng nhiên tôi không còn thích nói nữa, tôi rùn vai và quay mặt đi. Một lúc sau, tôi mới quay mặt lại, tôi thấy hắn đang chăm chú nhìn tôi một cách khác thường. Hai tên lính gác ngồi trên một tấm nệm làm bằng cỏ. Pedro, tên cao lớn đang đứng bẻ những ngón tay cái. Còn tên

kia thình thoảng lại lắc đầu, làm một cử chỉ thông thường để chống chọi giấc ngủ.

Bất giác, Pedro nói với viên y sĩ : « Ông có cần dùng đèn đèn không ? » Viên y sĩ khẽ gật đầu ưng thuận. Tôi nghĩ rằng anh ta cũng ngu si chứ chẳng thông minh hơn ai, nhưng trông hấn ta không có vẻ hiểm độc. Cử nhìn cặp mắt to và xanh pha nét lạnh lùng của anh ta thì hệt như anh ta làm điều gì lắm lỗi cũng tại vì thiếu óc tưởng tượng mà ra. Pedro đi ra phía ngoài cửa và trở vào với một ngọn đèn dầu trên tay, hấn đặt chiếc đèn xuống góc một chiếc ghế dài. Ánh sáng của ngọn đèn tỏa một màu sáng lơ mơ, nhưng còn đỡ hơn là không có, đêm qua họ đã cho chúng tôi sống âm thầm trong bóng tối. Tôi ngắm một lúc lâu cái hình tròn sáng của ngọn đèn chiếu lên phía trần nhà. Tôi có cảm giác như mình bị mê hoặc. Rồi bất ngờ tôi trở dậy, cái khung hình tròn của ngọn đèn biến mất và tôi thấy mình như bị đè dưới một sức nặng vô hình nhưng ghê gớm. Điều này tôi chắc chắn không phải tôi nghĩ về cái chết hay sợ hãi ; đó chỉ là một cái gì đầy tính chất siêu hình. Má tôi thấy nóng hừng

và đầu thấy tê buốt.

Tôi cố hết sức cựa quậy và ngược nhìn hai anh bạn của tôi. Tôi úp mặt vào lòng hai bàn tay, tôi chỉ còn trông thấy chiếc gáy đầy mỡ và một màu trắng nhợt nhạt. Cậu bé Juar bây giờ thì đã suy yếu trông thấy rõ, miệng cậu há to và lỗ mũi phập phồng. Viên y sĩ tiến đến gần bên cậu ta đặt tay lên vai cậu như để an ủi, tuy nhiên tôi trông thấy đôi mắt cậu ta vẫn thản nhiên một cách lạnh lùng. Tôi nhìn thấy viên y sĩ người Bỉ cho tay xuống đến quá cổ cậu bé Juan. Ông ta cầm lấy cổ tay cậu bé Juan với ba ngón tay của ông ấy bằng một vẻ lơ đãng, cũng trong lúc đó ông ta lùi người lại và quay lưng về phía tôi. Nhưng tôi ngã người về phía sau và chính tôi trông thấy ông ta lấy ra một chiếc đồng hồ và nhìn một lúc khá lâu, tay ông vẫn còn cầm tay cậu bé. Một lát sau, ông ta buông rơi tay cậu bé, một bàn tay bất động và tiến ra ngoài cửa rồi tựa lưng mình vào tường, như nhớ ra một điều gì quan trọng cần phải ghi chép không lại quên đi, ông ta lấy trong túi ra một quyển sổ nhỏ và ghi vội vàng vào đó mấy dòng chữ nguệch ngoạc. Tôi nghĩ và

tức giận : « Thật là khốn nạn, tại sao mày không chặn mạch cho tao để tao tặng cho mày một quả đấm vào cái mồm bần thiêu của mày ».

Hấn không tiến lại tôi, nhưng tôi cảm thấy dường như hấn đang chăm chú theo dõi tôi. Tôi ngược đầu nhìn lên và nhìn lại phía hấn. Hấn nhìn thẳng và nói với tôi bằng một giọng lơ là :

— Anh có thấy là ở đây tiết trời lạnh lắm không ?

Trông hấn ta có vẻ lạnh lắm, người hấn tái đi.

Tôi khẽ trả lời :

— Tôi không thấy lạnh.

Hấn vẫn nhìn tôi với vẻ mặt nghiêm khắc, bỗng tôi hiểu và đưa tay lên sờ mặt của mình ; mồ hôi tôi đã chảy đầm đìa trên khuôn mặt. Trong hăm này, vào giữa mùa đông giá buốt như thế mà lại phải sống vào một nơi gió lùa tôi chảy mồ hôi ; cũng lúc đó tôi nhận thấy trong người hơi lạnh và tôi kịp nhận ra là mồ hôi cũng đã thấm ướt bên trong chiếc lót mình, tôi nghĩ ít ra mồ hôi tôi đã chảy suốt một tiếng đồng

hồ rồi mà tôi không hay biết. Nhưng việc này vẫn không thoát khỏi đôi mắt soi mói của viên y sĩ Bỉ khốn nạn kia, hấn đã nhìn thấy những giọt mồ hôi chảy dài trên má tôi và chắc chắn hấn sẽ nghĩ rằng : đó là một biểu hiệu cho một sự sợ hãi đến cùng cực do bệnh chứng phát tiết ra ngoài ; hấn ta cũng tự cảm thấy mình bình thường và hạo nhiên hơn vì hấn đang lạnh rét. Tôi muốn đứng lên và đập vỡ khuôn mặt hấn ra, nhưng tôi vừa mới cử động thì sự hổ thẹn và niềm tức giận của tôi lại tan biến đi mất ; tôi lại ngồi xuống ghế một cách nặng nề âm đạm.

Tôi không còn biết làm gì hơn là lấy khăn mặt ra lau từ đầu xuống đến ót và tôi cảm thấy những giọt mồ hôi lạnh cứ nhỏ giọt đều đặn khắp châu thân và như thể thật dễ chịu vô cùng. Song tôi nghĩ chẳng nên lau nữa làm gì vì vô ích ; chiếc khăn mặt của tôi đã vắt được ra nước mà mồ hôi vẫn chảy đều. Toàn thể thân tôi chỗ nào tôi cũng thấy mồ hôi tiết ra ngoài, cả ở móng tôi mồ hôi cũng ngấm và ướt cả quần tôi, dính vào ghế ngồi.

Trong lúc đó, cậu bé Juan bỗng

cất tiếng :

— Ông là y-sĩ à ?

Viên y sĩ người Bỉ trả lời :

— Đúng thế.

— Người ta có đau đớn lâu không, thưa ông ?

Hắn trả lời bằng một giọng đầy vẻ thương yêu như che chở :

— Ô ! Bao giờ lại có thể ?... Nhưng đừng lo ngại, nó sẽ hết nó sẽ hết ngay.

Hắn nói bằng một giọng như đề an ủi con bệnh :

— Nhưng theo tôi... người ta cho tôi biết rằng có khi bắt đến hai loại...

Viên y sĩ người Bỉ lắc đầu, rồi nói tiếp :

— Rất có thể, sở dĩ như thế vì ngay trong loạt đạn đầu tiên những viên đạn không trúng nhằm chứng kiểm huyết cên tử tôi không chết vì thế cần phải có loạt thứ hai.

— Như thế chúng có phải

lấp đạn thêm một lần nữa và nhắm bắn lại chứ ?

Gã trầm ngâm nghĩ ngợi và trả lời bằng một giọng nói khàn khàn :

— Như thế mất khá nhiều thời gian.

Anh ta đã quá sợ sự đau đớn và anh ta chỉ nghĩ được có bấy nhiêu thôi, thật hợp với tuổi tác của anh ta. Còn phần tôi, tôi không nghĩ ngợi gì bao nhiêu và thật sự không phải tôi sợ mà mồ hôi chảy ra như thế.

Tôi đứng lên và tiến ra phía ngoài gần đồng than vụn. Tom nháy lên và nhìn tôi với thái độ tức tối, hằn hộc ; tôi đã làm cho ta bức tức vì tiếng giày của tôi khua vang. Tôi nhìn khuôn mặt tái xanh của anh ta rồi bỗng nhiên tôi có ý nghĩ trong giờ phút này không hiểu mặt tôi có tái đi một cách kinh khủng như hẳn ta không ? Tôi cũng thấy khắp người hẳn ta mồ hôi chảy ướt đầm đìa. Bên ngoài bầu trời thật đẹp, không một tia sáng nào lọt được qua góc tối tăm này và tôi ngược đầu lên và trông thấy một vì sao Bắc Đẩu.

Nhưng trong hoàn cảnh này không phải như xưa nữa ; đêm trước nữa, ở trong nhà giam ở tòa tổng giám mục, ở đó tôi có thể trông thấy bầu trời to lớn xinh đẹp và mỗi giờ mỗi ngày trôi qua, lại có thể mang đến và nhắc nhở tôi những kỷ niệm ngày xưa mà giờ đây đã khác biệt cách xa. Buổi sáng, khi vừng đông vừa bắt đầu lộ dạng, tôi nhận thấy bầu trời màu xanh, sáng chói phơn phớt lại, tôi liền tưởng đến những hình ảnh mỹ mầu trên bãi biển vùng Đại-Tây-Dương ; buổi trưa đến, tôi nhìn ánh nắng cao ráo của mặt trời tôi lại nhớ đến một quán rượu ở Séville, mà ở đó tôi đã tìm được một cái thú tuyệt vời là vừa uống rượu manzanilla, vừa ăn với cá dôi và những quả olive, khi chiều đến, lúc hoàng hôn xuống nhẹ trên vòm trời, núp dưới bóng cây tôi mừng rỡ tưởng nghĩ đến vùng bóng tối thâm u sâu thẳm trải trên một nửa phần đất trường đua, còn phần nữa kia chói chang dưới ánh nắng mặt trời. Thật là khó chịu khi phải trông thấy cả mặt đất phản chiếu lên nền trời. Nhưng nay tôi có thể tự do nhìn lên bầu trời kia bao lâu cũng

được nhưng bây giờ vòm trời bao la kia không còn gọi lại trong tôi một ý nghĩ nào. Tôi thích được sống như thế. Tôi tiến đến bên Tom và ngồi gần hẳn. Một thời gian nặng nề lần lượt trôi qua.

Tom lại nói, tiếng anh ta bây giờ đã hạ thấp xuống. Anh ta cần phải nói thật nhiều, bằng không chính anh ta cũng không còn nhận được ra mình nữa. Tôi tưởng chừng như anh ta đang nói với tôi nhưng anh ta không bao giờ nhìn tôi. Có lẽ anh ta sợ trông thấy sự thật đang hiện lên trên tôi, bằng một khuôn mặt xanh xao, tái nhợt, ướt đầm mồ hôi ; chúng tôi giống nhau quá và chúng tôi cũng tội tệ quá, tựa giống như tấm gương người này soi vào người nọ. Anh ta nhìn viên y sĩ người Bỉ đang cử động.

Hắn nói :

— Mày, mày có hiểu được gì không ? Còn riêng tao thì tao chẳng hiểu được gì.

Tôi cũng trả lời khe khẽ, vừa nói vừa nhìn viên y sĩ ;

— Có gì, có gì xảy ra vậy ?

— Nhất định là có, sẽ có việc xảy ra cho tất cả chúng mình nhưng tao không hiểu rõ được là việc gì.

Tôi lắng nghe và dò xét, ở gần nơi Tom ngồi tôi ngửi thấy một mùi khác lạ, trong giờ phút này tôi thấy khứu giác tôi có vẻ nhanh nhẹn hơn mọi ngày. Tôi cần nhân ;

— Chốc nữa rồi mày sẽ biết.

Hắn đáp lời tôi bằng một giọng ương ngạnh ;

— Điều này không rõ rệt bao nhiêu. Tao muốn có thêm một chút tính can đảm nữa, nhưng ít nhất tao phải hiểu rõ được việc gì sẽ xảy ra đây đã chứ... Mày hãy lắng nghe tao nói, họ sẽ đến đây đưa chúng ta ra ngoài sân. Chúng sẽ đứng sắp hàng ngay ngắn trước mặt và đối diện với chúng ta. Chúng sẽ có tất cả bao nhiêu đứa ?

— Tao không biết rõ. Năm hay tám đứa. Chắc không hơn.

— Được rồi. Chúng nó có tất cả tám đứa. Họ ra lệnh cho

chúng ; (Bỗng súng lên) và tao nhận tám khẩu súng đen ngòm chia thẳng về phía tao. Tao nghĩ rằng, tao muốn tìm cách chui thẳng vào bức tường để lẩn trốn, tao lấy lưng cố sức dầy ngả bức tường và bức tường thì cố tình nhưng chống lại, như trong một giấc mơ mà tao đã thấy. Tất cả bao nhiêu cảnh tượng ấy tao có thể tưởng tượng thấy được hoàn toàn. À, tao hỏi mày, nếu mày biết trong giấc mơ tao tưởng tượng như thế thì thấy được gì.

Tôi trả lời :

— Được lắm. ! Tao cũng tưởng tượng như thế.

Hắn tiếp lời tôi một cách bức bối :

— Chắc chắn là đầu đón vô cùng. Mày có biết rằng khi bắn chúng sẽ nhắm vào miệng vào mắt để biến đổi mặt mình đi Tao có cảm giác như mình đã bị thương tích, hơn một giờ rồi tao thấy trong đầu, trông cổ tao đau buốt hoàn toàn. Cái đầu đón ấy không phải là một cái đầu đón trực tiếp thực sự. đó chỉ là nỗi đau đón mà sáng mai khi ánh

nắng bắt đầu chúng ta mới hứng chịu. Nhưng rồi sao đó thì sao ?

Tôi hiểu hẳn muốn nói gì nhưng tôi giả vờ như không hiểu biết gì. Còn về những nỗi đau đón tôi nhận thấy tôi cũng đã mang trong người tôi như những vết chém nhỏ. Tôi chẳng biết phải làm gì, giờ đây tôi cũng như hẳn ta, tôi không muốn chú trọng nhiều về sự kiện đó nữa.

Tôi trả lời anh ta bằng một giọng gay gắt :

— Sau đó, mày sẽ ăn nước tiểu và phân của mày.

Tom bắt đầu nói một mình, mắt anh ta vẫn không rời khỏi anh chàng y sĩ người Bỉ. Cả như không muốn nghe gì cả. Tôi đã thừa biết anh ta đến đây với mục đích gì, những ý tưởng của bọn tôi hẳn không chú ý đến, gả đến đây để nhìn thề xác chúng tôi những thân thể lạnh mạp ven toàn đang ở trong những giờ hấp hối.

(còn nữa)



● All is well that ends well.

Mọi việc đều tốt đẹp nếu chấm dứt tốt đẹp.

TỤC NGỮ ANH

THƠ VÀ THƠ-MỚI

trong văn chương Trung Quốc

□□□ NGUYỄN-QUANG-TÔ

(tiếp theo và hết)

E) THẤT-NGÔN CỔ PHONG (Thất cổ)

Vào triều đại Đường sơ, thể thơ Ngũ cổ có rất nhiều bài trác tuyệt, những tác-phẩm Lý-Bạch, Đỗ-Phủ là những chứng minh.

Đặc biệt là những thi phẩm của những thi nhân đời Đường, về âm ba, tiết điệu so với những thi nhân trước đó có phần uyển chuyển, điêu luyện và hấp dẫn hơn nhiều.

Chúng ta cũng cần phải ghi nhận thêm một đặc điểm nữa. Thời đại nhà Đường về thi ca cũng có những biến-chuyển lớn, đó là giai đoạn chuyển-tiếp giữa Ngũ cổ và Thất cổ. Bởi vậy các nhà Văn-học sử Trung-Quốc cũng nói: «Ngũ cổ xuất hiện đời Hán, Thất cổ xuất hiện đời Đường.

Có kẻ cho rằng: Trước nhà Đường đã có thơ Thất-ngôn, ví dụ: bài «Bá Lương» làm từ năm thứ ba Hán Nguyên - phong. Những bài này có người cho rằng, đây chỉ là một sự ngụy tạo

của một số người thiếu trung thực khi làm nhiệm vụ khảo-cứu văn-học mà thôi.

F) Thể tài cận đại (Cận đại thể)

Thể tài thơ cận đại của Trung-Quốc bao gồm Ngũ ngôn tuyệt cú (4 câu, mỗi câu 5 chữ). Thất ngôn tuyệt cú (4 câu, mỗi câu 7 chữ) có vần trắc, vần bằng, lục đầu (câu đầu 6 chữ), Yết hậu (câu sau hết 1 chữ), Liên hoàn (2 chữ sau hết của bài trước làm hai chữ ở đầu câu thứ nhất của bài sau).

Đây là một thể thơ được hoàn bị và phong phú nhất vào triều đại nhà Đường, một triều đại có 2200 nhà Thơ và 48.900 tác phẩm rất có giá trị, một lịch sử thi-ca đứng đầu Đông-Tây kim cổ.

Tiết thay trong cái làng Thơ và rừng Thơ ấy, đã vì vấn đề thi cử rồi người ta bày ra nhiều chuyện: *niêm, luật, đối ngẫu* tạo thành những công thức, ước lệ cho lối văn cử tử trường ốc, cái lối thơ nhốt voi vào ống, hay là xẻo bớt bàn chân để cho vừa giày, đã làm cho văn hóa Trung-Quốc, trở nên thoái hóa.

Nhưng nói như thế không có nghĩa là bảo rằng Thi ca cổ điển Tây phương không có những công thức, ước lệ như thế. Đông-phương có cái sai lầm của Đông-phương, thì Tây phương cũng có cái sai lầm của Tây phương.

Trong thể thơ mà người ta gọi «thất ngôn» này gần hoặc lại có câu 8 chữ, Ví dụ:

Tường thuy bất tại phượng
hoàng kỳ lân
Thái bình tu đắc biên tướng
trung thần

(Đương-lô-Cử)

Dịch nghĩa:

Điền lành chưa hẳn phượng
hoàng kỳ lân
Thái bình cần có tôi trung tướng
giỏi

Hoặc có câu 9 chữ. Ví dụ:

«Tạc dạ đông phong xuy chiết
trung lâm tiêu
«Độ khàn tiêu khê cồn nhập sả
nán thủy
«Giả thụ cổ mai độc ngọa hàn
ốc giác
«Sơ ảnh hoành tà âm thượng
thư song xao

(Nguyên thiên mộc sơn tăng
minh bản)

Dịch nghĩa :

«Đêm qua gió Đông thổi bẻ gãy
cây rừng,
«Dưới dòng tiêu khe nhan nhản
kết bè trôi
«Một mình nằm góc nhà dưới
cây giả thụ
«Bóng thưa chiếu lọt lấp ló
dưới thư song»

Nhưng loại thơ 8 và 9 chữ có lẽ nó trúc trắc, thiếu âm ba, tiết điệu, cho nên bị luật tự nhiên đào thải loại ra từ lâu. Vì gần đây không thấy ai làm loại thơ đó nữa.

TỪ

Cũng là một loại thơ có câu dài câu ngắn. Theo ý kiến của những nhà nghiên cứu Văn chương Trung-Quốc : Từ là do «Cổ nhạc phủ» biến thể.

Cũng theo các nhà nghiên cứu Văn học sử Trung-Quốc, thì thể «TỪ» này, được phát sinh từ đời Văn-Đường, qua Ngũ Đại sang tới triều Tống thì thịnh hành : Tống gọi là Trường-từ-điệu. Những Tô đồng Pha, Hoàng sơn-Cốc. Tân - gia - Hiến, Lục -

phóng-ông, Lý-thanh-Chiếu, là những vị đại biểu cho thể TỪ này,

Gần đây, những thi nhân mới của Trung-Quốc, khi sáng tác thể «TỪ» này, người ta có xen vào một số đại danh từ hay liên từ của văn Bạch thoại, càng làm cho câu thơ xúc nổi và hay hơn.

KHÚC

Đương sơ là một thể tài văn vần phát nguyên từ đời, nhà Đường, người ta hợp tấu vào những buổi dạ hội quân nhân có tính cách vui nhộn. Bức sang triều Tống, người ta biến thể thành những vở kịch thơ gọi là «tạp kịch viện bản». Tới triều Hồ Nguyên thì lối văn vần này trở nên cực thịnh. Những Mã-trí-viện, Vương thực Phủ, Quan-hán-Khanh, Bạch-lan-Nhược, Đỗ Tấn. v. v. . . là những tay lỗi lạc của thể văn này.

Trong lối văn khúc, người ta lại còn khu biệt ra Nam-khúc và Bắc-khúc. Nam khúc phát nguyên từ Ôn-Châu, là những bài dân ca có tính chất hài hước, trào lộng trong các rạp hát tại vùng Hoa-Nam.

Ô-Đàm Tiên-sinh trong bộ sách

«Nam từ tự lực» thì lại dẫn chứng rằng : Đời Tống-huy-Tông (1380) do Vương-Khôi chế biến thành một lối văn hài hước trong các vở tuồng, vở kịch đương thời.

Bắc-khúc là những vở kịch thơ xuất hiện ở vùng Hoa-Bắc, nhưng không được phát triển mạnh như Nam khúc ở Hoa-Nam.

Nói tóm lại : Từ và Khúc đều là thể văn vần xuất phát từ THƠ, nhưng nó đã được biến - thể thành một lối thi-ca có nhiều nét ưu việt.



Trên đây chúng ta đã lược khảo các thể tài thi ca Trung-Quốc và quá trình phát - triển các loại thơ qua nhiều thời-kỷ, triều đại. Trên căn bản quan niệm Vũ-trụ động, không có cái gì là vĩnh cửu bất biến, thi ca Trung-Quốc cũng không thể ra ngoài công lệ đó. Và sự biến-thiên theo dòng lịch - sử tưởng cũng là lý đương nhiên.

Bởi vậy ta không lấy gì làm lạ khi thấy gần đây trong vườn thơ Trung-Quốc có xuất hiện thêm một vài thể thơ mới lạ. Hai thể thơ ấy, xuất hiện tới nay khoảng gần 50 năm. Hai thể thơ đó có những ưu khuyết

điểm gì ? Dở hay thể nào, đó là điều mà chúng tôi xin lược trình hầu qui vị sau đây.

1 THƠ MỚI TẠI TRUNG-QUỐC

Đại quan, thể thơ mới này ở Trung-Quốc có hai loại :

I Thơ Bạch-Thoại, và

2 Thơ Âu hóa

1, Thơ Bạch Thoại :

Văn Bạch-Thoại nói chung, Thơ Bạch-Thoại nói riêng ở Trung hoa, Hồ-Thích-Chi là một Chi là một chiến sĩ tiên phong, cũng như Thơ mới ở Việt-Nam có Cụ Phan-Khôi vậy.

Chúng tôi xin trích dẫn vài bài thơ Bạch-thoại của Bác sĩ Hồ-Thích-Chi.

- Đương niên hội kiến tướng
quân gia thư
- Tự tích quyền dật như đại tồ
- Thư trung chi ngôn cánh như
hà ?
- Nhất ân ái nhi nỗ lực sát
dịch
- Độc chi sử nhân khảng khái
phần phát nhi ái quốc

— *Ô hô tướng quân hà khả đa
đắc?*

Chúng tôi tạm dịch nghĩa :

- Năm nay tôi được đọc gia thư của Tướng quân
- Những dòng chữ lớn làm lòng tôi xao xuyến
- Nội dung thư nói những gì?
- Một chàng thanh niên khả ái nỗ lực giết giặc
- Đọc xong thư làm cho mọi người cuộn lên lòng yêu nước
- Than ôi như Tướng quân để có mấy người!

Thơ khốc Hoàng-khắc-Cường một tướng lãnh cách mạng tử trận

Nhưng thế khó bảo là một bài Thơ, vì thiếu hẳn âm ba tiết điệu, nhất là vần.

Thệ thi (bài thơ thề)

- Cảnh bất thương xuân, cảnh bất bi thu, dĩ thử thệ thi
- Nhậm hoa khai dã hảo, nguyệt viên dã hảo; nhật lạc hà bi!
- Ngã văn chi viết: tông thiên nhi tụng, thực nhược chế thiên nhi dụng chi!
- Cảnh yên dụng thương thiên ca khốc, tác bỉ nô vi!

— Văn chương cách mạng hà nghi

— Thả chuẩn bị phát kỳ tác kiện nhi

— Yếu tiện không thiên cổ, hạ khai bách thế

— Thu tha hủ xú, hoàn ngã thần kỳ

— Tào tân văn học, thử nghiệp ngô tào dục nhượng thù

— Thi tài liệu hữu thốc tân thế giới, cung ngã khu tri.

Chúng tôi tạm dịch nghĩa

— Tiếc xuân sầu thu mà làm gì, quyết thề không làm loại thơ đó!

— Hoa nở, trăng tròn, mặt trời lặn, có gì đáng cho ta vui hay buồn?

— Tôi nghe rằng: van xin ông trời, sao bằng khắc phục ông

đề phụng sự cho mình!

— Khóc hay cười với ông trời là tự nguyện làm nô lệ cho ông.

— Không nghi ngờ gì hết, cuộc cách mạng văn chương đã tới rồi

— Hãy sẵn sàng phát cờ làm một kiện tướng

— Hãy xóa nhòa xa xưa, khai sáng hậu thế

— Quét sạch hôi hám, lấy lại thần kỳ

— Cùng nhau sáng tạo một nền Văn-học mới...

— Thi liệu mới của thế giới mới đang thúc đẩy chúng ta tiến lên.

Ở đây chúng ta miễn bàn tư tưởng Bác-Sĩ Hồ-Thích-Chi trong giai đoạn sáng tác bài thơ trên hoàn toàn là duy-vật và vô thần. Còn nếu bàn về thể thơ, thì đúng là một «Thanh-Tâm-Tuyền» của Trung-quốc vậy.

2) THƠ ÂU HÓA (lại thơ Tây phương)

Thể Thơ này du nhập vào Thi ca Trung-quốc từ khi người Trung-quốc học chữ Tây phương, bắt đầu từ nhóm *Từ-Chi-Ma*, tiếp đó là *Lỗ-Tấn*; họ *Lỗ* đã làm khởi sắc thêm cho nền thi ca bằng những vần thơ có tính chất hài hước, trào lộng, nhất là về loại thơ này.

Mặc dù vậy, *Lỗ Tấn* vẫn còn giữ vững niềm luật của xác thơ Trung-hoa. Ví dụ vài câu sau đây «*Phủ thủ cam vi nhụ tử ngư»*

Chúng tôi tạm dịch nghĩa

«*Đầu củi làm trâu để trẻ chăn»*

Câu thơ này mang một nội dung cách-mạng, Nhà thơ cách-mạng Trung-Quốc đã hô hào 700 triệu

nhân dân không thể cúi đầu làm một con trâu để cho bọn Liệt Cường Âu-Mỹ sai khiến (Bọn Liệt cường Âu-Mỹ mà nhà Thơ cách-mạng *Lỗ-Tấn* bảo là trẻ con, thì thiệt là quá hách).

Cho nên Mao-Trạch-Đông bây giờ đang chống Nga, chống Mỹ coi Anh không ra gì, vẫn không có gì đối với *Lỗ-Tấn* cả.

Và :

«*Nỗ hưởng đao tòng mịch tiền thi»*

Chúng tôi tạm dịch :

«*Xóc tới rình gwom kiếm ý thơ»*

Thơ *Lỗ-Tấn* quả có rào rạt hùng khí đấu tranh; kể cả đấu tranh vũ trang.

KẾT LUẬN

Trung-Quốc là một Dân-tộc lớn nhất thế giới, nhân số chiếm 1/4 nhân loại, văn hóa đứng đầu khối Trung-Ấn (Trung-hoa và Ấn-độ) một nửa kho tàng văn hóa nhân loại.

Là người Trung-Quốc họ đủ lý do để «tự hào Dân-tộc» và «hãnh diện Á-Đông». Vì dân tộc Trung-hoa đã có một di sản

gia tài văn hóa vô cùng phong phú và lớn lao do tiền nhân của họ để lại hàng 47 thế kỷ. Về bộ môn Thi ca, lượng, cũng như phẩm họ vẫn đứng đầu thế giới. Một học giả Tây phương đã từng nói :

«Tôi chưa thấy một dân-tộc nào trên thế giới, biết làm thơ nhiều như người Trung-Hoa. Trưởng lãnh của họ làm thơ trên lưng ngựa trận ; lúc thắng cũng làm thơ, khi bại cũng làm thơ. Những thương gia của họ, cũng họp nhau dưới cây đào, cây liễu mà ngâm vịnh và thù tạc với nhau. Cả đến hạng người lao động cho tôi trẻ con chăn trâu, tôi cô gái quê tát nước ngoài đồng v.v... cũng đều là

Thi, Ca sĩ». Sự thực đúng là như thế !

Hiện nay, thừa hưởng di sản của tiền nhân, và nỗ lực xây dựng ngôi nhà văn hóa dân-tộc, những nhà văn hóa nói chung, Thi sĩ nói riêng của Trung-Quốc, đang ngày càng gia công triền và phát huy vốn liếng tinh thần cổ hữu, cũng như càng thật lòng tiến nhận những tinh-hoa văn-hóa, văn-nghệ từ bốn phương trời, trong tư thế của một kẻ vốn dĩ giàu có trưởng thành không những mới đây, mà từ lâu 4700 năm lịch-sử.

NGUYỄN-QUANG-TÔ

★★★



● While there is life, there is hope.

Có sự sống, là có hi vọng.

TỤC NGŨ ANH

Bức thư Paris

Quả bom cỡ nặng

trong Văn giới quốc tế

□□□ NGUYỄN VĂN CỒN

CÓ lẽ từ khi ở các nước Âu Châu có ngành xuất bản và có người viết tiểu thuyết, việc này chưa từng thấy, tức là trong một năm, một quyển sách loại ký-ức bán hơn một triệu quyển tại Pháp, và sách đó dịch sang tiếng Anh, tiếng Ý, tiếng Tây-ban-Nha, tiếng Đức v.v... Kể đến ngày nay đã bán được hơn ba triệu quyển, và số tiền nhuận-bút của tác giả lên quá số một tỷ quan cũ, (1 milliw).

Chắc các bạn đọc Phổ-Thông nóng lòng muốn biết quyển sách

ấy là sách gì ?

— Xin trả lời, sách đó, tựa là «Papillon» (con bướm) và tác giả là Henri Charrière.

«Papillon» là tên của một người tù bị lưu đày sang xứ Guyane (Nam Mỹ) và người tù đó, chính là tác giả, bị án chung thân vì phạm tội giết người.

Tác giả, Charrière, năm nay 66 tuổi, cách đây 38 năm, anh ta là một tay anh chị ở xóm điếm Pigalle (nơi chơi đêm của thành phố Paris) Rồi một hôm, một tên anh chị khác bị bắn chết

ở xóm dĩ. Người ta bắt anh, vì anh có mặt ở xóm đó, và mặc dầu anh đã chối cãi kịch liệt, anh cũng bị Tòa Đại Hình xử khổ sai chung thân, và đày qua xứ Guyane.

Từ đấy, trong ngục tù, anh ta có biệt hiệu là «Papillon», rồi để phản kháng cái án chung thân kia, anh ta quyết tâm vượt ngục.

Vượt ngục ở xứ Guyane, có lẽ cũng khó hơn lên cung trăng, vì rằng phải vượt qua những rừng bùn lầy, và 99 phần 100, nếu không bị rắn độc cắn chết thì cũng bị cá sấu ăn thịt, còn vượt qua biển, thì những cá mập đã chực sẵn đón những người «quá giang» trên những chiếc bè chuối, bè cây.

Người ta cho rằng người tù vượt được khỏi tường ngục tù, nhưng rồi cũng sẽ nằm trọn bụng thường hay cá mập. Thế mà «Papillon» đã vượt ngục mấy lần, đã bị bắt lại, giam cầm cẩn mật hơn, nhưng anh ta bền chí, và sau cùng trốn được sang xứ Vénézuéla (Nam Mỹ), đã sống ở xứ này 25 năm, và nay đã già yếu. Thế rồi anh ta viết Nhật Ký, kể lại đời sống của mình, và những sự gian lao, khổ hải

mấy lần vượt ngục, cho đến khi được ôm Nàng Tự Do trong tay.

Sách chỉ có thể thôi, kể lại đời của một tên anh chí, còn cớ với những chi tiết vượt ngục.

Cách hành văn của anh ta rất thực tế, tả cảnh một cách rõ ràng, rừng rợn khi còn ở nhà tù, cuộc đánh lộn với các tù khác mà phần đông là những tên đã phạm án giết người, những khi lênh đênh trên chiếc bè cây ở mặt biển với đoàn cá mập đi hộ tống, khi lạc vào rừng bùn lầy, khi ghé vào các bến nhỏ, và đêm đó, quên sự đời trong tay các ả giang tở.

Sách vừa xuất bản, đã làm chấn động giới văn học: người ta phê bình trên các báo chí, trên các đài phát thanh, trên máy lélé, và người đọc nao nức đi mua, như người ta đi kiếm mua một kilô đường, hay một miếng bơ trong những năm có giặc thiếu tởn (1942-1945). Chỉ trong một năm sách đã bán hơn một triệu quyển, đó là một kỷ-lục chưa bao giờ có!

Trong lúc đó, thì các sách loại tiểu thuyết, loại triết học, khoa học, thì ca chi lẽ tẻ vài

ba trăm cuốn, hay nhiều lắm là vài ba bốn nghìn cuốn.

Thế là một tên anh chí du thủ du thực, không bao giờ bước chân đến cửa Đại học Sorbonne đã chiếm được số đọc giả lớn nhưt.

Bây giờ chúng ta phải đặt câu hỏi: «sách ấy đã đem lại gì cho văn giới? Và nếu có, thì về địa hạt nào?»

— Trước hết chúng ta phải công nhận rằng người ta đồ xô đi mua quyển «Papillon» cốt để xem một câu chuyện ly kỳ, chứ không phải đi tìm một «chân giá trị» văn chương như thế thì lòng hiếu kỳ đã vượt hẳn lý luận. Ta cũng phải nhận xét rằng: có lẽ người đọc đã chán các loại tiểu thuyết tình mơ hồ, lãng mạn, nhắc đi nhắc lại, cả rích như trái đất, và cũng có lẽ người đọc lười biếng không thích đọc các loại sách triết học, xã hội học, hay chính trị mà người đọc phải cố gắng luận xét.

Nói như thế, có lẽ cũng không đúng hẳn, vì mấy triệu người đọc quyển «Papillon» chắc đã tìm thấy một vài sở thích, nếu không phải là một vài giá trị văn chương!

Tôi đã để ý, khi đọc quyển sách «Papillon», suy xét về điểm nay.

— Mặc dầu, tại các nhà xuất bản lên trên thế giới, luôn luôn có một «ban đọc» (Comité de lecture).

Sau khi ban trị sự nhà xuất bản đã nhứt định in một quyển sách nào, thì «ban đọc» chỉ có một việc là xem xét sửa đổi, nếu cần, hình thức (la forme) của câu văn cho đúng văn phạm, chứ không có quyền sửa đổi ý thức, hay cách hành văn (style) của tác giả.

Vậy thì, mặc dầu câu văn của tên anh chí Charrière đã được xem xét hình thức, nhưng người ta phải công nhận rằng tác giả, tuy không phải là ông cử, ông nghề, nhưng có biệt tài kể lại các sự việc đã xảy đến cho anh ta. Câu văn của anh ta là câu văn đọc đáo của một tên tù vượt ngục, vừa cả về hình thức về tinh thần.

Chỗ đặc sắc của quyển sách này, là các trang sách dần dần làm cho người đọc, không những thấy rõ những đau khổ, nguy nan của vai chánh trong truyện, mà còn

tưởng đầu mình đang cùng đi với anh ta trên con đường vượt ngục hiểm trở ; và mặc dầu mình không dung thứ kẻ có tội, nhứt là tội giết người mình cũng mong cho tên tù, vượt ngục được thoát khỏi tai nạn, thoát khỏi hình phạt của người đời. Rồi dầu muốn hay dầu không, mình tự thấy đứng về bên người tù kia, bên vực lập trường của anh ta, và «nghiệm thấy anh ta vô tội, và bị xử oan».

Xưa nay ở xứ nào cũng vậy, sự sai lầm của công lý» (erreurs judiciarias) không phải là không

có, thế thì biết đầu Henri Charrieu, tác giả quyển «Papillon» không phải là một nạn nhân của «công lý loài người» (justice humaine) ; Và quyển «nhứt ký» của anh vừa là một sự mới mẻ trong văn giới, vừa là một việc minh oan.

Cái đặc sắc của quyển (Papillon) là ở chỗ đó, trong thi văn, nghệ thuật, có lẽ thiên tài ở khắp mọi tầng lớp xã hội.

NGUYỄN VĂN CỎN
(Paris)



● **Salus populi suprema lex esto.**

An ninh của dân phải là luật tối thượng.

Ý nghĩa tương đương với câu «*Dân vi qui...*» của Mạnh tử, và tục ngữ La-mã «*Vox populi, vox Dei.*» (Tiếng của dân, tiếng trời.)

Dân luật La-mã

HÁT DẶM NGHỆ - TÌNH trong văn chương bình dân (Cách mạng) Việt-Nam

Lê-Trọng-Đôn, Phan-Bội-Châu, Ngô-Đức-Kế, Lê-Văn-Huân, Cụ Tín-Thầu

●●● ĐÔNG-TÙNG

(tiếp theo P.T. 251)

Kể chuyện năm Châu như sau đây :

*Kể chuyện năm Châu
Em ngồi kể chuyện năm
Châu*

*Á, Úc với Phi, Âu
Bên đây cầu châu Mỹ*

Khi đề cập tới các nước, tác giả bắt đầu nói về nước Anh là một nước có nhiều thuộc địa

nhất. Kể tới lịch sử nước Nga (lúc bấy giờ chưa Cộng Sản, có Vua Bi Đắc (Pierre le Grand) cải trang đi du học các nước, đem tài học về dạy cho nhân dân trở thành một cường quốc Tây phương, đã từng :

*Ra xung đột chiến trường
Đánh Ba-lan, Ba-lan đẹp ;
Đánh Nhĩ-Kỳ, Nhĩ-Kỳ đẹp.*

Nhưng không ngờ :

*Khái (cọp) đang còn liếm
mép
Đòm ngó miếng thịt Tàu
Mới trặc (cuớp) được Mãn-
châu*

*Kề chưa bấy nhiều lâu
Mắc lấy tay Nhật bản
Mắc tay già Nhật bản (1)*

Khi nói tới nước Đức, tác giả không quên nói rõ (cả 'Phổ lộ sĩ liên bang' hay là «Đức ý chí hợp chủng quốc») Khi đề cập tới nước Pháp, tác giả nói rõ cuộc cách mạng dân chủ 1789 đầu tiên của thế giới. Khi bàn về nước Ý Đại Lợi; tác giả đề cao «Thiếu Niên Tam Kiệt» truyện. Khi đề cập tới lịch-sử nước Mỹ, tác giả đề cao vai trò Hoa-Thịnh-Đổn, vị lãnh tụ đã lãnh đạo nhân dân nước này, đánh đuổi ngoại xâm khôi phục nền độc lập cho nước này.

Khi bàn tới những dân tộc ở Á, Phi, Úc, và châu Mỹ La-tinh, lúc bây giờ đang là thuộc địa của các liệt cường Âu-Mỹ, cũng như là Đông dương thuộc Pháp, rồi tác giả quy nạp theo một «tam đoạn luận» vì dân ngu nên nước hèn, vì nước hèn mà nước mất. Rồi tác giả kết luận :
«
«Thời Lưu cầu Ấn độ

*«Diễn, Việt với Tam-Hàn
«Phi, Úc cùng một phurong
«Vi dân ngu nên nước mất
«Bởi vì không đoàn kết
«Không lập hội, lập đoàn
«Nên thế sự đa đoan
«Chẳng trách ai chi được
«Chẳng trách trời chi được
«Đan nguyên nhân sau trước
«Em kể rõ tình tường
«Anh ơi muốn sống còn
«Phải tự ta làm lấy
«Phải tự mình làm lấy*



2 Bài về vợ khuyên chồng

Nghiên cứu lịch - sử cách-mạng Phan-bội-Châu, ta thấy rằng, sau khi đội «Cần vương sĩ tử» và cuộc thành Vinh thất bại tiếp đó là phong trào Đông-du (du học Nhật Bản).

Đề cổ động cho phong trào này, Cụ Phan sáng tác bài «vợ khuyên chồng».

Tác giả thác lời một người vợ khuyên chồng đi du học nội dung như sau :

*Chàng ơi chàng !
Thiếp xin chàng ngồi lại,
Thiếp bàn giải đôi lời :
Sinh ra đấng con người,*

*Thua người ta cũng then,
Kém người ngoài cũng then.
Kẻ trèo non vượt biển,
Kẻ qua Bắc sang Đông
Đề lo việc non sông
Cho vẹn bề trung ái
Cho vẹn tình ưu ái
Kẻ thắng ưu mà mình liệt
bại*

*Sao chàng chẳng then thùng
Không quyết chí đồng lòng
Làm vẻ-vang đất nước
Làm vang lừng đất nước.
Cầu Lục-Thao, Tam-Lược (1)
Chàng luyện tập cho tinh
Việc bài trận bố binh
Thiếp khuyên anh cho tường
tất*

*Thiếp khuyên chàng cho
tường tất*

*Còn như việc gia-thất
Đã có thiếp lo xong
Chàng không phải bận lòng
Thiếp khuyên anh bám chí,
Thiếp xin chàng bám chí.
Chữ tứ phương hồ-thỉ
Xin chàng hãy ghi lòng
Chàng vác súng xông lên
Đánh quân Tây dẹp loạn
Đuổi quân thù dẹp loạn.
Lời thiếp phó đã cạn*

*Lòng thiếp chàng đã tường
Chàng lên ngựa cầm thương
.
.
«Cụ Ngô-Đức-Kế với bài về
«Em khuyên chị».*

Tác phẩm này lần đầu tiên (1927) chúng tôi được đọc trên mục Phụ-nữ của tờ báo «Thanh niên» của ông Nguyễn-ái-Quốc xuất-bản ở Quảng-Châu (Tàu).

Năm 1928, chúng tôi trở về Thái-Lan, lại được nghe chị em phụ-nữ Việt-Kiều bên đó ai cũng nhớ và hát. Tuy nhiên, vẫn không biết tác-giả là ai.

Nhưng theo ông Nguyễn-đồng Thi trong sách «Hát dặm Nghệ-Tĩnh» (1) thì tác giả là cụ Ngô-Đức-Kế.

Ngô-đức-Kế biệt hiệu Tập-Xuyên, quê ở Hà-Tĩnh, đậu Tiến sĩ, không làm quan với Pháp, một nhà lão thành cách mạng, trong các phong-trào Đông-Du, Duy-Tân, Đông-kinh nghĩa-thục, bị Pháp bắt đày ra Côn-đảo.

Sau khi hết hạn đày về, cụ ra Hà-Nội viết báo, cụ là chủ-nhiệm tờ báo Hữu-Thanh ở Hà-Nội (1922),

Nội-dung thác lời của một người em khuyên chị, kêu gọi chị

phải ý-thức được giá trị con người của giới phụ nữ.

EM KHUYỀN CHI

Chị ơi chị !,

Chị ngồi lại cho em bàn giải
đôi lời

Sinh ra kiếp con người

Phận liễu bồ khôn biết

Sinh ra gái nước Việt

Chịu thua kém trăm bề

Chỉ đểm phần tô huê

Làm đồ chơi cho họ

Làm đồ dùng cho họ

Lại nhiều điều cực khổ

Việc rửa đọi quét nhà

Việc trách (1) mắ, lon cá (2)

Đem thân ta đây đọa

Thân chị em mình đây-đọa

Việc họ-hàng, làng xã.

Việc tổng mạt, nước non

Việc xã-hội nhân-quần

Họ không cho ta biết

Chị em mình không biết

Chịu trăm đường thua-thiệt

Cơn cơ ấy vì ai ?

Chỉ qui trọng con trai

Mà khinh-thường con gái

Dùng ta làm máy để

Như một loại súc-sinh

Đường chữ nghĩa, học hành

Nào có ai giáo dục ?

Nên sách không biết đọc

Cầm lấy báo không hay

Chỉ mò-mật đêm ngày

Ta phải tỉnh sau đây ?

Lẽ nào như thế mãi ?

Chị sao không nghĩ lại

Người : gái cũng như trai

Cũng chín tháng mười ngày

Đủ tay mắt chân tay

Nào có kém chi ai

Đề đàn ông đề nên

Bọn râu mày đề nên

Nay xem ra bốn biển

Gái các nước Văn-minh

Ra bằng súng đàn quân

Gồm đủ tài thao lược

Cùng chung lo việc nước

Máy móc học đủ tài

Có thua kém gì trai

Chị xem họ mà coi

Nợ ngồi yên sao được ?

Nước NAM mình ngày trước

Cũng có bạn má hồng

Bà Triệu với bà Trưng

Ra chống giữ non sông

Đánh quân Ngô bạt vía

Đuổi quân Tàu bạt vía

Sử xanh còn chép để

Nên lấy đó làm gương

Chị ơi phải lo lường

Phải chăm bề học thức

Nên công đức, tư đức

Ta xây đắp cho đầy

Ai đói rét thương vay

Việc gian lao giúp đỡ

Việc gia-đình mọi sự

Việc xã-hội quốc gia

Phải có chị em ta

Cùng ghé vai gánh vác

Cùng chung lòng gánh vác

Dù việc gì nặng nhọc

Mà công đức vẹn toàn

Trai không xiết lo toàn

Mình ra tay giúp họ

Mình lo lường với họ

Bỏ đã man thói hủ

Tật ăn nói rông dài

Chuyện đối mách đối lại

Việc hăn thù giận dữ

Nết lẳng lơan chữi bới

Chuyện son phấn tô dời

Phen này ta quyết thôi

Đề lo toan việc khác.

Đề lo lường chnyer khác.

Chuyện trăm thoa hay gác

Nên học vấn chăm lo

Nào sách vở báo đồ

Phải chăm coi mới được

Phải học hành mới được

Sự lỗi lầm về trước

Chịu thua thiệt đã đành

Nay thời đại, văn minh

Quyết bình quyền nữ giới

Quyết thi tài nữ giới

Vang lừng khắp hoàn hải

Cờ nữ kiết đầu đầu

Khách tài tử không râu

Bạn anh hùng có wóm (yếm)

Chợ người ta đi sớm

Nào xe ngựa chơi bời

Chợ mình đã trưa rồi

Lẽ nào ta ngơ ngác

Mấy lời em bàn bạc

Bạn gái tình mau mau

Làm cho bọn mày râu

Không dám khinh ta nữa

Không xem thường mình

nữa

Qua bài hát dậm trên, cho ta thấy rằng : điệu dân ca này quả một hiệu năng tác động lòng người không phải là tầm thường.

Và cũng cho ta thấy thêm con người Ngô-Đức-Kế, một nhà NHO cấp tiến, không bị đóng khung vào một ý thức hệ NHO-GIAO nệ cổ như có kẻ đã gán cho Cụ.

Bài hát dậm này thấy đăng trong báo Tiếng-Dân của Cụ Huỳnh-Thúc-Kháng số 209 năm 1929 (Theo ông Nguyễn-Đông-Chi)

(còn nữa)

Truyện thắng

CHEY

*** LÊ HƯƠNG

(Tiếp theo P.T. 251)

NGÔI nhà của thắng CHEY ở cạnh con đường đi ra chợ. Một hôm, Nhà Vua truyền cho bá quan biết Ngài sẽ viếng vùng này ba hôm sau. Bá quan liền ra lệnh cho dân chúng làm cổng chào, treo bóng kết đèn trước nhà. Chèy nghe tin chờ đến ngày Nhà Vua lên đường mới cởi quần thoa vôi đầy hai móng, vẽ lên hai con mắt, cái mũi và cái miệng, rồi khoét vách nhà chia ra đường.

Đi ngang nhà Chey, Nhà vua thấy một hình tròn trắng toát. Ngài phán hỏi vật gì có mắt, mũi

miệng giống mặt người như thế. Các quan vào nhà thấy quả là hai cái móng của thắng Chey chia ra cho Vua ngự xem. Hoàng sợ, các quan lật đật chạy tâu Nhà Vua khiến Ngài nổi giận truyền gọi Chey đến hỏi :

— Tại sao mày thoa vôi trên móng cho người ta xem như vậy.

Chey tâu :

— Tâu Bệ hạ, tôi phải làm như thế bởi vì tôi không dám chường mặt ra cho Bệ hạ ngó thấy, chính Bệ hạ đã cấm không cho tôi để cho Bệ hạ thấy mặt. Vì quá sợ Bệ hạ trừng phạt nên tôi phải

thoa vôi trên móng, vẽ hình cái mặt để đón chào Bệ hạ đúng nghi lễ của kẻ bầy tôi.

Nhà vua hết sức tức tối vì thắng Chey dám trình bày « cái mặt » đó với ý định làm Ngài xấu hổ trước bá quan và quân lính trong đoàn kiệu, nhưng Ngài không thể nào trách mắng nó được về tội không tuân thượng lệnh.

Một ngày kia tin đồn đến tại Nhà Vua Trung-Hoa rằng ở xứ Cao-Miên có một người mưu trí cao kỳ không ai ăn qua nổi. Vua Tàu họp quần thần tìm câu đố để thách nhà mưu trí Cao-Miên giải đáp. Sau cuộc mặt nghị, Vua Tàu cho người đi tìm ba loại dưa hấu, một loại chỉ có một hột, một loại chỉ có hai hột và một loại có ba hột. Đoạn, Vua Tàu truyền lệnh võ trang năm trăm chiến thuyền giống hệt nhau, mỗi chiếc chở năm trăm người. Một văn-thư được thảo ra như sau :

Nước Cao-Miên, có một nhà biết rộng và đầy mưu lược tên Thmenh Chey. Vua nước Trung-Hoa gửi đến nước này ba trái dưa hấu chở bằng năm trăm chiến thuyền. Trong mỗi chiến thuyền có năm trăm người và tất cả thuyền đều giống hệt nhau, Nhà mưu lược Cao-Miên hãy đoán xem

mỗi trái dưa có bao nhiêu hột. Nếu ông ấy đoán trúng, chúng tôi chịu thua bằng cách giao hết năm trăm chiến thuyền và toàn thể thủy thủ đoàn. Nếu đoán không được, chúng tôi sẽ chiếm nước Cao-Miên»,

Tối hậu thư viết xong, Vua Tàu giao cho một vị Đại-thần và truyền chọn một nhà thông thái nhiều mưu lược kể đi theo sang đất Miên. Đến nơi, vị Đại-thần trình bức thư lên Nhà Vua. Nhà Vua liền cho gọi Chey mà rằng :

— Đây là tối hậu thư của Vua Tàu gửi đến cho nhà ngươi, trong ấy Vua Tàu thách nhà ngươi đoán xem trong trái dưa hấu có bao nhiêu hột. Nếu nhà ngươi đoán trúng thì tốt lắm. Nếu nhà ngươi đoán sai, Trẫm sẽ xử tử nhà ngươi.

Chey mỉm cười :

— Tâu Bệ hạ, xin Bệ hạ yên lòng tôi bảo đảm sẽ đoán trúng.

Ngoài miệng Chey nói cứng chóe trong lòng lo sợ không cùng vì từ lâu tự khoe mưu trí hơn người, bây giờ thì sợ thách đố quá sức mình. Chey về nhà nằm nghĩ xem có mưu gì giúp mình đoán trúng số hột trong mấy trái dưa. Nó nằm dài không ăn uống từ sáng đến chiều tối mà nghĩ

không ra. Nó nghĩ thầm : «Sáng mai, Đức Vua sẽ hạ lệnh cho ta trả lời câu đố của Vua Tàu trước mặt mọi người. Ta không thể giải đáp được tất nhiên sẽ bị xử tử ngay. Chỉ có cái chết mới cứu ta thoát cảnh nhục nhã ấy. Ta sẽ nhảy xuống sông tự tử ngay bây giờ còn hơn.

Đợi trời tối hẳn, Chey ra bến sông, lao mình xuống. Nhưng nó lại nổi lên, trôi tấp vào bánh lái một chiếc thuyền Tàu. Nó nghe trên thuyền có tiếng nói chuyện bèn đeo vào lái lắng tai nghe. Trong phòng sau cùng hai viên quan lớn nói chuyện với nhau. Một ông nói :

«Khi chúng ta đưa câu hỏi về ba trái dưa hấu, tại sao lại không nêu mấy câu đố sau? Bởi vì như Ngài đã biết, dưa của ta có ba loại, một loại có một hột, một loại có hai hột, và một loại có ba hột. Thấy ba trái này, nhà mưu trí Cao-Miên có thể nghĩ ra lời giải. Nếu ông ta thắng được keo đầu tất phải trả lời mấy câu khác nữa.

Ông nọ òi nghe hỏi :

— Chúng ta sẽ đưa câu đố nào?

Ông kia đáp :

— Giờ này chúng ta bàn chuyện

ơ mật với nhau, trước hết chúng ta nên xem xét xung quanh có kẻ nào rình nghe chăng?

Thằng Chey nhẹ nhàng ngâm mình dưới nước nấp sau bánh lái, nhìn thấy viên Đại thần và nhà thông thái Trung-Hoa lộ đầu ra cửa sổ nhìn quanh quẩn, rồi trở vào phòng, yên trí không có ai. Nhà thông thái nói :

— Khi ông Cao-Miên trả lời đúng ba trái dưa rồi, ta lấy một cân thịt heo và hỏi Nhà Vua làm cách để dành trong hai năm không muối, không nấu chín mà không sinh thú?

Vị đại thần ngạc nhiên :

— Làm thế nào được? Làm sao giữ một cân thịt heo trong hai năm mà còn tươi?

Nhà thông thái giải thích :

— Đến ngày cuối năm, ta lấy thịt, hôm sau qua năm mới là 2 năm, vì ngày trước là một năm, và ngày sau là một năm. Nếu nhà mưu trí Cao-Miên không nghĩ ra được chúng ta bắt nước Cao-Miên nộp cống xưng thần. Thêm vào đó, chúng ta bắt một con chim đưa Nhà Vua bảo nấu một món ăn thế nào chia cho tất cả thủy thủ của ta ăn mỗi người một miếng.

Vị Đại-thần hỏi :

— Làm sao nấu một con chim nhỏ cho cả mấy chục ngàn người ăn?

Nhà thông thái nói :

— Nếu ông Cao-Miên đưa chúng ta một cây kim bảo chúng ta rèn một cái dao thái thịt thật nhỏ để xé con chim làm mấy mươi ngàn phần ăn, nếu không có dao thì không thể nấu. Như thế là chúng ta sẽ rơi vào bẫy chúng ta. Sau đó, chúng ta nhờ Nhà Vua Cao-Miên làm giúp năm trăm mỏ neo cho các chiến thuyền của ta mà phải có đủ trong một ngày, mỗi cái lớn bằng ba nắm tay.

Vị Đại-thần hỏi :

— Làm sao có đủ 500 mỏ neo trong một ngày?

Nhà thông thái đáp :

— Không có gì lạ, chỉ cần lấy rơm tẽ thành hình mỏ neo, để trên đất đốt ra tro sẽ có dấu mỏ neo rõ ràng, lúc ấy ông Cao-Miên gọi thủy thủ ta đến lấy đem thuyền! Nếu quả là bậc mưu lược, ông ta sẽ làm như thế và sẽ thắng chúng ta.

Vị Đại-thần sung sướng trước

kế hoạch nhiệm mầu của nhà thông-thái, nói to lên :

— Nhất định nước Cao-Miên sẽ nằm trong tay chúng ta một ngày gần đây!

Thằng Chey ôm bánh lái thuyền lắng tai nghe không sót lời nào. Khi ông quan Tàu và nhà thông thái về phòng riêng, Chey lặng xuống nước bơi vào bờ. Trên đường về nhà, nó nở gan nở ruột, lầm bầm : «Ta đã nghe hết! Quả là Thần Thánh giúp đỡ ta vì quý Ngài không muốn ta chết!»

Sáng hôm sau, khi vị Đại-thần và nhà thông thái Trung-Hoa đem ba trái dưa hấu vào Triều, Nhà Vua họp bá quan cho gọi Thmenh Chey. Bao nhiêu câu đố hóc hiểm Chey giải đáp rành rẽ như câu chuyện vừa qua. Nhà Vua tuyên bố nhà thông thái Trung-Hoa thua trí thằng Chey, truyền tịch thu năm trăm chiến thuyền, chỉ để lại một chiếc cho hai vị Sứ giả trở về Tàu. Đoạn, Ngài ban thưởng thằng Chey rất trọng hậu. Còn vua Tàu, từ đó rất sợ mưu trí của Thmenh Chey không dám thách đố nữa.

★

Nhà Vua Cao-Miên nhận thấy

thắng Chey thắng Vua Tàu được nổi tiếng khắp nước lấy làm lo ngại vì nó ở gần Hoàng-Cung, sợ có ngày nó lật đề ngai vàng. Ngai quá ngán mưu trí cao kỳ của nó nên ra lệnh :

— Chey ! Từ đây nhà người không được ở trong vùng này nữa. Trăm cho phép nhà người đến ở trong Biển-hồ, nơi đó có một phần đất rộng, thừa người, nhà người tha hồ bay nhảy. Trăm cấm nhà người không được trở về đây.

Thmenh Chey lấy từ Đức Vua, về nhà thưa với bà mẹ :

— Đức vua cho phép con ra ở ngoài Biển-hồ trồng lúa và sống tự do. Bây giờ hồ đó thuộc quyền sở hữu của con.

Bà mẹ nói :

— Vậy con nên vâng lời Đức Vua đến đó lập nghiệp, còn mẹ vẫn ở nhà này.

Chey từ giả mẹ, vào Biển-hồ gọi viên quan cai trị vùng ấy và dân chúng đến, tuyên bố rằng :

— Đức Vua vừa quyết định ban cho tất cả phần đất thuộc hồ này và cho ta quyền khai khẩn ruộng vườn theo ý ta. Đây là lệnh của ta : nếu người nào đến hồ bằng thuyền phải báo cho ta hay tức

khắc. Tùy theo hình dáng chiếc thuyền lớn nhỏ, ta sẽ ấn định số tiền thuế cho các ghe thuyền hàng ngày vào đây tìm mưu sống. Số tiền thuế này ta sẽ nộp vào Ngân-khố Hoàng-gia. Nếu có kẻ nào lên vào biển hồ mà không báo cho ta biết, thì chiếu theo tục lệ ta sẽ trừng phạt thật nặng.

Chey lấy tre chẻ ra, đương nhiều thúng nhỏ hình bát giác, đoạn trồng một cây tre dài xuống đất cột cái thúng lên ngọn, lấy lá dừa nước bó lại như lá cờ treo toong teng cạnh thúng. Chey làm một cái sông nhỏ, lấy mây làm một cây roi cột vào một đoạn tre ngắn trồng gần bên rồi loan báo cho dân chúng biết :

— Đây là biểu hiệu của Quan thuế. Ta cấm ở đây để mọi người biết mà khai báo. Người nào buôn bán hoặc đổi chác hàng hóa, thấy biểu hiệu này lập tức đến ngay thì không có lỗi.

Chey xuống ghe đi dọc theo bờ hồ kiểm soát các con rạch, bến nước và các phần đất có thể trồng lúa trong mùa khô. Sau khi đi vòng quanh khắp hồ, Chey ghi vào một quyển sổ và đặt tên rạch, bến và ruộng rẫy đã xem qua, như «*Cù lao Quạ*», «*Rạch cát*», «*Bến Bạc*». Chey đi vào rừng thấy một giòng suối

nhiều nước rất hợp cho việc cấy lúa trong mùa nắng liền đặt tên là «*Suối Dầy*», và đặt tên một vùng đất ở phía Bắc ngọn suối là «*Đất của cây bông vải có gai*». Về hướng Bắc có một vùng lưu vực thuận tiện cho việc trồng lúa, Chey cho tên «*Lưu vực của lúa gieo*» vì chính Chey vải dầy lúa ở đấy. Trên lòng hồ vào mùa khô, Chey gọi là «*Lưu vực bùn*» và vải lúa khắp nơi. Qua mùa nước, Chey gọi là Tonlésap nghĩa là sông nước ngọt. Sau đó, Chey bố cáo lệnh như sau :

— Kẻ nào chèo ghe vào đây phải cẩn thận tránh làm hư hại mùa màng của ta. Nếu trái lệnh, ta sẽ tịch thu ghe để đền bù thiệt hại, ngoài ra còn phải nộp 30 nén bạc (I) phạt mỗi người mỗi chiếc ghe.

Số người vào hồ tìm sinh kế rất đông và không thể nào tránh khỏi đụng chạm đến ruộng lúa. Chey liền bắt ghe lại, nói :

«*Các anh làm hư lúa của tôi !*»

Rồi bắt họ nộp 30 nén bạc phạt. Dân chúng nổi giận rủa nhau đến thưa Đức Vua :

— Tàu Bệ hạ, ông Thmenh Chey đến vỡ ruộng trong hồ, rải lúa khắp nơi và công bố

không cho ai dầm vào ruộng, kẻ nào vi phạm bị ông ta tịch thu chiếc ghe và bắt nộp 30 nén bạc phạt. Vì thế chúng tôi rất khổ sở, cúi xin Bệ hạ đưa ông Chey ra Tòa để biết rằng đến việc này. Chưa bao giờ chúng tôi nghe Bệ hạ ra lệnh phạt hay thâu thuế xe bò và ghe thuyền buôn bán trong lãnh thổ như ông Chey đã làm.

Đức Vua rất ngạc nhiên, liền sai bốn viên quan đến hồ bắt Chey về Triều ngay tức khắc. Đức vua phán hỏi :

— Chey ! Trăm cho phép nhà người đến ở gần hồ để làm ruộng nuôi sống, tại sao nhà người bày vẽ nhiều chuyện lồi thối như thế ? Nhà người nghĩ thế nào hãy trình bày Trăm nghe.

Chey tâu :

— Tàu Bệ hạ, trong vấn đề này, tôi không có ý cãi bướng với Bệ hạ. Tôi nghĩ rằng trong một quốc gia xứng đáng với danh hiệu của nó, cần phải có một đạo luật cho các quan và quân đội hiểu biết và cần phải có tiền thuế nộp vào Ngân khố Hoàng-gia. Quý quan chức các

(I) 1 nén cân nặng 37gr5, giá trị bằng bốn đồng bạc gọi là BÁT

cấp cần phải thông suốt điều ấy và loan báo cho dân chúng khắp lãnh thổ biết rằng họ có bốn phen nuôi dưỡng bộ máy hành chính ở tỉnh và các viên phụ tá, các ông chánh tổng, xã trưởng. Các vị Tỉnh-trưởng lớn và nhỏ cần phải có chức tước và mỗi tỉnh phải có một danh xưng. Tôi không có ý muốn giữ riêng số tiền thuế này. Tôi làm như vậy để nộp vào Ngân khố Hoàng-gia và muốn cho việc làm kiểu mẫu được tiếp tục vĩnh cửu.

Nhà vua phán :

— Nhà người nói đúng, nhưng số tiền phạt ấn định quá nặng, Trẫm muốn thâu mỗi người một đồng bạc (bát) thôi.

Thmenh Chey vâng lệnh, lại dùng cái «bát» (I) của nhà Sư, công bố với dân chúng mỗi khi nộp phạt rằng :

— Đức Vua không muốn ta nhận 30 nén bạc phạt vì Ngài cho quá nặng đối với đồng bào. Ngài buộc ta chỉ được nhận mỗi người một «bát» thôi. Đây, ta đem theo một cái «bát» để đo lường.

Dân chúng đem bạc bỏ vào nhưng không thể nào đầy cái bình quá to. Trước sự bỏ buộc của Chey, dân chúng vào Triều đầu cáo :

— Tâu Bệ hạ, ông Chey bảo rằng Bệ hạ cho 30 nén bạc phạt là quá nặng, chỉ thâu mỗi người một «bát» thôi. Ông ấy vào nhà chùa lấy một cái hình bát.bát chúng tôi bỏ đầy bạc vào. Chúng tôi không có đủ tiền nộp, biết làm sao ?

Nhà Vua liền cho gọi Chey đến :

— Chey ! Nhà người nói với đồng bào rằng Trẫm ra lệnh nhà người phạt mỗi người một nỗi bạc phải không ? Trẫm nói với nhà người hồi nào vậy ?

Chey tâu :

— Tâu Bệ hạ, Bệ hạ buộc tôi thâu một «bát» thay vì 30 nén. Tôi thi hành đúng lệnh của Bệ hạ, đâu có sai.

Nhà Vua Giải thích :

— Trẫm bảo nhà người nhận một đồng đặc đang lưu hành tên gọi là «bát». Từ đây về sau, nhà người nhận một đồng như thế, không được dùng cái bình bát của nhà Sư.

(I) Đây là lối chơi chữ nhỏ ở Cah-Miên : BÁT là một đồng bạc, đồng âm với BÁT là cái bình bát của nhà Sư mang đi khắp thực.

(Còn nữa)



VÕ THUẬT

TRẦN-TUẤN-KIỆT biên soạn

(Tiếp theo P.T 252)

18— Nguyệt Lý Tàng Hoa.

Đánh tay mặt theo thể trên.

Có ý nghĩa là cánh hoa ẩn dấu dưới vầng trăng.

Đoạn bước chân trái từ sau ra.

Tác động :

Đấm tay trái vào ngực địch.

Chân đình tấn. Minh bằng ra. Mặt hướng về địch.

Tay mặt che đỡ ngực.

Tay mặt nắm lại. Đấm mạnh ra.

Có thể lùi chân về xà tấn. (Bỏ chân mặt sau chân trái).

Tay trái thu về che ngực. (xem hình)

Đánh vòng tay mặt (mu bàn tay) vào hạ bộ địch.

Tác dụng :

Ta tiến tới công địch.

Bộ này có thể áp dụng các thể Thần Cung Xạ Hứa Điền. Song long xuất hải mà tấn công địch.



19 — Vận Thủ Ưng Qua. Ta đưa tay mặt cản

Có nghĩa là hái quả dưa.

Tác dụng :

Đỉnh tấn. Chân mặt trước.

Chân trái sau.

Tay mặt vươn như nắm vật gì.

Tay trái chia 5 ngón tay như đón bắt.

Tác dụng :

Địch đánh tay trái vào mặt

Địch đá vào. Ta chặn tay trái xuống.

Rồi đồng thời hươi cánh tay bắt luôn chân địch.

Tay mặt đánh thốc vào ngực địch.

Nếu địch thứ 2 từ sau đánh tới. Ta chém tay trái về phía sau theo thế Hồi Đầu Hồ Vỹ.



20 — Hồi Đầu Hồ Vỹ : địch phía sau.

Như đuôi cọp đập trở ngược lại.

Tác dụng :

Đứng lập tấn nội bộ thành đỉnh tấn.

Tay mặt thủ ở sườn bên phải.

Tay trái đánh tạt ra yết hầu

địch phía sau.

(Xem hình)

Tác dụng :

Thế này ta đang giao đấu với địch hai mặt.

Vừa tấn công địch phía trước. Thì liền thụ địch phía sau.

Lập tức đánh tạt tay trái ra sau theo hình trên.



21 — Lư Tinh Cẩn Nguyệt :

Những ngôi sao chạy qua mặt trăng.

Tác động :

Ta đứng chân trái trụ xuống. Chân phải bước tới 1 bước.

Tay trái hơi từ bộ nội-quyển lên.

Tay mặt nắm chặt (thời sơn)

vào bụng địch thủ.

Tác dụng :

Địch đánh vào mặt ta. Ta hơi tay đỡ như hình trên.

Tay mặt đâm vào ngực địch.

Thế này có thể áp dụng thế Hồi đầu Hồ Vỹ chém tay mặt ngược lại. Chân mặt bỏ ra sau đỉnh tấn. Để đánh một địch thủ từ sau lưng tiến tới.



22 — Nhị Long Tranh Châu :

Thế này có nghĩa là 2 con rồng đánh trái châu.

Tác động :

Xem như trong hình.

Chân trước chân sau đỉnh tấn.

Mặt hướng tới trước. Mắt nhìn thẳng về phía địch. Thân ngay ngắn.

Tay phải vươn lên như chụp bắt trái châu.

Tay trái duỗi thẳng hứng lấy

Tác dụng :

Địch đá và đánh tới.

Tay trái đưa sóng bàn tay đỡ gạt chân địch. Có thể bắt lấy chân địch.

Tay mặt chia ra đánh tạt vào mắt mũi địch.

Chân mặt bỏ ra khóa lấy chân đứng trụ (chân sau) của địch.

Và có thể xoay vạy mặt, dùng luôn cạnh bàn tay mặt chém vào cổ địch.



23 — Linh Sư Khai Khẩu :

Tác dụng :

Như mồm miệng sư tử há ra vậy.

Biến thể thật nhanh lúc địch đá và đánh tới ta đang ở bộ nội quyền. (Chân trước, chân sau. Hai tay buông thõng)

Tác động :

Chân lập tấn đứng thẳng.

Địch đá, ta vươn tay ra quàng bắt chân địch. (Tay mặt).

Chuyển thể ra, thì chân mặt co lên che hạ bộ.

Tay trái chân đòn tấn công của địch tiếp theo đó.

Tay mặt vươn ra hững chân địch.

Chân phải bỏ mạnh xuống đỉnh tấn.

Tay trái chặn tay địch.

Dùng tay mặt chặt vào cổ địch từ trên xuống. Lúc đã gạt cú đá hoặc đánh của địch rồi.

Chân trái trụ thẳng đứng thật chặt



24 — Hồ Lai Thân Yêu :

Tác dụng :

Có nghĩa là con cạp dữ đuổi lưng hay trường mình ra.

Địch đánh tới

Tác động :

Ta đang đối mặt với địch.

Đứng ở chân nội quyền. Chân trước chân sau. Tay buông thõng.

Lập tức nghiêng mình ra phía sau.

Hai tay vươn ra như hình bên.

Đạp thẳng chân vào hạ bộ địch.

Nghiêng mình đá chân mặt ra.

Hoặc là vào đầu gối địch.



Đây Quảng Nam

(Thân tặng anh Phạm-Đình-Thắng và nhà thơ
Hoàng-Phong-Linh, Trung-Tá Võ-Đại-Tôn)

*Đây Quảng Nam
Biển xanh, lòng cát trắng*

*Khói mây chiều vương vẫn Ngũ hành sơn
Trời quê hương đẹp để ánh trăng rằm
Đá mấy thuở rạng danh cùng sông núi*

*Cửa Nam Ô
Nhìn đại dương thăm thẳm*

*Bóng thuyền mảnh tung cánh gió xa khơi
Ai Vân quan ngạo nghễ giữa lưng trời
Trông bốn bề đứng đứng nhìn sông cuộn
Đường về quê dặm dài, đôi bướm lượn
Khói lam chiều lưu luyến mãi không gian*

25 – Bạch Viên Cầm Thi:

Tác dụng:

Vươn bạch bất heo.

Với bộ này ta chuẩn bị xà tấn.

Tác động:

Địch đá hoặc đánh tới vào chỗ
hở

Thân Pháp nặng dang trước.

Ta rút chân mặt téo về (xà
tấn) sau chân trái.

Chân trái bỏ ra một bên sau

Tay mặt hơi lòn bắt chân
địch hất tung ra.

Tay mặt đưa ra trước

Rồi bước chân mặt lên

Tay trái che ngang phía bên
trái.

Đánh vòng quả năm tay trái
vào người địch.

Đây phần đất Hòa Vang
Mảnh tình đầu xứ Quảng
Núi Sơn Trà nghiêng bóng rợp quê hương
Và Đại Lộc mến thương
Giao duyên miền Đức Dục

Sông Thu Bồn trăng gió ngọt ngàn phương

Bờ dâu xanh
Cảnh lặng
Đêm trường

Nghe xao xuyến những tâm hồn viễn xứ

Đây Quế Sơn
Mối tình quê vẫn đợi

Sầu biên cương mây trắng nã nề bay
Đường về quê mấy thuở dậm dài
Gây nhung nhớ những chiều thương Quế Lộc
Chợ Trung Phước hàng dừa xanh bưởi tóc
Nhìn cô em lẳng thừng bước ra về
Có những chiều êm đẹp mái tranh quê
Đôi mắt biếc vẫn chờ nhìn bướm lượn
Làng Phú Cốc bên kia đồi Thạch Thượng
Hàng cau xanh lơ lửng giữa lưng trời
Nếp vườn cao, cam bưởi trái xanh tươi
Đã nhuộm đọng buồn vui thời dĩ vãng

Chợ Hà Lam
In mình trong nắng sớm

Đường Hương An vun vút mãi kinh kỳ

Đây thành phố Hội An
Âm thầm trong vạn kỷ

Màu thời gian lắng đọng biết bao giờ
Những chiều buồn mây trắng trải muôn nơi
Khu phố nhỏ trở nên hiền dịu quá
Làng Kim Bồng nơi sớm chiều thoả mái
Giòng sông xanh còn tỏa ngát hương lành

Bờ cát trắng
Rặng thông xanh

Mối tình quê khăng khít chân thành
Khẽ xao động những đêm vàng bến nhỏ

Đây những chiếc thuyền con
Lắc lư làn sóng cỏ

Trăng soi đầu thấp thoáng những đêm mơ
Làng Cẩm Phố tiếng sùng vọng từng hồi
Lòng phố nhỏ dựng hơn giặc cướp

Thành Đà Nẵng
Ánh gương thần bất khuất

Đi bao phen chống đỡ lưới quân thù
Tên Thái Phiên rạng rỡ với ngàn thu
Nghe xao động những danh nhân thời buổi
trước

Ngũ Hành Sơn
Non cao lồng bóng nước

Vọng hải đài nghe nhịp sóng mệnh mang
Trời Quảng Nam đẹp để ánh trăng ngàn...

NGUYỄN-MẬU-LÂM

cái gì thiêng liêng tuyệt đối nữa.

Tôi muốn la hét, nổi loạn, bay bỏ nhà đi lang thang. Nhưng khổ nỗi, tôi chỉ là đứa con gái yếu đuối về mọi phương diện.

Phải chi Bố Mẹ đừng dạy chúng tôi phân biệt đâu là phải trái, thì ngày nay chúng tôi không thể nào phê bình Bố Mẹ được.

Đàng này, Bố Mẹ đã cho chúng tôi đi học, dạy chúng tôi về liêm sỉ, lễ nghĩa. v. Ôi, lời nói

và việc làm (tôi bất hiểu ư).

Tôi đau xót vì tôi có linh cảm nay mai sẽ mất đi một trong hai diêm tựa thương yêu chắc chắn và bền bỉ nhất. Ôi, gia đình ôi, mi hãy cố giúp ta đủ nghị lực để chống giữ sự gây đổ nữa Bố Mẹ, để ta đừng bao giờ thất :

— Gia đình ôi ! ta thù mi.

VŨ-THỤY LY-TAO

(Trung-học Tân-An)

Da Đen Làm Sao Trắng

Thí dụ : những dân tộc ở Bắc Phi, họ là những dân tộc da màu (đen) thì không làm sao cho trắng được.

Riêng dân tộc Việt Nam, vốn là dân tộc da vàng. Tuy nhiên, có những người vì phải xê dịch nhiều hoặc vì quá lam lũ làm ăn bị ánh nắng mặt trời chiếu đốt nên màu da đen sạm. Trường hợp này làm cho hết đen được, bằng cách : tuyệt đối ở trong mát 1 tháng, năng tắm và kỳ rửa mặt bằng khăn nhám.

Ở các nước văn minh có bào chế thứ kem và phấn đặc biệt, dùng nó không bị nắng ăn chỉ hiếm giá rất đắt. Ở Việt Nam vừa sống chế được thứ kem và phấn vừa đề trang diêm vừa có công dụng chống nắng như vậy, nhưng giá trị thì rất bình dân. Đó là CRÈME THORAKAO.



Cậu bé ước mơ

● THÙY-DƯƠNG-TỬ

THĂNG Trào nó muốn quay về tìm lại quê hương mà nó thường nghe nói đến — nó hay tưởng tượng mà nó tin rằng quê hương đẹp lắm, quê hương nằm trong tuổi thơ — Nó ước ao

được gặp Ông Bà, cha mẹ và bà con nó và nó tin rằng mọi người sẽ đón nó, vui mừng khi nó quay về.

Đã nhiều lần nó ước ao như vậy và muốn có đôi cánh bay

liền về, bay tức tốc, bay một mạch, nhưng không, nó bắt lực vì nó là người, là một thằng bé Trần chứ không phải những con chi có cánh.

Thằng Trần nhiều lần mơ về quê nhà, mơ về đồng lúa, mơ về hàng đậu bờ tre, mơ những con trâu, con ngỗng, con gà, con vịt của gia đình nó. Nó ước ao được nhìn khu vườn cây trái của ông bà nó, nào cam, nào quýt, nào ổi... Ôi thôi, biết bao nhiêu thứ, những quả na ngọt lịm nó nghĩ mà thèm đến rõ nước miếng.

Nó nghe nói rằng : Ông nội của nó ngày trước làm Chánh-Tổng làng Triêm, vui lắm, giàu có và tiền của nhiều. Và nó cũng nghe rằng cha nó làm đến chức gì không rõ mà dân thường gọi là ông ông Hội-Đồng xã, hoặc xã Triêm, vui lắm, oai lắm, hơn ông nội nó nhiều, lại vẫn hay chữ tốt. Ruộng đất nhà cửa nhiều thật nhiều.

Nhưng rồi chiến tranh lan đến cha mẹ nó dẫn anh em chúng tản cư chạy loạn, bỏ lại ruộng vườn nhà cửa trâu bò. Sản nghiệp tiêu tan theo chiến tranh,

hồi đó nó còn nhỏ chưa biết gì cả, chỉ biết ăn, ngủ, đi chơi và có mẹ nuông chiều.

Nay nó kịp thời nghĩ đến gia đình thì cha mẹ anh em đã chết trong một cuộc oanh kích dữ dội, và nó không biết lý do gì, ngày nay nó lại được ở trong Cô-Nhi-Viện này. Nó không hiểu rõ vì sao cả nhà chết hết mà nó không chết ?

Nó chỉ nghe kể lại rằng : khi nó bị văng ra ngoài bờ rào thì cha mẹ nó chạy lại ôm nó vào lòng cùng dắt anh chị nó chạy sau thì những loạt đạn trúng cha nó ngã quy, nó văng ra ngoài ruộng lúa. Còn anh chị nó lạc đầu mất, kể từ năm xảy ra vụ đánh nhau cho tới bây giờ. Lúc đầu người ta tưởng nó chết. Nhưng khi sờ mình nó thấy còn nóng và không có vết thương nào cả.

Sau cuộc chiến ấy, cả làng Triêm điêu tàn chết chóc vô số, nhà cháy thành tro, gia đình nó cũng nằm trong hoàn cảnh đó.

Và cuộc cứu thương cứu trợ gì đó (?) có lẽ nó được nằm trong những người còn lại, hoặc những đứa trẻ còn lại.

Thằng Trần bán tin đoán nghi

về xuất xứ của mình — nhưng cuối cùng nó chấp nhận lời nói trên là thực — nếu khổ không thật thì làm gì nó ở trong Cô-Nh-Viện, nếu không thật thì cha mẹ nó sao không tìm nó ?

Nó bậm môi cho nước mắt khỏi trào và nói trong ngập ngừng : Có lẽ cha mẹ và anh chị của tôi chết rồi.

Những ước mơ của nó chỉ nằm trong giấc mơ tưởng, nó hy vọng một ngày nào lớn khôn nó xuất viện về tìm lại quê hương của nó. Làng Triêm có ông Nội làm Chánh-Tổng, cha nó làm ông Hội-Đồng xã, à quên Xã Triêm chứ.

Bò Trâu vườn đất, ruộng lúa, nhà cửa, nó tha hồ chơi, nó sẽ rủ bạn bè nó tới mà khoe những cái thành tích làm Chánh-Tổng của ông Nội nó và thành tích gần nó nhất, rục rịch vô cùng là cha nó ông Hội-Đồng xã, Xã-Triêm và mẹ nó sẽ ôm nó vào lòng mà khóc, nó được mẹ cưng và sẽ nâng niu như ngày nào hay ít nhất cũng phải được yêu chuộng như đứa trẻ có cha mẹ, dẫn đến thăm ở Viện này mà nó đã từng bắt gặp được từ chi ấy ?

Nó ước ao, nó mong muốn, nhiều đêm nó không ngủ, nó mơ thấy mình về làng, cha mẹ nó đón và gọi : Trần ơi lại đây con nó sung sướng bật thành tiếng khóc, nhưng tiếng người quản lý gọi : Trần ngủ mơ gì vậy ?

Nó giật mình, thức dậy nhìn quanh, té ra không phải nhà nó, mẹ nó, cha nó mà là Cô-Nhi-Viện nuôi dưỡng những đứa con hoang. Nó cảm thấy buồn lạ. Cái buồn sau những giấc mơ, nó biết nó là thằng Trần, thằng Trần mồ côi, nó biết nó vậy nhưng vẫn hy vọng còn mẹ còn cha, mặc dù nhiều lần nó được nghe kể lại cha mẹ nó đã chết rồi.

Rồi những ngày qua, những năm tháng thằng Trần lớn lên trong Cô-Nhi-Viện này và nó đã hiểu rõ thế nào là buồn

DECAPAN

THUỐC THOA.CHUYÊN
TRỊ CÁC BỆNH NGOÀI
DA.

vui, khổ sở, nhiên đem nó khóc thân, tủi phận. Nó biết so sánh hoặc đối chiếu mọi vấn đề. Nó biết c' sinh và nhục, nó thấy buồn vô cùng thế nào là mất cha mẹ, nó ước ao nó có trước mặt, nó sẽ nói hết những cảm nghĩ của lòng nó khao khát tình thương yêu của gia đình, đành rằng ngày nay nó lớn khôn, nó là thằng Trân, hiểu biết của Cô-Nhi-Viện này, nó luôn kính trọng và nghe lời mọi người chỉ dạy, nhưng ai hiểu tâm sự của thằng Trân ? hay nhiều thằng Trân như nó buồn vì mất cha mất mẹ, buồn không được như ý muốn. Tuổi trẻ phải sớm dạn dày.

Đó tâm sự thằng Trân là vậy, có thể là tâm sự của những trẻ mồ côi chăng ?

Không biết nữa, chỉ biết thằng Trân buồn vì Trân ngày nay chứ không phải Trân của mười hai năm về trước.

Nó vẫn ngoan ngoãn; nó vẫn kính trọng mọi người nhưng nó vẫn buồn vì thiếu tình thương của Cha mẹ.

— Trân, tiếng người Quản lý Cô-Nhi làm cho Trân giật mình.

— Thưa thầy có việc gì ?

— Con dẫn mấy em nhỏ cho đi tắm. Trân dạ một tiếng rồi thì hành ngay.

Nó nhìn những trẻ bơi trong hồ, nó liền tưởng đến nó chín, mười năm trước.

Nó bắt giặc tự hỏi :

Những em này lớn lên có biết và nghĩ như mình không nhỉ ? Nó nghĩ vậy rồi tựa lưng vào thành tường.

Nắng chiều đã xuống, giờ cơm đã bắt đầu, nó dẫn trẻ về và làm những việc như mọi ngày.

THÙY-DƯƠNG-TỬ



PHỒ-THÔNG — 252

CHẤT DỄO,

vật liệu của thế kỷ 20

●●● CHU-MINH-THỤY

NYLON, dacron, bakélite, formica, vinyl... là những danh từ ngày nay đã trở nên quen thuộc không khác gỗ, sắt, thép... Người ta gọi chung các chất nói trên là «chất dẻo». Chúng là kết quả của một khoa học đã có từ lâu đời hóa học. Nhưng trước kia, hóa học chỉ có nhiệm vụ chế tạo nguyên liệu, để người ta sử dụng hoàn thành các vật liệu khác. Chẳng hạn như vào thế kỷ 19, một nhà máy hóa học làm ra phen chua để người ta dùng thuộc da, hoặc bồ tạt để dùng trong kỹ nghệ xà bông hoặc thủy tinh.

Năm 1908, Leo Baekeland làm một việc đáng ghi nhớ, là phát minh ra một vật liệu, hoàn toàn nhờ hóa học, làm thay đổi truyền thống đã có từ trước. Để ghi ơn; người ta gọi

đó là chất «bakélite». Người ta chỉ cần đổ khuôn, cắt hoặc gắn lại với nhau là có một món hàng dùng được. Tuy vậy, cũng phải mất mấy năm người ta mới hoàn thành được cách thức chế tạo bakélite theo lối kỹ nghệ hóa — nghĩa là những mẫu khá lớn. Hồi đầu người ta chỉ dùng chất dẻo để làm cán bàn chải đánh răng, vì chúng chưa có sức chịu đựng bền bỉ.

Nhờ kiếng hiển vi ngày càng mạnh, người ta hiểu được cơ cấu của chất dẻo. Trong kim khí, các nguyên tử nằm từ hàng, gần như ngay ngắn, kế bên nhau và lớp này trên lớp khác. Trong các chất dẻo, ngược lại, các nguyên tử nằm thành từng giây hỗn độn như các sợi mì hoặc chỉ bị rối. Do đó khi bị xô đẩy, động chạm, các giây nguyên tử

PHỒ-THÔNG — 252

trong chất dẻo thay đổi vị trí dễ dàng hơn.

Vì vậy, người ta sắp các chất dẻo vào loại *polymères* (do tiếng Hy-lạp *poly*: nhiều và *meros*: đơn vị). Một phân tử polymère gồm nhiều phân tử giống hệt nhau dính thành dây. Mỗi phân tử polymère thường lớn hơn một phân tử của một vật liệu khác, nghĩa là có thể chứa hàng ngàn tới cả trăm ngàn nguyên tử, trong khi chẳng hạn với một thứ khí thông thường chỉ chứa vài nguyên tử mỗi phân tử.

Nhờ đặc tính có phân tử lớn, nên chất dẻo mới có sức chịu đựng và cứng rắn, đồng thời lại dẻo dai, quánh hơn nhiều chất khác. Nếu đổ vô khuôn cùng một lượt 2 thứ: kim loại, và chất dẻo, thì kim loại sẽ chảy dễ dàng như nước, còn chất dẻo thì chảy từ từ như mật ong.

Đề chất dẻo có sức chịu đựng khá hơn là hồi đầu, người ta xử dụng vải hóa chất có khả năng nối liền các dây phân tử polymères nói trên. Nhờ đó người ta mới có thể chế tạo nút áo, đồ chơi trẻ em...

Chất dẻo đầu tiên có sức chịu đựng là *nylon*, do hãng Du Pont de Nemours tìm ra vào năm

1938. Người ta dùng nylon làm võ để thay võ bằng tơ. Sau đó, các thứ sợi hóa hợp khác xuất hiện trên thị trường. Quần áo nhờ vậy được thêm vài ưu điểm, chẳng hạn mau khô, đỡ ỉu, không thấm nước...

Sự cải tiến đầu tiên, như chúng ta đã thấy, là nhờ người ta nối liền được các sợi chất dẻo với nhau. Sau đó, các chuyên viên nhận thấy rằng có thể tăng thêm sức chịu đựng của chất dẻo bằng cách gỡ các dây phân tử rối nùi ra, rồi sắp đặt chúng lại cho có hàng lối. Tất nhiên, công việc ấy đòi hỏi nhiều thì giờ tìm kiếm cùng máy móc phức tạp, nhưng rồi người ta cũng thành công. Kết quả là ngày nay ta có được những chất dẻo khá chắc chắn, có thể thay thế kim khí trong vài trường hợp.

Một lợi điểm khác, là chất dẻo nhẹ hơn kim khí. Trước kia, người ta chứa nhiên liệu đặc của hỏa tiễn trong thùng đựng thiết chắc chắn, chẳng hạn thép đặc biệt. Những thùng này khá nặng, khiến hỏa tiễn phải mang theo một sức nặng vô ích. Các kỹ sư bèn nghĩ ra cách thay thế thùng đựng bằng thép như sau. Họ dùng sợi thủy

thủy cuộn bên ngoài một khuôn bằng sáp, và phun lên trên một vài lớp chất dẻo trong trạng thái lỏng. Chất dẻo cứng lại, còn sáp thì chảy tan. Thùng đựng chế tạo theo kiểu này vừa chắc chắn, vừa nhẹ (so với thép, nhẹ hơn ít nhất là 30%). Nhờ vậy, hỏa tiễn có thể chở thêm nhiên liệu, để bay xa hơn có cả mấy trăm cây số.

Lần đầu tiên, người ta dùng chất dẻo để chế tạo thân hỏa tiễn, là trong kiểu Polaris A-2. Tầng thứ 2 của kiểu này làm bằng chất dẻo theo phương pháp vừa nói trên. Kiểu Polaris A-3, tầng nhứt và tầng 2 đều bằng chất dẻo, có tầm bán 4.500 cây số, nghĩa là đi xa gấp đôi kiểu Polaris đầu tiên trang bị trên các tàu lặn nguyên tử của Mỹ.

Dưới hình thức mỏng, chất dẻo dùng làm giấy gói hàng, chẳng hạn như *cellophane* (giấy kiếng), hoặc phim chụp hình. Dưới hình thức bọt, chất dẻo được dùng làm bông đá hóa hợp, nệm mousse, v.v...

Nhờ các giầy phân tử khá dài của polymères mà người ta sáng chế thêm nhiều thứ chất dẻo, có thể nói là vô tận, bằng cách

thay đổi thể chất các nguyên tử hoặc bề dài của các giầy phân tử ấy. Mỗi chất dẻo mới đều có một vài đặc tính khác lạ, thích hợp cho công dụng nào đó.

Trong số các nhóm chất dẻo quan trọng, ta có thể kể:

— Nhóm *résines époxy*, thường được dùng làm dụng cụ hoặc khuôn. Người ta đặt một tấm thép dưới cái khuôn bằng epoxy, đo áp ép mạnh lên. Tấm thép sẽ có hình thù mong muốn.

— Chất *polyéthylène*, tương tự như sáp, dùng bọc dây điện.

— Nhóm *polyamides*, tức nylon.

— Nhóm *polyesters* là những *résines* hóa hợp có xen lẫn sợi thủy tinh để tạo thành một thứ vật liệu rắn chắc, dùng làm vỏ tàu hoặc vỏ xe hơi.

— Nhóm *résines acryliques*, dùng trong địa hạt quang học, để làm kiếng trong trẻo, chắc chắn. Loại sợi *résines acrylique*, có tên *Orlon*, dùng để dệt.

— Bọt *uréthane*, một trong những chất cách nhiệt tốt nhất, được dùng xây cất nhà cửa, hoặc làm toa xe lửa, thùng xe đông lạnh. Đề có thứ bọt ấy,

người ta đổ lên trên một lớp nhựa, một thứ chất dẻo khác loại. Phản ứng hóa học tạo nên các lỗ giống như của bông đá — nhưng tất nhiên vật liệu hóa học này cứng rắn hơn.

Chất dẻo là một vật liệu qui giá trong vài trường hợp. Chẳng hạn để bọc bên trong ống thông hơi của hỏa tiễn, người ta vừa hoàn thành một thứ chất dẻo có khả năng chịu đựng tới nhiệt độ 5.500 độ C. Ở độ ấy, kim loại có sức chịu đựng cao nhất là tungstène, chỉ trong vài giây là chảy ra nước. Vài thứ chất dẻo khác được dùng che chở khi nóng cho các phi thuyền không gian khi chúng trở về khí quyển. Chúng loại bỏ khí nóng bằng cách «cháy» từ từ, do đó

hút bớt hơi nóng. Nhờ vậy, lớp kim khí của phi thuyền không tới nổi nóng quá, vì nằm bên trong lớp chất dẻo, thường thường là một hợp chất epoxy và phénolique, được tăng cường bằng các thứ sợi chịu đựng sức nóng. Các thứ sợi ấy bằng chất amiante, thủy tinh chứa silicium, hoặc bằng than chì.

□□□



THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN

231 - 233, Phạm-Ngũ-Lão

Điện.thoại : 25861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP VẬT DỤNG VĂN PHÒNG
CÓ XƯỞNG MÁY CUNG CẤP PHỤ HIỆU, CỜ HIỆU ĐOÀN,
NHÃN CỔ ÁO, (ÉTIQUETTES) MÀU ĐẸP BỀN, KHÔNG PHAI
Gởi tiền nhanh toán, xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện

Saigon T/M 2.701 THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN

GIAI THOẠI VĂN-CHƯƠNG

HOÀNG TRÙNG ĐI

VI TRÙNG LẠI

□□□ THÁI BẠCH

TRONG hàng ngũ tay sai thực dân Pháp ở ngoài Bắc trước đây có Hoàng-trọng-Phu, Vi-văn-Định là hai lão hung thần khét tiếng.

Hoàng là tổng đốc tỉnh Hà-dông.

Vi là tổng đốc tỉnh Thái-bình

Cả hai cùng một thời, cùng khét danh trong ngoài về các thành tích chui lòn nịnh hót, sâu dân một nước, đánh đập tra tấn, và thẳng tay tằm máu những phong trào cách mạng. Đọc ngang chỉ biết trên đầu có Tây...

Kể về truyền thống «mãi quốc

cầu vinh» dĩ nhiên Hoàng hơn Vi, vì Hoàng là con cưng của quận công Việt-gian Hoàng-cao-Khải; rề quý của tổng đốc hai nơi Đỗ-hữu-Phương, một là hùm tham miền Bắc, một là cọp dữ phương Nam. Nhưng xét về hành động đặc lực cho quan thầy bảo hộ thì Hoàng lại dưới Vi một bậc. Chỉ riêng chuyện hời ngời ghế tổng đốc Thái-bình, Vi bắt các quan lại dưới quyền phải mặc Tây, phải cởi giày khi vào dinh ra mắt, phạt các viên chức tổng xã phải ăn bèo tây (độc bình) khi được lệnh vớt hết mà thấy còn sót lại dưới sông; và chỉ chấp nhận các đơn từ có đề những hàng

PHỔ-THÔNG — 252

chữ «*Kinh bần cư lớn, thái tử thiếu bảo, hiệp tá đại học sĩ, thường thụ đệ tam đẳng Bắc đẩu bội tinh, tống đốc, lãnh tuần phủ Thái-bình*», cũng đủ biết Vi là hạng quan sao rồi.

Vi thế, khi Vi được đổi lên làm tổng đốc Hà-đông, thay thế Hoàng-trọng-Phu về hưu, ông Nguyễn-dinh-Đạo một nhân sĩ có Tây học kiêm Nho học, tục gọi thầy giáo Đạo, gốc ở Kiến-an, khi lên Hà-nội chơi, nghe dư luận bàn tán về vụ trên, nhân tử húng cùng anh em, có ra một câu đối

Hoàng trùng đi, vi trùng lại, suy đi xét lại Vi hại hơn Hoàng.

Hoàng trùng là cào cào, vi trùng là loài sinh vật rất nhỏ, thường gây ra các bệnh truyền nhiễm. Cả hai đều là những giống hại người hại của không biết thế nào kể siết được. Tác giả dùng hai danh từ ấy làm «*nhỹ hiệu*» cho hai tên đầu xô tán nước trên, chẳng những đã hay, còn sát với hoàn cảnh hai tỉnh Hà-đông, Thái-bình lúc đó. Hà-đông bị cào cào phá lúa, Thái-bình bị dịch tả hoành hành.

Ông Đạo ra xong, tuyên bố với anh em :

— Hễ ai đối được, xin thưởng một châu hát, một đêm «*yên sĩ phi lý thuận*».

Kết quả, không ai đối được vì tính chất thời sự của nó. Một truyền mười, mười truyền trăm, trăm truyền ngàn, về câu đối ấy được lan đi rất nhanh trong khắp miền Hà-đông. Cả hai tên Hoàng, Vi nghe được, đều như bị trúng búa Thiên-lôi, tức ói máu mồm, mà cho thám tử đi điều tra mãi cũng không biết ai là tác giả. Phải chăng là của một tên Cộng sản bí mật nào, mà nó đã xa chạy cao bay? Chính Vi đã bảo với Hoàng như vậy và hăm bắt được sẽ đập cho chết liền vì cái tội xuyên tạc, dâm hỗn láo với những bức «*đường đường phương diện quốc gia*».

Xuất đối dị, đối đối nan, cụ Trạng Mạc-dĩnh-Chi xưa đã dạy thế, nên anh em bắt ông Đạo phải đối cho được; được sẽ trọng thưởng như lời tác giả đã tuyên bố; còn không, sẽ phạt ngược trở lại.

Nghe nói ông Đạo cười bảo :
— Thời sự sờ sờ trước mặt, thế mà các bác không làm sao đối, muốn đối hãy cứ khai trước đã, rồi đây sẽ đối cho mà xem ! ...

Anh em đồng ý, thế rồi đến bữa họp mặt vui chơi khác, trong lúc đương thả hồn theo men với khôi, tác giả đã tự đối rằng :

Pháp tắc áp, Nhật tặc dăng, quý áp ma dăng, Nhật hăng hơn Pháp.

Nghĩa là giặc Pháp áp bức, giặc Nhật đồ bộ, quý áp bức, ma đồ bộ; nhưng giặc Nhật còn dữ gấp mấy lần giặc Pháp.

Câu đối lại, nói chung không được chỉnh lắm, ở chỗ dùng chữ «*quý*» chữ «*ma*» để đối với chữ «*suy*» chữ «*xét*», song cũng thần tình, cũng sát với thời sự lúc đó : quân pháp đã mở cửa nước ta, quý rước quân Nhật vào ! ... Nếu câu ra có dụng ý bảo cho mọi người biết tên Vi còn đó hơn tên Hoàng, chớ tin vào chính sách của tên tổng đốc mới mà đồ thóc giống ra; thì câu đối lại chỉ rõ cho ai nấy đều lạy bọn phát xít Nhật còn tệ hơn bọn thực dân Pháp, đừng nghe lời chúng mà có ngày đại họa.

Cái ý kiến này, tuy bây giờ chúng ta xét lại không có gì là lạ, nhưng với đương thời phải nói là một nhận định sáng suốt,

có thể gọi khác thường, vì chẳng nói ai cũng rõ, khi ấy rất nhiều người mang danh là chánh trị gia, là hào kiệt, là trí thức, mà vẫn nhai nhấm một cách ngon lành cái bánh vẽ «*Đại đồng Á chủ nghĩa*» của đám quân phiệt Nhật, tướng phi Trục Đức, Ý, Nhật thế nào cũng sẽ làm bá chủ hoàn cầu, mặc dù thế lực phe này đã đến lúc như mặt trời xế bóng.

Thật là bất hủ vậy. Bất hủ trong thi văn, bất hủ trong dư luận, bất hủ cho bọn Hoàng Vi và cả bọn Pháp Nhật.

Ông giáo Đạo giỏi quá.

Tôi không rõ ông có phải chánh khách không? Nay ở đâu, còn sống hay đã chết? Như còn sống và có mặt ở đây thì kẻ viết bài này đề nghị ông nên mở gấp một lớp thời sự để dạy các ông bà cô cậu chánh khứa hiện đang múa may quay cuồng mà không biết đang đi không đèn không đuốc trong đêm đen đầy đặc, thì cũng đỡ khổ cho cái xã hội đau thương uất nghẹn này.

THÁI-BẠCH

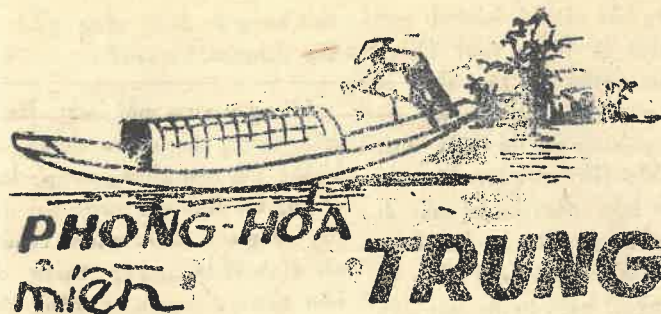


Mùa thu băng tâm

(cho Hà Nội đó em !)

Trời thu chiều Thăng-Long
Em loài chim Trám anh
Tha con lên về tổ
Kết tuổi tình 15 !
Ôi màu áo hàng Ngang
Em ủ ấm hơi len
Vời mùi hương thu đại
Dấu trong màu tóc nhung !
Giờng sợi thu soi gương
Trên bờ vai cầm thạch
Nhìn áo len em mặc
Chợt nhớ màu cốm non !
Em Băng-Tâm, Băng-Tâm !
Năm cửa ó bỏ ngõ
Mình đón nhau trước ngõ
Mùa thu chờ sau lưng !
Mây trắng hồn Thăng-Long
Vải ngang triển quá khứ
Chừ ngồi ôm nghiệp dĩ
Nghe sóng vỗ nhịp tim !

ĐẶNG-CẦM



Trải qua bao nhiêu lần biến-động, di-tích lịch-sử
của triều Minh-Mạng vẫn còn :

« TRUYỀN - QUỐC ĐÌNH »

— Những cái đình ấy chứa đựng tinh thần và ý
nghĩa gì ?

□□□ AILAN

NƯỚC VIỆT ta trải qua bao
triều đại, bao thế kỷ biến thiên,
đau bể đổi thay, chiến tranh dồn
đập, bao nhiêu công trình kiến
trúc những đền đài thành quách,
cung điện cổ kính, di tích lịch sử
của nước nhà, và luôn cả bao
nhiều bảo vật lưu truyền của quốc
gia từ đời nọ đến đời kia như các

vật quý báu trưng bày trong thành
nội và các lăng tẩm đền đài như
ngọc ngà châu báu, các món đồ cổ
hiếm có, đều mất mát hết cả.

Người dân tự hỏi : những vật
quốc-bảo ấy đã về tay ai ? Đồng
bào ở Huế cho biết rằng : cứ mỗi
một cuộc thay đổi chế độ do sự
biến động chính trị hay quân sự,

là những bảo vật ấy mất đi một phần, nhất là trong thời Diêm. Cần, nắm quyền độc tôn, thét ra lửa, mửa ra khói, thì các vật quý báu trong thành nội bị mất mát nhiều nhất. Rồi mới đây, lúc biến động tét mậu thân, lại bị mất đi sạch cả những vật còn lại. Lớp do những bàn tay người mình và người ngoại quốc tự do thu dọn đi, lớp bị hư hại do bom đạn. Đến nay, chỉ còn có mấy chiếc đỉnh đồng vì nó nặng và to quá, không ai lấy đi được.

Không biết bây giờ còn mấy cái đỉnh, chớ trước kia là chín cái, để một hàng ngang trước sân Thái-miếu.

Những chiếc đỉnh hay vạc cũng thế — Không phải người xưa đúc ra để làm vật trang hoàng cho đẹp đâu, mà nó có một ý nghĩa hệ trọng đến vận nước hưng, vong quốc gia còn hay mất nữa kia. Chúng ta đã từng nghe người ta nói :

«Thay vạc đổi ngôi» hay thành xiêu, vạc ngã, đề chỉ về sự nước mất nhà tan, hay thay ngôi đổi chủ từ triều này qua triều khác. Đề nói về một ông quan trung quân ái quốc, đứng ra cứu nước an dân, người ta thường bảo : vị

anh hùng ấy đã có công «đổ vạc xây thành». Vì sao?

Vì ngày xưa, mỗi một lần bị mất nước, thì nước thắng đi, không thể nào không cướp luôn những cái đỉnh của nước bại làm của riêng cho nước mình. Những cái đỉnh ấy là tượng trưng cho hồn nước, nó quan hệ chẳng khác cái ngọc tì — (ngọc-ấn) — của nhà vua. Làm vua mà bị mất ấn về tay kẻ oán nghịch thì kẻ oán nghịch ấy đã nắm chắc chiếc ngai vàng. Mất ấn tức mất ngôi, mất vạc (đỉnh) là mất nước.

Hồi nhà Hạ bên Tàu, vua Võ có truyền đúc 9 cái đỉnh để tượng trưng cho 9 châu. Vào đời vua Nghiêu, nước lụt lớn lắm, (Hồng thủy thảo thiên) vua Nghiêu sai ông Võ đi trị thủy, ông Võ bèn khai sông rạch cho thông đường nước chảy, nên trừ được cái nạn nước lụt cho dân khỏi chết oan và hư hại mùa màng. Rồi vua Nghiêu chia nước ra chín châu và sai đúc 9 cái đỉnh. Trong mỗi cái đỉnh có khắc địa đồ của mỗi châu và thổ sản của mỗi châu.

Đến khi nhà Hạ mất nước thì 9 cái đỉnh về nhà Thương. Nhà Thương mất, đỉnh lại về tay nhà Châu. Thế là ba nước : Hạ,

Thương, Châu chuyển tay nhau mà giữ 9 cái đỉnh ấy, tất cả được hai ngàn năm, và xem như đó là ngôi báu. Hễ triều nào mất nước thì gọi là «Đỉnh cách», triều nào giữ được nước thì gọi là «Đỉnh-định».

Nhà Tần lấy được nước nhà Châu rồi sai người chôn 9 cái đỉnh ấy về nước mình. Nhưng có lẽ vì bạo chúa Tần-thủy-Hoàng vô đạo thất đức, nên khi chôn 9 cái đỉnh đó bằng những chiếc thuyền, thuyền đắm, 9 cái đỉnh chìm xuống đáy sông sâu.

Nước Việt-Nam ta từ thời lập quốc, Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê thì không nghe có đúc đỉnh. Đến đời Minh Mạng năm thứ 16, (tây lịch 1835) mới đúc 9 cái đỉnh. Không biết vua Minh Mạng có phải phỏng theo vua Võ mà đúc 9 cái, hay là theo sách : «Thiên số cứu», (Trời số 9) «Địa số cứu» (đất số 9) mà đúc.

Đỉnh đúc như cái lư hương hình tròn, có ba chân, trên miệng có hai quai, cao khỏi đầu người đứng — hiện ở vườn bách thảo, trước đài chiến sĩ trận vong, có một cái lóa và hai cái nhỏ để hai bên tam cấp bước lên đài này. Những đỉnh này chỉ có tượng tự

thời, chớ chưa phải là đỉnh thật — mỗi cái đỉnh nặng từ một ngàn đến hai ngàn ngoài ký lô. Và mỗi cái đỉnh mà đặt vua nào thắng thì lấy tên đỉnh mà đặt tên Thủy-Chung quanh đỉnh, có khắc đủ hình núi, sông, cửa biển, cửa ải, mặt trời, mặt trăng, ngôi sao, gió, mưa, sấm sét, mây và các loài cây cỏ, các giống chim muông, thuyền bè, khí giới trong nước, ngụ ý tất cả sơn hà xã tắc thâu vào đỉnh vậy.

Chín cái đỉnh của Việt-Nam như sau :

1. — Cao Đỉnh Lấy chữ «Cao» đặt tên Thủy cho vua Gia-Long (tức Thế-Tổ Cao-Hoàng-Đế) đỉnh này lớn hơn hết, để chín giữa, cân nặng 2.609 ký lô. Chung quanh đỉnh có khắc : mặt trời, biển đông, núi Thiên-tôn, sông Bến Nghé, kinh Vĩnh-tế, (trong Nam) chim trĩ, cọp con trạnh, con rồng, bông tử vi,

MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG

ĐAU NHỨC, CẢM CÚM

cây mít, lúa thơm, củ hành, gỗ lim, trầm hương, thuyền đa sách, súng đại bác.

2. — **Nhơn đỉnh** : Lấy chữ «Nhơn» đặt tên Thụy cho vua Minh-Mạng (tức Thái Tổ «nhơn» Hoàng-Đế) Đỉnh này đặt bên tả về phía Đông cái «đỉnh Cao» nặng 2.512 ký 600, chung quanh có khắc : mặt trăng, biển Nam, núi Ngự-Bình, sông Hương, kinh Phổ-tế, chim công, con heo, đồi mồi, cá ông, bông sen, cây nam tran, lúa nếp, cây kỳ nam, cây ngô đồng, rau họ, thuyền lâu, súng đại bác, cổ xe.

3. — **Chương đỉnh** ; Lấy chữ «Chương» đặt tên Thụy cho vua Thiệu Trị (tức Hiến Tổ «chương» Hoàng-Đế) cái đỉnh này đặt bên hữu về phía Tây của cái «Đỉnh Cao» nặng 2573 ký 700. Chung quanh có khắc : sao ngũ tinh, biển tây, núi Thương, sông Gianh sông Lợi nông, gà trống, con tê ngưu, con rùa, con sấu, bông lái, cây xoài, đậu lục, đậu khấu, cây thuận mộc, củ kiệu, thuyền mộng đồng, súng tiểu thương.

4. — **Anh đỉnh**. Lấy chữ «Anh» đặt tên Thụy cho vua Tự Đức (tức Dực Tôn «Anh» Hoàng-Đế) cái đỉnh này đặt về phía đông

của cái «Đỉnh Nhơn» nặng 2097 ký. chung quanh có khắc : sao bắc đẩu, sao ngân hà, núi Hồng-lĩnh sông Mã, sông Lô, con bạc, con ngựa, con ve, con tran, bông mai khô, cây cau, cây dâu, đầu tô hạp cây kiền kiền, củ nghệ, cây cò, đạn trái phá.

5. — **Nghị đỉnh**. Lấy chữ «Nghị» đặt tên Thụy cho vua Kiến Phúc, (tức Giản tôn «Nghị» Hoàng-Đế). Cái đỉnh này đặt về phía tây của cái «đỉnh chương», nặng 2550 ký 400, chung quanh có khắc : sao nam đẩu, cửa biển Thuận an, cửa ải Quảng bình, sông Bạch Đằng, sông Cửu an, chim oan ương, con voi, con duôn dừ, cá lóc, bông bãi đường, cây mai, đậu biển, cây quế, cây huỳnh đàn, rau cải, thuyền hải đạo, cây giáo.

6. — **Thuần đỉnh**. — Lấy chữ «Thuần» đặt tên Thụy cho vua Đồng Khánh, (tức Cảnh tôn «Thuần» Hoàng-Đế) cái đỉnh này đặt về phía đông của cái «Đỉnh Anh» nặng 1950 ký 300, chung quanh có khắc : Gió, cửa biển Cần - Gió, núi Tân-viên, sông Thạch-hàn, sông vĩnh định, chim hoàng-âu, con bò tót, con ngao, cá rô, bông quỳ, cây đào, đậu khuôn

(tức tàu hủ) sa nhơn, gỗ nam-mộc, cây hương nhu, thuyền đỉnh, cây gươm.

7. — **Tuyên đỉnh**. Lấy chữ «Tuyên» đặt tên Thụy cho vua Khải-Định (tức Hoàng - Tôn «Tuyên» Hoàng-đế) cái đỉnh này đặt về phía tây của cái «Đỉnh Nghị», nặng 2066 kí 003. Chung quanh có khắc : mây, núi Tuấn, núi Đại lãnh, sông Lam-giang, sông Nhĩ-hà, chim nhung, con heo, con rùa biển, trái nhãn, đậu phộng, yến sào, cây bá mộc, cây gừng, ghe lê, cái cung.

8. — **Dũ đỉnh**, chữ «Dũ» chưa có dùng vì Bảo Đại bị truất phế và chưa chết. Cái đỉnh này đặt về phía đông của cái «Đỉnh Thuần», nặng 2017 kí 009. Chung quanh có khắc : sấm, cửa biển Đà-Nẵng, cửa ải Hải-vân, sông vệ, sông Vĩnh-điện, chim Anh-võ, con dê, con cọp, cá úc, bông cau, cây lê, đậu trầu, giây trầu, cây thông, cây tía tô, cây siêu đao.

9. — **Huyền đỉnh**. Chữ «Huyền» cũng chưa dùng tới — cố nhiên — cái đỉnh này đặt về phía tây của cái «đỉnh Tuyên», nặng 1933 kí 003, chung quanh có khắc : mưa, cầu vòng, (mống

trời) núi Hoành-sơn, sông trước, sông sau, sông Thau, chim ông lão, ngựa núi, con cà cuống, rắn măn xà, cây ngọc lan, cây vãi, cây bông, cây nam sâm, cây sơn, củ tỏi, xe bốn ngựa, cái ống đốt đạn.

Chín cái đỉnh ở trên đều là đỉnh truyền quốc, kể đức vua nào lên trị vì mà trước sau toàn hảo, đến khi thiên thu vạn tuế, thì được dùng tên đỉnh mà đặt tên Thụy, hậu đế dẫu tích muôn đời, và thờ vào đến Thái miếu, còn những ông vua nào bị thì, hay bị phế thì không được dự.

Từ triều Gia-Long đến đời vua Bảo-Đại, cộng được 13 đời vua, nhưng mới dùng có 7 cái đỉnh để đặt tên Thụy cho 7 ông vua thời.



DECAPAN

THUỐC THOA.CHUYÊN
TRỊ CÁC BỆNH NGOÀI
DA.

THOẠI - NGỌC - HẦU

NGUYỄN-VĂN-THOẠI

(1762-1829)

●●● QUỐC-HÙNG

NGÀY nay mọi người Việt-Nam, nhất là người sống vùng hậu-giang Việt-Nam sinh sống bằng nghề đánh cá hoặc thương mại vùng biên giới Việt-Miền ai ai cũng đã từng nghe tên biết tiếng một con kinh quan trọng, đó là kinh Vĩnh-Tế, con kinh được coi như mạch máu của đồng bào trong vùng biên giới.

Kinh Vĩnh-Tế đã chiếm một địa vị quan trọng trên cả hai phương diện Quân - Sự và Thương Mãi. Nếu trên khía cạnh thương-mãi, nó là yết hầu nam trọn sự sinh tồn của một phần đông đồng bào Việt-Nam sinh sống bằng nghề buôn bán

với những sản phẩm vùng biên giới thì trên bình diện quân-sự nó cũng là cửa ngõ giữa hai phần đất Việt-Miền.

Để tìm hiểu nguồn gốc của kinh Vĩnh-Tế, chúng tôi xin mời các bạn đọc bản miễn hãy cùng chúng tôi lật lại những giòng sử cũ của đất nước thân yêu, chúng ta cùng nhau tìm hiểu một vị anh hùng đã có công lớn trong việc khai sinh ra nó, đó là Thoại Ngọc Hầu NGUYỄN-VĂN-THOẠI.

THÂN THỂ VÀ SỰ NGHIỆP

Theo Đại-Nam Chính Biên liệt truyện, sơ tập quyển 27, từ

8b đến 12 thì Nguyễn-văn-Thoại gốc người huyện Diên-Phước, tỉnh Quảng-Nam, Trung-Phần theo gia đình vào Nam lập nghiệp khi còn thơ ấu.

Nguyễn-văn-Thoại bắt đầu theo phò chúa Nguyễn-Phúc-Ánh từ năm Đinh-Dậu 1777, đóng binh tại Ba Giồng, tức thuộc vùng Cai-Lậy, quận Tân-Hiệp thuộc tỉnh Định-Trương.

Ông đem quân vào đóng ở đây cho đến năm Giáp-Thìn 1874, khi Vua Quang-Trung đem quân thống lĩnh vùng Gia-Định, khi thế nhà Tây Sơn lúc này lên như vũ bão, tất cả quan quân nhà Nguyễn phải rút lui trước sức tấn công ào ạt của nhà Tây Sơn. Cùng chung một hoàn cảnh ấy, Nguyễn-văn-Thoại lại phải đem quân chạy theo Nguyễn-Ánh sang tận Xiêm-la trong những ngày Nguyễn-Ánh bôn đảo.

Ba năm sau, năm Đinh-Ty 1787, Nguyễn-Văn-Thoại lại theo chân Nguyễn-Ánh về đánh lại nhà Tây-Sơn. Nhờ tài cầm binh khéo léo lại thêm thao lược có thừa, chẳng bao lâu Nguyễn-văn-Thoại được nhà Nguyễn phong chức lên đến tước Khâm-Sai Thống-Binh Cai-Cơ.

Từ thời gian này đến liên tiếp trong vòng bảy năm, đến năm Nhâm-Tý 1792, đến năm Mậu-Ngọ 1798, vua Gia-Long thường trao cho ông trách nhiệm làm sứ thần sang Xiêm La để dò thám, lần sau cùng Nguyễn-văn-Thoại cùng đi với Hữu Quân Quận Công Nguyễn-văn-Nhân một vị Quận công có ục gọi là Đội lớn Sen Sa-Đéc, hai ông sang Xiêm La để bàn tính mưu cơ và nhung vụ. Đến lúc hồi hương Xiêm Vương cấp cho hai ông giấy thông hành để theo đường núi đi tạt mà về.

Sau khi trở lại quê nhà, và nhất là lúc Nguyễn-văn-Thoại về đến thành Gia-Định ông được Nguyễn-Vương phong cho tước Thượng-Đạo Đại Tướng Quân giao cho việc đi chiêu mộ những dân thiểu số gốc sơn cước như Mường, Mán, Mèo và người Mọi cùng một số dân Vạn-Tượng (tức Ai-Lao bây giờ).

Trong tình trạng lúc bấy giờ, quãng đường đi sang Lào rất hiểm trở. Đoạn đường chẳng những khó khăn vì ma thiêng nước độc lại thêm rừng núi phủ vây, cọp và voi là hai thứ chướng ngại làm cho nhiều người chùng bước. Tuy nhiên, đối với ông những khó khăn ấy

không làm ông nản lòng. Kết quả ông đã thành công và khi đến nước Vạn-Tượng, Nguyễn-văn-Thoại được vua Vạn-Tượng cùng một số tù trưởng của các sắc dân thiểu số như Mường, Mán và Moi ủng hộ và hưởng ứng tích cực.

Nhờ vào sự hưởng ứng nhiệt thành ấy nên trong khi cuộc chiến giữa Vua Quang-Trung và nhà Nguyễn Ánh bùng nổ tại Qui-Nhơn ông đã được sự hỗ trợ của đám người này nên một số quan quân của nhà Tây-Son phải bại trận.

Trong trận đánh với nhà Tây-Son tại vùng Qui-Nhơn, Nguyễn-văn-Thoại đã mang quân đến hàng đườn núi phá tan được đạo binh hùng nhà Nguyễn Tây-Son, khiến cho một danh tướng của vua Quang-Trung là Đô-Đốc Nguyễn-Danh-Lạc cùng với phó mã Nguyễn-văn-Trị phải mở đường máu rút lui.

Kết quả là Nguyễn-văn-Thoại chiến thắng trận này và kéo quân về thẳng thành Gia-Định. Tuy nhiên, vì chưa được lệnh rút quân nên việc làm này ông bị coi như bất tuân quân lệnh nên cuối cùng Nguyễn-văn-Thoại bị Nguyễn-Ánh phạt bằng

cách giáng chức từ Thượng-Đạo Đại Tướng quân xuống còn Cai-Co. (Một chức vụ được coi như sĩ quan cấp tá ngày nay).

Đến năm 1802, khi Gia-Long thống nhất sơn hà và lên ngôi hoàng-đế, đề thưởng thưởng công ân cho một kẻ sĩ có tài nên ông lại được thăng lên chức Chương-Co lãnh phân coi việc binh nhung ở Bắc-Hà và sau đó ông lại được lệnh đi trấn thủ Lạng-Son và cuối cùng nhận chức Trấn-Thủ Định-Tướng.

Sang đến năm Gia-Long thứ 17 (1818), ông lại nhận lệnh vua đi đào con kinh Đông-Xuyên, nối liền hai tỉnh Long-Xuyên và Rạch-Giá. Khi kinh này đào xong để tưởng nhớ công ân của người đã khai sinh ra nó, đồng thời cũng để biểu dương công lao to lớn ấy của cụ nên người ta gọi là kinh THOẠI-HÀ.

Về phần vua Gia-Long, đề kỷ niệm và tưởng thưởng công lao ấy nên vua lại phong cho Nguyễn-văn-Thoại lên chức Thống-Chế Bảo-Hộ Cao-Miền Quốc-Sự-Vụ, cũng vì chức tước ấy cho nên ngày nay trong dân gian còn gọi ông là Bảo-Hộ Thoại.

Đến năm Kỷ-Mão 1819, tức

Gia-Long thứ 18, cụ lại nhận lệnh vua lãnh chức Vĩnh-Thanh trấn thủ và trong năm này cụ cũng được chiếu của vua cho đào một con kinh khác nối liền hai tỉnh Châu-Độc và Hà-Tiên.

Lần này việc khởi công được giao cho những người dân trong vùng và đứng dưới sự trông nom của cụ, cuối cùng con kinh được hoàn thành đúng như dự tính. Trước sự thành công trọn vẹn ấy, lần này vua Gia-Long muốn tưởng thưởng công lao cho xứng đáng nên lấy tên phu nhân mà đặt tên cho. Phu nhân Nguyễn-văn-Thoại bà có họ là Châu-Vĩnh tên Thị-Tế, vì vậy tên con kinh này được vua Gia-Long đặt là kinh Vĩnh-Tế, ý muốn biểu dương công trạng cả hai ông bà. Vì vậy cho nên con

kinh này còn gọi là kinh Vĩnh-Tế.

Đến năm Tân-Ty 1820, tức Minh-Mạng thứ hai, cụ lại được vua phong chức Bảo-Hộ Cao-Miền Quốc kiêm cả Trấn Hà-Tiên và án ngữ vùng Châu-Độc.

Vào năm Kỷ-Sửu 1829, tức Minh-Mạng thứ 10, thì cụ qua đời hưởng thọ được 67 tuổi. Sau khi ông chết để tưởng thưởng công lao một hiền thần vua Minh-Mạng truy phong cụ là Đô-Thống Thoại-Ngọc-Hầu.

NGUYỄN-QUỐC-HÙNG
11-6-70

KỶ SAU : Cuộc đời tranh đấu của nhà Cách-Mạng NGUYỄN-THÀNH.

● Traduttore, traditore

Người dịch là người phản bội.

Ý nghĩa : Khi dịch, thường thường người ta làm sai lạc ý của tác giả.

NGẠN NGŨ Y

Đôi nét về thành phố

QUI-NHƠN

●●● Sinh hòa THÁI-TẦU

QUI-NHƠN ngày nay là Tỉnh-lỵ Bình-Định, nó nằm ngay trên cửa Đầm Thị Nại. Thành phố này thiết lập từ lâu song mới được kiến thiết lại sau 9 năm chiến tranh Việt-Pháp (1945 — 1954) tàn phá.

So với các tỉnh miền Trung thì Qui-nhơn là một thành phố thương mại tương đối phồn thịnh và thuận lợi nhờ nằm ngay trên bờ biển Trung-Phần với một hải cảng quan trọng sau Sài-gòn, có thể ngang hàng với Đà-Nẵng và một sân bay Dân sự và Quân sự nằm ngay giữa lòng thành phố. Qui-nhơn còn là trục giao thông giữa hai miền Nam Bắc và Cao-nguyên Trung phần bằng Quốc lộ số 1 và 19.

Từ Bắc vào Nam hay từ Cao-

nguyên đi xuống, du khách khi bước chân vào địa đầu thành phố Qui-nhơn sẽ nhìn thấy trước tiên là **CẦU ĐÔI** — gồm 1 cầu xe lửa và một cầu xe hơi song song nhau — kể đến là **THÁP ĐÔI**. Hai vật này là đầu mối những câu chuyện tình của chàng trai xứ này.

*Cầu Đôi nằm cạnh Tháp Đôi,
Vật vô tri còn biết đèo bồng
duyên lứa
Hương chi tới với nàng.*

Hay những lời trêu ghẹo nhẹ nhàng:

*Chiều chiều ra đứng Cầu
Đôi,
Thấy nàng gánh nước buồn
đôi là buồn!*

Hoặc có lắm khi tình yêu của họ đã nồng dạt mà họ còn ao

ước trăm năm bền chặt:

Tháp kia còn đứng đủ đôi

Cầu nằm đủ cặp

Hương chi tới với nương?

Tháp ngạo nắng sương

Cầu nương sắt đá

Dù lời thiên hạ

Tiếng ngả lời nghiêng

*Cao thâm đã chứng lòng
nguyên*

*Còn Cầu còn Tháp còn duyên
đôi lứa mình*

(ca dao Bình-Định)

Qua khỏi Tháp Đôi chừng một cây số là du khách đã vào trung tâm thành phố. Với thành phố này có thể nói là nơi du xuân bán phá phồn thịnh. Này đường Gia-Long Lê Lợi, Trần-cao-Vân ngược lên Phan-bội-Châu, Võ-Tánb, Cường Đê... trên các ngã đường tấp nập nào hàng hoá, nào xe cộ, nào người qua lại vì công ăn việc làm hay vì ăn chơi cũng có, mỗi nơi một sắc thái.

Qui-nhơn lịch sự qua những thuần phong mỹ tục, Qui-nhơn niềm nở như nhận qua những lời đón tiếp mời chào, Qui-nhơn ăn chơi qua những snack bar, những gian hàng giải khát xinh xắn, những hí viện, những phòng trà ca nhạc, Qui-nhơn lắm than qua những xóm lao động nghèo nàn, những

trại tạm cư chật chội v.v... thời thì, tấm hình nghìn vẻ.

Ngược giòng thời gian ta thấy một Qui-nhơn dưới thời Pháp thuộc khi vừa mới tiếp xúc với nền văn minh Tây phương thật là hững hờ:

*Qui-nhơn dưới biển có cầu (1)
Có phố chú Chệt, có lầu ông
Tây
Thông ngôn, kỹ lục lắm thầy
Chân thì giầy dép tay thì ba-
toong*

*Vợ thi đánh phấn thoa son
Nước non còn mất, mất còn
không hay.*

Và đây Qui-nhơn của những năm tháng kháng chiến chống Pháp:

*Qui-nhơn thành phố chính
Cửa Bình-Định quê tôi
Những năm kháng chiến than
ôi!*

*Bãi bèo thép gai chẳng chặt
Sóng trào ầm ừ ngoài khơi
Nhà cửa tường xiêu ngói đổ
Ai qua đó chẳng ngậm ngùi
Giòng sông Thị-Nại bồi hồi
Khách sang sông lại đứng
ngồi không yên
(Hoàng-Thanh)*

() Cầu Tấn

Xa hơn chút nữa, Qui-nhơn còn là sân khấu mà tuế nguyệt đã đem diễn những tấn tuồng hưng-vong-suy-thịnh và qua những tang thương biến đổi của thời cuộc, Qui-nhơn đã xúc động rất mạnh đến những tấm lòng hoài-cổ mền tiếc băng khuông.

Đặc biệt nhất là ĐÀM THỊ-NẠI ở phía Bắc thành phố. Đầm này đẹp nhất là những đêm trăng sáng, thấp thoáng trên làn nước bạc, du khách ngồi trên chiếc thuyền nhỏ sẽ cùng với gió đùa nước, giỡn trăng xem cảnh... Và trong một phút giây nào đó tình cờ du khách sẽ nhớ lại ngày xưa chính trên Đầm này, biết bao sự kiện lịch sử đã xảy ra:

Năm Giáp-Thân (1284), vua Nguyên sai con là Thoát-Hoan và các tướng Toa Đô, Ô mã Nhi mang 50 vạn quân sang đánh Chiêm-thành. Thoát-Hoan chia quân làm 2 đạo. Một đạo đi đường bộ vào ài Nam-quan và một đạo đi đường thủy kéo thẳng vào cửa Thị-Nại. Cảnh thủy binh do Toa-Đô chỉ huy lọt vào cửa Thị-Nại nhưng không tiến được phải rút quân ra Nghệ-an và sau mấy trận kịch chiến Toa-Đô bị quân ta giết chết tại vùng Tây-kết.

— Năm Đinh-Tỵ (1337), vua Trần-duệ-Tông cử 12 vạn quân tiến vào cửa Thị-Nại đánh Chiêm Thành. Chiêm-thành chống cự không nổi quân Trần-duệ-Tông chiếm đồn Thạch-Kiều, động Kỳ-nam rồi thừa thắng kéo lên đánh thành Đồ-bàn. Chế-bông-Nga bày kế dụ địch vào thành giết được vua nhà Trần và đánh tan cả thủy bộ đại binh.

— Năm Quý-Mùi (1403) quân Hồ-hán Thương lại vào Thị Nại để đánh Đồ-bàn một lần nữa nhưng rốt cuộc bị quân Chiêm-thành đẩy lui.

— Năm Canh-Thìn (1470), vua Lê-thánh-Tông cử 20 vạn tinh binh vào đánh Thị-Nại. Quân Chiêm-Thành là Trà-Toàn không chống nổi phải bỏ cửa Thị-Nại rút quân về cố thủ Đồ-bàn. Nhưng sau đó không lâu Trà-Toàn bị bắt và Đồ-bàn bị quân ta chiếm.

Từ vua Lê-thánh-Tông đến thời chúa Nguyễn-phúc-Thần (1470—1744) biển Thị-Nại mới được yên lặng. Nhưng đến cuối thế kỷ thứ 19 trở về sau do những trận tranh bá đồ vương của hai họ Nguyễn-Gia-Long và Nguyễn-Tây-sơn máu người Việt lại lãnh

láng làm vẫn đục mặt Đầm. Đặc biệt nhất là những trận năm Nhâm-Tý (1792) Kỷ-Vỵ (1799) và trận cuối cùng vào năm Tân-Dậu (1801), Nguyễn Gia-Long mới giữ vững được Thị-Nại và thống nhất lãnh thổ.

Đến năm Ất-dậu, sau khi lấy xong kinh thành Huế, quân Pháp đổ bộ lên Thị-Nại, quân ta chống không nổi phải đầu hàng. Pháp lấy Thị-Nại dùng làm căn cứ và sau khi dẹp xong phong trào Cần-vương đặt nền đô hộ lên nước Việt mới dùng Thị-Nại làm lỵ sở.

Tiếp đến chính biến năm 1945, máy bay Đồng-Minh oanh tạc tàu Nhật-bồn trên Thá-bình-dương, có mấy chiếc tàu trúng đạn chạy vào cửa Đầm trú ẩn thì bốc cháy, hiện còn nằm phơi xác dưới vầng nhật nguyệt.

Đầm Thị-Nại mang một di vãng khá đặc biệt như thế nên đã xúc cảm rất mạnh đến những tấm lòng hoài cổ. Quý-Ưu, sau khi viếng thành phố Qui-nhơn đã để lại mấy vần thơ cảm tác trầm buồn, mền thương:

Thị-Nại năm xưa chốn chiến trường

*Thời gian chưa xóa vết tang thương
Lũy đờn toi tả ba viên gạch,
Cồn bãi tiêu điều mấy cum dương
Mở sóng như chiêu hồn tử sĩ
Chuông chùa thêm chạnh khách tha hương
Ngọn trào hưng phế đờn trâm lợp
Một lợp chông thêm, một lợp thương.*

Đối với Thi-sĩ Quách-Tấn trong bài «Thị-Nại hoài cổ» thì Qui-nhơn cũng là một nơi đã trải qua lắm phen suy thịnh, cũng có những cuộc xô xát đáng ghi:

*Thị-Nại xưa kia vững chiến trường,
Nổi chìm thế sự mấy triều vương
Non mây còn thoáng hơi binh dữ,
Biển ráng chưa phai bọt máu hương
Nhận - lãnh (2) sóng vờn gương để bá
Phương mai rừng đắp vết tang thương*

(2) Vùng núi Gành-Ráng tên là Nhận-Lãnh

*Bài ngồi ngắm cảnh quay
trông lại
Lốp lốp xe ai rộn phố
phường!*

Đọc những bài thơ cảm tác trên đây, khiến cho chúng ta nhớ lại Qui-nhon xưa kia là hải cảng của người Chăm tên gọi là Crivini, chuyên sang tiếng Hoa Việt thành Thi-lị-bị-Nại gọi tắt là Thi-Nại hay Thị-Nại.

Tên Thị-Nại là dùng để gọi cửa biển song cũng dùng gọi luôn đầm ở phía bắc, vùng biển ở phía nam và lưới cát chạy ra đầm. Sau khi người Pháp đặt nền đô hộ trên đất nước này mới đổi tên Thi-Nại ra QUI-NHON, chữ Thị-Nại chỉ còn dùng chỉ tên Đầm mà thôi

Về địa giới phía đông thành phố là Núi Phương-mai làm tiền án. Phía tây mở rộng ra như miệng đặng ôm chầm lấy núi Bà Hỏa, Xuân-quang và phía nam là biển Nam-hải mông mênh.

Qui-nhon quyến rũ du khách là nhờ có bãi biển chạy dài từ Gành-Ráng đến bến Hải-cảng thành hình lưỡi liềm dài trên 3 cây số. Những lúc trời thanh, mây tản, mặt nước phẳng lặng,

ngồi dưới cảnh thông mới lớn hoặc núp dưới bóng dừa cao vút, bên cạnh các gian hàng giải khát (kiosque) xây cất gọn gàng, xinh xắn... du khách thừa lương không khỏi cảm thấy mình như đứng trước một bức tranh sơn thủy vĩ đại :

*Gió cầu Tán trưa chiều thổi
mát
Bãi Qui-nhon mịn cát dễ
đi...*

*Phương - mai Gành - ráng
trương tri
Ngâm câu «Thủy tú sơn kỳ»
thanh thoi.
(Ca dao)*

hay :

*Đây Qui-nhon có hàng
dương phổ nhạc
Rặng dừa xanh no trái dưới
nắng chiều
Cát vàng bay theo cánh gió
đều hiu
Làn sóng bạc trôi bờ lẽ
mộng
(Hồng-Lê)*

Nếu du khách còn muốn tìm thêm cảnh lạ thì đây : núi Phương mai hùng vĩ, Cầu Tán nhộn nhịp, Gành-Ráng mờ màng, Suối Tiên u tịch và mộ

Thi sĩ Hàn-mặc-Từ thơ mộng, phiêu nhiên. Hoặc muốn gặp những lớp người trẻ để trao đổi tâm tình, văn chương nghệ thuật thì viếng trường Trung-học Cường-dê, Trường Kỹ-thuật, Trường Sư-phạm hoặc vào Trung-Tâm Văn-hóa. Muốn trở về với tinh thần đạo đức, bác ái thì vào thăm nhà thờ Chánh-tòa, Tòa Giám-mục, hoặc muốn cho mùi thiền thêm đậm thì vào chiêm bái chùa Long-Khánh, Sư-nữ, Huệ-Quang v.v...

Ngày 6-3-1967 vừa qua, trong một buổi Lễ Kết thân tổ chức trọng thể tại Hội-trường Qui-nhon có đại diện của hai Chính-phủ Việt-Hàn và hai vị Thị-trưởng của hai thành phố Qui-nhon và Inchon tham dự, thành phố QUI-NHON lại được kết tình Huynh-đệ với thành phố INCHON Đại-hàn.

Thành phố Inchon của Đại-hàn-dân-quốc và Qui-nhon của ta đều có một hải cảng rất quan trọng, cùng mang chung một trạng huống tang thương trong dĩ vãng và có nhiều triển vọng phát triển về tương lai, rất tương xứng kết tình anh em.

Tuy, địa hình địa vật có phần

khác nhau như INCHON không có một hòn núi nào cả mà lại có một con sông rộng trên 500m với những phong cảnh hữu tình hai bên bờ sông và một cây cầu xe lửa đồ sộ bắt ngang, còn QUI-NHON thì khác hơn như đã kể ở trên. Nhưng cả hai thành phố đều trường thành trong khói lửa, và đã từng nêu cao tinh thần bất khuất cổ truyền của dân tộc Á-châu trước những thăng trầm của lịch sử.

Nói tóm lại, du khách viếng thăm Qui-nhon ngày nay sẽ thấy Qui-nhon hoàn toàn đổi mới vì nó luôn luôn thích ứng với đà tiến bộ :

*Ngày nay thành phố vươn
lên
Ngôi đở, tường vôi nối tiếp
Đường đi đông đặc những
người.
Chiều chiều bãi biển vui
trời*

*Sớm sớm bến xe đông nghẹt
Dưới Tán tàu thủy về găm
thét
Trên ga xe lửa đến huýt
còi luôn
Qui-nhon hết những chiều
buồn
Qui-nhon lệ ứa sầu tuông
ngung rồi*

Qui-nhon nay sáng rực
trời
Tình ank duyên chi cuộc
đời vượn lên.
(thơ Hoàng-Thanh)

Qui-nhon hiện đang mở rộng về hướng Tây (Khu VI) và theo dự án kiến thiết thành phố này thì trong một tương lai gần đây sẽ được mở rộng thêm về hướng Bắc bằng cách lấp dần Đầm Thị-Nại — khoản đất nằm giữa đại lộ tân thiết Đông-Đa và đường Bạch-đăng — để thỏa mãn với nhu cầu đòi hỏi về nhân số cũng như về sinh hoạt thương mại ngày một gia tăng. Hiện tại Qui-nhon với một diện tích 9 cây số vuông mà dân số có đến 144.377 người. Cuộc sống rất là xô bồ, phức tạp, bất nhân trước sự leo thang với tốc độ phi mã của vật giá và sự tiêu pha vung vãi của số lớn người ngoại quốc và số người sống nhờ những dịch vụ của ngoại nhân tại đây.



Xem như vậy, thì Qui-nhon cũng có lắm phen nghiêng ngửa, đổi thay. Qui-nhon âu lo, hồi hộp qua những thời đen tối. Qui-nhon vui mừng, hớn hờ khi

được rực rỡ, huy hoàng. Nhưng dù với cảnh ngộ nào, người dân Qui-nhon cũng một lòng trung trinh, chung thủy, hy sinh vì đại cuộc và quyết bảo vệ lấy mảnh đất Quê hương này để xứng đáng là dân Tinh lý của đất TÂY-SƠN, nơi phát tích vị anh hùng NGUYỄN - HUỆ, MAI-XUÂN-THƯỜNG.

Câu ca dao sau đây nói lên tâm lòng của họ :

Biển Thị-Nại ùn ùn sóng
giận,
Đá phương-mai khấn khấn
lòng trung
Nước non này nước non
chung
Rửa thù non nước ta cùng
phải lo.

Thuyền nhỏ gió to
Anh đừng e ngại,
Em lèo, Anh lái
Cuối bãi đầu ghềnh
Quản gì mặt sóng lênh đênh
Ngọn rau tất đất miễn đền
ơn sáu.

Sau đây, chúng tôi xin trích đăng những bài thơ viết về Qui-nhon của một vài thi sĩ đã có một cái nhìn triu mến về thành phố này hay đã gửi tình mình với đất nước thân yêu :

ĐẸP QUI-NHON

Qui-nhon đẹp sóng xô bờ
cát trắng
U-hoài chi cho lỡ kiếp giai
nhân?
Im đi ngay những tuổi hờn
năm tháng
Nghe Suối Tiên, Ghềnh-
Ráng đón tao nhân.
Hát lên vui Qui-nhon đèn
chói sáng
Ơn đã vàng ghi chép kỷ
huân công...
Nghe âm thanh ngân lên
đường Võ-Tánh
Sáu mươi tư đời đẹp lắm.
tinh son ! (3)
Á-châu ơi ! Qui-nhon ngời
triển vọng
U-hoài chi cho khiếp nhược
hồn trai ?
Mấy năm rồi ta ngồi đây
nghe ngóng
Uom hoa đời rộn rịp phố
chiều, mai...
Ơi người-oi, — (bên kia bờ
Bến hải) —
Ít hay nhiều tiếng vọng có
bay sang ?
Thương nước non, mau
quay về chớ ngại !
Ước mơ đùn lên đẹp lắm
Qui-nhon !
(TÔ-NHU)

TA GỎI VỀ THEO

Buồm chạy về đâu, chạy
đến đâu ?
Bon bon lướt gió, tách mây
sầu
Vui sâu trời nước, băng
qua sóng
Không ngại vời cao, ngại
thẳm sâu
Buồm chạy về đâu, chạy
vội vàng
Có về Bình-Định bến Qui-
nhon ?
(Quê hương ta ấy, nơi thân
mến)
Ta gọi về theo chút nhớ
thương :
Ta nhớ ngôi nhà sụp đổ tan
Gạch vôi chôn dưới lớp tro
tàn
Đạn bom ngày ấy thi nhau
vỡ
Nay đã xây xong những
bức tường.
Ta nhớ chông chênh những
nẻo đường
Nhịp cầu cắt đứt lở sang
ngang
Bàn tay phá hoại còn đâu
nữa
Kể lại người qua đã sửa
sang ?

(3) Bài này tác giả viết vào năm 1964

Ta nhớ hàng dừa đứng tả (Những thân chết đói không
 tôi quần áo)
 Bên bờ sóng vỗ, cát vàng Nay đã trầm hương ngát
 phơi ghé thờ.
 Trái bao khói lửa dày cầm Ta nhớ... ! Ta thương nhớ
 hân rộn ràng
 Nay đã ra ruộng, trở lá Nhớ trời Bình-định, nhớ
 tươi ? Quê hương
 Ta nhớ năm qua nước lá vàng Buồm ơi ! Dừng lại cho ta
 Kéo nhau lánh nạn bỏ đồng gởi
 hoang Về bến trời xa chút nhớ
 Cháo rau không đủ ngày thương.
 hai bữa
 Giờ lúa khoai chen đẹp xóm Bờ biển Nha-Trang
 làng ? một chiều thương nhớ
 Ta nhớ bên sông mấy năm QUI-NHƠN quả thật là nơi
 mồ Qui tụ người non nghĩa.
 Vội vàng lấp kín những Sinh-Hòa THÁI-IAU
 thân khô



★ Ubi soli tudinem faciunt, pacem appellant
 Nơi chúng biến ra sa mạc, lại nói đem tới hòa bình.

TACITE
 Vie d'Agricola

Ý nghĩa : Kẻ xâm lăng thường lấy lý do văn minh
 hóa để che đậy các cuộc giết chóc, tàn phá xứ sở kẻ khác.



Nỗi buồn trên cao

Chiều Cao nguyên gió bụi
 Hàng thông đứng chờ vơ
 Đàn chim bay về núi
 Bóng chim xa xa mờ
 Tôi lặng nhìn không nói
 Em bước trong sương to
 Gió tung làn tóc rối
 Áo em phủ bụi mờ
 Trời Cao nguyên về tối
 Mang giá lạnh vào tim
 Đốm hỏa châu, le lói
 Nhìn núi đồi ngủ im
 Nỗi buồn dâng ngập lối
 Kỷ niệm xưa lắng chìm
 Ước vọng xa vời vợi
 Thực tại như bóng đêm.

LÊ-KỶ-HÒA
 PLEIKU — III70

CHUYỆN NGẮN

... MẶC-TƯỚNG

ĐỜI XA LẠ

NHỮNG làn sóng i âm từ lòng biển khơi xa thẳm nối tiếp, nối tiếp mãi vào bờ như cuộc đuồi bắt hoài không ngừng nghỉ của đời sống quái ác này. Cuộc đuồi bắt không biết tự bao giờ và để làm gì. Buổi sáng giá buốt. Sương mù phủ trắng một khoảng không gian bao la, chập chùng bởi núi rừng và biển cả. Những cảnh tượng chung quanh lơ mờ ần hiện. Dưới chân đồi thoai thoai dốc kia, thị trấn với những ngọn đèn cháy muộn, ánh sáng vàng vọt hiu hắt như

đã mỗi một vì thâu đêm dấn vật chưa muốn thức dậy.

Bãi biển vắng tanh. Không một bóng người. Không một bóng tàu bè. Chỉ có loài chim bay lượn ngoài xa. Loài chim như sợ loài người, mỗi bước người làm cho loài chim bay xa hơn nữa. Mỗi bước người như là một khuấy động đời sống yên lành và tự do ngàn năm của chúng.

Sáng hôm qua tôi thức dậy, làm tất cả những gì tôi phải làm. Xong xuôi, tôi mặc quần áo và choàng thêm áo ngoài vì trời lạnh. Và tôi ra phố uống cà-phê



nư mọi ngày. Cà-phê đặc và nóng cho tôi một cảm giác khoan khoái. Một cảm giác tôi thường có khi uống ly cà-phê

thứ nhất trong ngày. Những chuyến xe đò rời bến mang đi những hành khách. Những hồi còi vang nhộn báo hiệu cho một chuyến xe khác sắp khởi hành. Tôi trả tiền cà phê và mua thêm một gói Lucky strike không dầu lọc. Rồi tôi đi lại nơi bán vé xe. Lão bán vé nhanh nhẹn đếm tiền trao lại cho mỗi bản tay chực sẵn một mảnh giấy chữ viết ngoằn ngoèo khó đọc. Tôi đứng lơ ngơ một hồi để chờ đợi tờ phiến mình. Tiếng máy xe rồ từng hồi. Tiếng kêu réo inh ỏi. Ai lấy vé rồi mời lên xe. Tới giờ chạy rồi bà con ơi. . . Nơi bán vé chỉ còn mình tôi. Lão bán vé vừa ngược nhìn tôi vừa làm công việc đánh dấu những ô vuông còn bỏ trống trên mảnh giấy in số ghế xe. Lão hỏi tôi đi đâu. Tôi hỏi xe này đi đến đâu. Dạ, xe đi thị trấn Biên Chim, thầy hai. Đến đó là hết hả ông. Dạ, chỉ đến đó rồi trở về. Cho tôi một vé đi. ! Lão xé rẹt một cái và trao mảnh giấy cho tôi. Lão nói một trăm tám chục, thầy hai. Tôi đưa tiền và lấy lại tiền thối. Lão làm công việc thật thuần thuộc và nhanh chóng như chiếc máy quay đều đặn trong vòng hạn định của nó.

Tôi leo lên xe loay quay tìm chỗ ngồi. Tên sắp chỗ hỏi tôi số mấy. Tôi không để ý tới điều đó. Tôi trao vé cho hắn. Hắn vừa xem vừa hướng dẫn tôi một cách dễ dàng, Nhưng nơi đó đã có người ngồi. Hắn liền hỏi vé người đàn bà ngồi lộn chỗ. Trời ơi ! sao trên kia bà không ngồi mà lại tuột xuống dưới này. Bà lên số ghế mười một ngồi đi. bà nội. Người đàn bà nói cái ghế trên đó đã có người ngồi rồi. Tội quá, bà cứ lên đó ngồi đi, tôi lên tôi sắp xếp cho. Xe đến giờ chạy rồi mà lộn xộn như vậy thì chết luôn. Thăng hai Còi đầu. Đ.M. mày làm ăn gì vậy, mày. Nãy giờ mày làm cái C.C. gì. Tôi nói ngồi đầu cũng được cần quái gì. Chỉ ngồi đờ mấy tiếng đồng hồ rồi xuống, chớ bộ ngồi hoài ở đây sao mà lo. Đầu được thầy hai. Có người xuống gần có người xuống xa. Ai xuống dọc đường phải để ngồi bìa cho khỏi mất thì giờ. Cái nghề này mà lời thối chậm chạp thì chỉ còn nước tự tử. Tôi ngồi xuống chiếc ghế theo số đã ghi trong vé xe của tôi. Nhiều hồi còi giục giã. Tiếng máy xe nổ âm ỉ từng hồi. Tiếng khóc thét của trẻ thơ. Tôi không còn nghe được gì. Tất cả là một âm thanh

hồn độn, ồn ào. Tài xế bứt chân ga, máy xe nổ nhỏ lại. Một giọng nói vang lên, xong chưa tụi bây. Trễ ba phút rồi đó. Bà con lên xe đầy đủ hết chưa. Tên lo xe hết thật lớn, tới đi. . .

Chiếc xe bỏ ra đường, quẹo sang trái theo lộ trình dẫn đến thị trấn Biên Chim. Tôi ngồi yên, không nghĩ gì về cái thành phố xa dần mãi phía sau. Tôi cũng không thấy chút nôn nao trong lòng về thị trấn Biên Chim nơi tôi sẽ tới. Xe chạy vù vù. Gió tạt mạnh vào mặt mọi người. Làn tóc đen mượt bay lòa xòa phía trước. Tôi biết đó là một nữ hành khách. Nàng có mái tóc dài và thật đẹp. Nhưng tôi không thể thấy được khuôn mặt và không thể biết được vóc dáng người nàng ra sao. Tôi rút thuốc châm lửa hút. Gió mạnh làm tắt mấy lần. Cuối cùng tôi vẫn đốt cháy được. Tôi ngả người lim dim thở khói. Bỗng bà già ngồi cạnh tôi hỏi, thầy đi đến đâu ? Tôi nói có lẽ đến thị trấn Biên Chim. Nhà thầy ở đó ? Không. Chắc thầy tới đó làm việc ? Không. À, chắc thầy đi du lịch ? Ừ ừ, vậy thầy tới đó làm gì ? Tôi chưa biết nữa. Bà già có vẻ khó chịu chớp chớp mắt mấy cái rồi ngó chỗ khác. Tôi dụi tàn thuốc

và bắt đầu ngủ một giấc ngon lành.

Bà già ngồi cạnh tôi thức dậy. Bà chỉ bèn trái và nói thầy ma kia thầy. Xe vút qua nhanh. Tôi ngó ghé lại nhìn thấy mấy xác chết tràn trường nằm rải rác dưới ruộng khô, nứt nẻ và lưa thưa những cỏ rạ vàng úa, giữa lúc mọi người lao xao thác mắc. Có lẽ trận đánh mới xảy ra hồi đêm. Chớ còn gì nữa, dẫu bom đạn cày nát bờ lộ đấy, không thấy sao. Bà già ngồi cạnh tôi nói lại chém giết nữa. Thiệt, một ngày không biết bao nhiêu người chết. Cứ tính hết mấy mươi năm giặc giã mà coi ! Tôi có một thằng con trai độc nhất cũng đã chết như vậy. Nó chết giữa đồng ruộng sinh lây ở Đất Thấp. Nó chết dễ như chơi, trong lúc đang lui cui phác cỏ, một trái ò bít rơi sát nó, thế là xong. Bà già vừa nói vừa đưa khăn lau nước mắt, đôi môi mím lại như để át đi tiếng khóc có thể làm những hành khách trên xe chú ý.

Tôi ngả người hút thuốc tự nhiên. Cánh đồng bắt đầu nóng gắt. Không thấy bóng người xuất hiện như những ngày mùa. Trận đánh hôm qua, hoặc vụ

giết người hôm qua làm cho người ta sợ. Bà già ngồi cạnh tôi lại nói thầy có vẻ thẳng nhiên quá. Quả thật tôi không có một cảm giác nào mới mẻ khi nhìn thấy xác chết, nhìn thấy những kết quả của chiến tranh. Một thứ kết quả không biết để làm gì. Có lẽ tôi đã quen dần với những xác chết mà tôi đã thấy suốt đời sống đến đời tôi không còn một cảm giác khi nhìn lại sự kiện đó. Nó đã giết chết cảm giác. Một cảm giác đúng ra tôi phải có.

Buổi trưa bắt đầu bằng sự oi bức rít rám. Những hành khách phe phẩy khăn tay dù xe vẫn chạy vù vù với một tốc lực tối đa. Một hành khách nói chắc được hai phần ba đường rồi. Có lẽ ba giờ là đến nơi. Con đường đến thị trấn Biên Chim thật ngoằn ngoèo và nhiều đồi dốc. Mỗi lần xe lao vào khu rừng hoang vu hành khách tỏ ra lo ngại một tai nạn nào đó có thể xảy ra. Và sự thật chuyện đó đã từng xảy ra như cơn bão. Những người sống với nghề xe đồ này đã từng chịu đựng và chứng kiến nhiều hơn ai hết. Nhiều đồn bót đóng biệt lập giữa một khu rừng mênh mông

không một gia cư sinh sống. Đó là một trong những hình ảnh quanh hiu buồn bã nhất của thời buổi loạn lạc. Nhưng nó không gây được sự chú ý bằng những căn cứ quân sự lớn của đồng minh, những người được mệnh danh là bạn đến đây giúp chúng ta diệt giặc để bảo vệ thế-giới tự do. Nhưng vấn đề không phải thế. Vấn đề là phải diệt chiến-tranh. Và công-việc ấy không phải là công việc của một nhà chuyên môn chế vũ khí mới.

Xe dừng lại cho hành khách ăn trưa rồi lại tiếp tục lộ trình quen thuộc. Bà già ngồi cạnh tôi nói hết rùng rậm rồi. Từ đây tới đó chỉ còn đồng trống, cũng đỡ. Tôi cười, nhìn hai bên đường chỉ thấy cỏ khô đến mùt tầm mắt. Không một bóng dáng trâu bò ăn cỏ. Không một cánh cò diêm trắng cánh đồng như những tiểu thuyết đã vẽ trong đầu óc tôi thời còn thơ ấu. Tôi không có tuổi thơ đúng nghĩa của nó. Tôi chỉ có tuổi thơ tưởng tượng hay trông tượng một tuổi thơ thì cũng thế. Tuổi thơ tôi đã bị bom đạn bắn phá, đã bị vùi dập dưới nhiều lớp tro tàn gạch vụn. Người ta đã ăn cướp tuổi thơ tôi, và cho tôi những thứ khác. Những thứ đó

đáng lẽ ra tôi phải được quyền từ chối. Đã vậy, người ta còn dạy tôi những trò chơi nguy hiểm, chẳng có gì thích thú cả.

Tôi ném tàn thuốc và bắt đầu ngủ nữa.

Đến khi bà già ngồi cạnh tôi đánh thức tôi dậy thì xe đã vào địa phận thị trấn Biên Chim. Dậy đi thầy, dậy cho nó tỉnh táo. Đến nơi rồi. Tôi móc khăn lau mặt và nhìn quanh trên xe chỉ còn độ chục người. Những chiếc ghế bỏ trống lúc nào tôi không hay. Người con gái có mái tóc dài và đen mượt đã biến đâu mất. Tôi thấy mình bị mất một cái gì. Một cái gì đó tôi không biết. Sự thật tôi không có một dự tính gì, cũng như cuộc hành trình của tôi từ thành phố kia đến thị trấn này.

Xe vừa đến khu phố đầu của thị trấn, tôi thấy một tấm bảng to dựng ở góc đường với những chữ cũng to và dễ đọc : « Thị trấn Biên Chim kính chào quý khách ». Những hành khách còn lại trên xe bắt đầu sửa soạn hành lý của mình. Tôi không có gì để sửa soạn cả. Tiếng tên lơ xe la oang oang. Cô bác nào xuống ngã ba Thùỵ Dương sửa soạn đồ đạc đi. Có ai xuống ngã ba Thùỵ

Dương không cô bác ơi. Một hành khách nói có.

Chuyến xe khởi hành đầy hành khách, khi đến bến chỉ còn có mấy người. Họ đã xuống rải rác dọc đường. Trước khi bước xuống xe, bà già ngồi cạnh tôi hỏi thầy về đâu? Tôi nói chưa biết. Bà già có vẻ vừa ngạc nhiên vừa bực dọc. Tôi nói bà đừng tưởng tôi vô lễ, hay đùa giỡn một cách lỗ bịch với bà. Sự thật như thế mà. Thôi chào bà.

Từ giờ phút đó tất cả đều a lạ. Mỗi người có một riêng tư của mình, ở ngay trong mình, trước mặt và sau lưng mình. Rồi một ngày nào đó tôi có gặp lại những người cùng đi chung một chuyến xe, trên một đường dài, người con gái có mái tóc dài và đen mượt, hay bà già ngồi cạnh tôi, tôi cũng chẳng có gì để nói với họ.

Thị trấn Biên Chim đối với tôi như một chuyến xe đò không mục đích. Lên xe là xuống xe, cũng như đến một lúc nào tôi sẽ rời khỏi thị trấn này. Tôi không có gì thắc mắc. Tôi không có gì lập lại. Và cũng không có gì để mẩn tiếc hoặc hy vọng.

Chiều xuống lành lạnh. Ánh nắng xanh dần. Thị trấn Biên Chim là nơi có nhiều căn cứ chiến đấu của bạn. Nó nằm giữa phần đất được mệnh danh là rừng tiên này. Phần đất đang bị tàu phá khủng-khiếp nhất lịch sử loài người. Phần đất khốn khổ như một kẻ già nua đói khát, rách rưới, bệnh hoạn trong một căn nhà đổ nát dưới cơn mưa bão quái ác không ngừng. Và kẻ già nua đã phải dùng hết xương tủy để chống chọi, dùng hết tinh thần để chịu đựng. Nhưng cơn bão quái ác vẫn tiếp diễn mỗi lúc một mãnh liệt hơn nữa.

Đời sống ở thị trấn Biên Chim này cũng như số đông thị trấn khác, đều có vẻ vội vàng, hấp tấp. Đường phố đầy những thân hữu chiến đấu của chúng ta. Họ xuất hiện trong những bộ quân phục, thường phục, trong những xe du lịch lịch lầy, hoặc những xe nhà binh đầy bụi đất bắn thiu. Họ đi đến đâu là lập tức ở đó mang một bộ mặt khác. Tất cả những đề dùm của họ, từ chiếc khăn ăn đến giấy đi cầu được tung ra đầy đường phố, chợ búa cho đến các hang cùng ngõ hẻm. Đó là

một chủ trương, hay đó là một thừa thừa. Đàng nào nó cũng được những kẻ chạy theo nó với bộ mặt vênh vào quái dị.

Tôi đi lòng vòng qua nhiều khu phố của thị trấn trong một bình thường. Tôi đã gặp nhiều những bạn hữu chiến đấu của chúng ta. Họ nhìn tôi cũng như tôi nhìn họ. Tôi không có một dịp nào để bắt tay và để nói gì hết. Tôi thấy cũng chẳng có gì để nói. Và giả sử nếu có dịp bắt tay nhau nó cũng không đem lại một ý nghĩa thật sự.

Sau một ngày ngồi xe đò và đi bộ, tôi thấy hơi mỏi mệt. Tôi vào quán gọi một chai bia và vài món nhậu lai rai. Những gì tôi nghĩ trong đầu đều là tự nhiên chứ không phải do một thắc mắc. Nó giống như cái gì trước mắt là phải nhìn thấy. Có điều là nhìn thấy không phải là tìm thấy. Men rượu làm cho thần kinh và những tế bào thức dậy trong những yếu tố bất buộc. Tôi thấy đã no dạ. Tôi tính tiền và lại tiếp tục bát phố. Người chủ quán thân nhiên lúc tôi vào cũng như lúc tôi ra. Điều đó cho tôi thấy rằng sự có mặt của tôi ở thị trấn này hay không, nó cũng vẫn thế.

Đèn đường đã phục sáng. Tôi muốn tìm một khách sạn để nghỉ qua đêm. Vấn đề thật giản dị là bởi vì tôi không thể không ngủ cũng như không thể không ăn được. Tôi đi hết đường này đến đường khác, hết khách sạn nọ đến khách sạn kia. Tôi lục lạo khắp cùng thị trấn, đầu đầu người ta cũng xài một thứ ngôn ngữ và có cùng một thái độ như nhau. Rất tiếc vừa mới hết phòng. Ông lại «Niu Dốt Hồ theo» chắc là còn phòng. Ở đó cũng đầy đủ tiện nghi, tốt lắm. Xin lỗi ông. Rồi người ta nhìn tôi từ đầu đến chân, nghi ngờ và dò xét từng cử chỉ một.

Tôi không còn sức đi bộ nữa. Tôi thấy việc tìm khách sạn cũng không cần thiết, mặc dầu chưa biết rồi tôi sẽ ngủ đâu. Tôi gọi xích lô leo lên ngồi. Xe đi được một khúc đường, hấn hỏi tôi đi đâu. Tôi nói chạy lòng vòng chơi. À, thầy muốn đi chơi hả, tôi có chỗ ác lắm. Hấn nghĩ là tôi muốn tìm gái. Tôi hỏi hấn có biết khách sạn nào còn phòng không. Trời đất ! Để gì thấy. Ở đây người Việt-Nam thuê người ta không tiếp đâu, dù thầy có thừa tiền cũng không làm được gì. Thầy muốn thuê khách sạn ở đây là

phải đóng vai ngoại quốc, phải nói tiếng ngoại quốc. Thầy không tin tôi thầy thử xem. Thầy ăn mặc kiểu ngoại quốc, làm điệu bộ như ngoại quốc, nói tiếng ngoại quốc, và nhất nhất cái gì cũng làm y như một người ngoại quốc chính thống, là người ta sẽ niềm nở tiếp thầy với bất cứ điều kiện nào. Tôi đã sống ở đây lâu rồi, tôi còn lạ gì cái trò đó. Hấn vừa nói vừa thở hển hển. Tôi nói thôi, anh có quen khách sạn nào nhỏ nhỏ liệu mình có thể thuê được bằng tiếng Việt-Nam không. Có chứ, thầy. Nhưng dơ dáy tôi tàn lắm. Được rồi, anh cho tôi đến đó đi. Tôi chỉ trọ một thời gian ngắn thôi, cần gì. Hấn nói chỗ đó cũng có em út, nhưng không bảo đảm, coi chừng dính dả ! Tôi nói đến chỗ trọ cái đã, rồi muốn làm gì thì làm. Hấn nói chỗ tôi sắp đưa thầy tới không phải là khách sạn nhỏ theo gì đâu. Đó chỉ là một cái nhà tầm thường với mấy chiếc ghế bố ọp ẹp ở ngã tư ngoại ô. Nơi đó dành cho những kẻ lở bước nghèo nàn đứng chân tạm nghỉ một đêm để rồi sáng mai quay gót lên đường.

Hấn dừng xe lại và chạy nhanh vào nhà. Căn nhà có vẻ tồi

tàn thạt. Cánh cửa làm bằng gỗ thủng đạn, không sơn phết. Mấy chiếc ghế bố xếp đờ ngang dọc trước thềm. Hai người đàn ông đang ngồi trò chuyện với ả mặc áo đỏ bó sát thân mình dưới ánh đèn xanh xao bệnh hoạn. Vừa ra khỏi cửa hấn làm một cử chỉ cho biết mọi sự đã ổn. Hấn nói xong rồi, thầy. Lúc này tôi định đưa thầy đi chơi, những chỉ còn có nửa giờ nữa là thiết quân luật. Bậy quá. Thôi hẹn khi khác nghe thầy. Tôi cười và móc tiền đưa hấn. Tôi nói còn khi nào nữa cha nội. Hấn nói thôi thầy vào nghỉ đi. Ở đây cũng có mà ! Hấn cười hờ hờ rồi phóng lên xe như một hiệp sĩ phóng lên lưng ngựa.

Tôi đang đứng xó rờ nhìn trời thì bà chủ nhà mời tôi vào nghỉ ngơi. Bà nói màn ghế bố đã sẵn sàng. Bà đưa tay chỉ chỗ và nói thêm có cần gì thì cho bà biết. Tôi trả lời nếu cần gì tôi sẽ nhờ bà. Tôi thấy chiếc đầu trục và khuôn mặt bặm trợn của bà không phải là mẫu người thường. Tôi kéo chiếc mền qua một bên, gấp áo choàng của tôi lên gối rồi ngã người trên ghế bố một cách thoải mái. Tôi nghe tiếng kẹt kẹt và giọng nói thì thầm ở phía trong. Đi đi anh

Nằm một chút mà, cứng. Đừng có hối làm anh mất hứng. Thời đi xong cho người ta ngủ. Sức mấy mà ngủ. Và sau đó tôi chỉ còn nghe những tiếng động thật khẽ.

Tôi rút một điếu thuốc mời lửa hút. Người bạn ngủ trọ nằm ghé bố đối diện, thấy ánh sáng lập lờ liền ngồi bật dậy xin mời tí lửa. Hắn cảm ơn và hỏi tôi chắc ông trẻ xe. Tôi trả lời không. Hắn nói nếu thời bình tôi đâu ngủ trọ ở đây, vì tôi có thể đi bất cứ lúc nào, hắn cho tôi biết ngủ ở đây nguy lắm, nửa đêm bọn lưu manh trong nhà này dám thanh toán mình để cướp cửa. Hắn nghe nói chuyện đó đã từng xảy ra ở đây. Tôi hỏi hắn biết vậy sao còn mò tới đây làm gì. Hắn nói biết làm sao hơn, ở thị trấn Biên Chìm ngoài cái quán trọ này ra, không có cách gì gẽ thuê phòng ở một hơ theo nào khác. Tôi cười và trả lời hắn, mình chỉ còn một cách duy nhất là tự vệ. Hắn gục gặt đầu và nói bông đùa chúng ta cần liên minh để «chống cộng» Chúng tôi cười thật to. Rồi không ai bảo ai, chúng tôi đều buông màn xuống.

Đêm càng khuya trời càng lạnh ngắt. Tôi nghe tiếng súng

nổ xa xa từng chập dòn dã như pháo giao thừa mà tôi đã tưởng tượng qua những tiểu thuyết đọc được. Người bạn nằm đối diện tôi cứ độ năm phút lại trở mình. Có lẽ hắn không ngủ được. Hắn đang thắc mắc lo nghĩ gì đó. Giấc ngủ đến với tôi thật dễ dàng. Tôi không có gì để phải thao thức. Những tiếng súng đã nhỏ dần theo giấc ngủ của tôi,

Tôi thức dậy lúc trời vừa hừng sáng vì những tiếng la khóc cầu cứu của người đàn bà cùng ngủ trọ. Bà khóc sướt mướt và nói rằng nó nhét khăn vào miệng, lặn hai tay tôi ra sau lưng. Nó đã cưỡng hiếp tôi. Nó lột sạch hết nữ trang và tiền bạc của tôi rồi, hu hu hu... Mọi người đều thức dậy trước sự đã rồi. Bọn lưu manh đã biến mất trong khi thị trấn vẫn còn giới nghiêm. Không ai giải quyết được gì cho nạn nhân cả. Bà chủ quán trọ dáng điệu lẳng xăng. Bà nói sao nạn nhân không chịu la lên ngay, để bọn nó biến mất rồi mới tri hô lên làm quái gì. Ai biết chúng đâu mà đuổi, có đi thưa cũng mất công thôi. Chị mất những gì. Chị bị hãm hiếp nữa à? Tôi nghiến hôn. Nhưng rần chịu chờ biết

măn răng chứ. Tôi có dán bản báo cáo để khách trọ biết trước là tôi không chịu trách nhiệm bất cứ vụ mất nào cả. Và riêng chị, tôi đã dặn rõ ràng hãy cẩn thận. Chị không thể trách móc tôi điều gì hết. Nạn nhân ngồi im-lặng với tất cả hiền từ đến độ thiểu não. Người bạn nằm đối diện tôi nhảy vào cuộc. Anh cho bà chủ quán trọ vô lý, rằng nạn nhân ngủ trong nhà bà nửa đêm bị hãm hiếp, cướp cửa mà bà nói là bà không có trách nhiệm gì hết là nghĩa làm sao. Bà chủ nhà biện minh là bà đã có bố cáo, đồng thời đã dặn riêng lúc nạn nhân mới tới. Người bạn trọ của tôi lại dẫu là nếu bà dàn cảnh để diễn khúc phim này thì ai biết được. Trong quá khứ nơi quán trọ này dẫu từng diễn ra nhiều trò tương tự như vậy. Ai còn lạ gì nữa. Và hắn nõ thêm bà chủ nhà, căn cứ vào lời nói của bà là bà đã «dặn riêng nạn nhân phải cẩn thận từ lúc nạn nhân vừa mới tới». Bao nhiêu đó cũng đủ tố cáo âm mưu của bà rồi. Tại sao bà chỉ «dặn riêng» có một người này thôi? Rồi hắn không cần bà chủ trả lời, quay sang nói với nạn nhân. Chị đi thưa bà chủ nhà đi, tôi sẵn sàng ở lại để làm chứng cho chị đến bao

giờ xong thì thôi. Đâu có tàn bạo quá như vậy được, phần nào thôi chứ! Bà chủ nhà hăm dọa vào trong. Những khách trọ có vẻ biểu đồng tình với hắn. Được thể trông hắn có vẻ hứng chí hơn.

Trời đã tờ mờ sáng. Tôi đi rửa mặt, sửa lại bộ quần áo đã mặc đêm qua cho đỡ xốc xếch. Tôi khoác thêm áo choàng rồi vỗ vỗ vai người bạn trọ của tôi. Tôi nói tôi phải đi và tôi không bắt tay hắn. Tôi cầm điếu thuốc hắn mời rồi chuồng ra ngoài một cách bình thản. Tôi nghĩ rằng sự việc vừa xảy ra đã có người rồi.

Tôi định tìm quán cà phê nhưng chưa quán nào mở cửa. Tôi đi tà tà không để ý gì, đến khi nhìn lại thị trấn đã cách xa tôi. Bây giờ chung quanh tôi chỉ còn biển cả và đồi núi. Sóng nước và gió. Và tôi đang đi trên bãi bờ không biết dẫn đến đâu.

Hãy bay lại gần ta đi. Ta không bắt chim đâu. Ta không khuấy động đời sống yên lành và tự do ngàn đời của chim đâu. Sự thật ta đến đây không có mục đích nào hết.

Gã bước đi đều đều, đôi lúc dừng lại để nhìn ngắm những cánh chim bay lượn thoải mái trên nền trời xám đục. Rồi lại tiếp tục đi một cách nhàn tản. Gã lại dừng lại nữa, ngược mặt lên trời và đọc thơ.

Ta là một người làm thơ. Ta không có gì khác để làm. Ta có thể cầm súng giết người? Dù là bằng một danh từ. Ngôn ngữ không buộc ta nói lên điều đó. Nhưng ngôn ngữ cũng không tự vệ được mình. Như người đàn bà ngủ trọ bị cưỡng hiếp. Và ngôn ngữ bị bôi đầy nước bẩn. Chim chim ta muốn nói với chim. Hãy bay lượn.

Sóng vẫn vỗ i ầm. Bãi cát chạy dài mù tít. Biển xanh thăm thẳm đến chân trời. Khoảng cách giữa thị trấn Biển Chim và gã xa dần, xa dần...

Hai hôm sau người ta phác giác ra một tử thi nằm chết co quắp dọc bờ biển. Nhà chức trách Biển Chim được cấp báo đến nơi nhặt xác chết về cho Bác-sĩ khám nghiệm. Người ta được biết trên thi thể có hai vết thương. Nạn nhân mặc áo trắng, quần xám, đi giầy nâu và choàng áo ngoài màu xanh đậm, tuổi độ ngoài hai mươi. Sau khi

phân tách thật kỹ càng người ta được biết nạn nhân chết vì đạn tiêu-liên, nhưng không biết trong trường hợp nào. Nhà chức trách cho biết là đang tiến hành cuộc điều tra để tìm thủ phạm. Đồng thời, cảnh sát cũng thông cáo cho biết ai là thân nhân hãy tới nhận. Điều làm rắc rối hơn hết cho cơ quan thẩm quyền là trong mình nạn nhân không có giấy tờ gì cả, chỉ có năm ngàn một trăm lẻ ba đồng bạc.

Tin về một xác chết đối với thị trấn Biển Chim không có gì là lạ, chuyện đó vẫn xảy ra như cơm bữa, đến độ không ai còn có thể ngạc nhiên được nữa. Người ta nghe rồi là quên đi ngay như một câu chuyện qua đường nhằm chán. Và những thủ tục rùm beng quanh một cái chết cũng chẳng mang một ý nghĩa gì hết.

Cuối cùng xác chết cũng vô thừa nhận và đã được đập đi tập thể với những xác chết khác. Nguyên nhân nào hẳn chết? Ai đã giết hẳn?

□□□

● THƯ KHÔNG ĐỀ

*Biết nói gì đây bóng đèn đêm
gió thu bay nhẹ, giấc êm đêm
Tim ơi hãy nhớ lời lạc lõng
Cho mãi muôn đời là con tim.*

● BẢNG QUƠ

*Thu đến thu đi mấy cơn buồn
Mấy vần thơ lạc của chiều buông
Mấy lần lá chết trong cơn mộng
Mấy lần mưa nặng cứ trào tuông*

● MƯA THU

*giọt nhỏ, giọt to, gió bay nhiều
Nghe hồn sương lạnh, trạnh cô liêu
Như giòng nước nhỏ kêu róc rách
Như ánh trăng thu, sáng tiêu điều*

● LÃNG LÃNG

*Ta còn ngồi đây viết thư sầu
Tuổi đời sao hết những niềm đau
Thuốc đen, lay trắng cùng viết mực
Mượn vần viết lấy nét lo âu*

Thu 1970

THÂM GIANG

THẮNG CẢNH

HẦM - HỒ

●●● LÊ-NGỌC-QUANG

HẦM-hồ là một thắng cảnh danh tiếng ở ven châu núi thuộc ấp Phú mỹ xã Bình phú quận Bình Khê tỉnh Bình định và cách quận lỵ Bình Khê chừng tám cây số về phía tây nam.

Đường vào Hầm hồ

Từ đập Lộc-dũng đi lên độ một trăm thước, chúng ta bắt đầu vào thắng cảnh Hầm-hồ. Hai bên Hầm-hồ là núi với những bờ đá thẳng tắp tại đây, một nơi gọi là hang «Đá Thành», nơi đó hai tảng đá dựng lên to tướng, hàng mười người có thể vào trong đó. Nằm tại hang này, lắng nghe nước chảy róc rách bên sông, thật không còn gì vui

thích cho bằng. Phía bên kia là hang «Bảy cưỡi», du khách thường vào nơi đây nghỉ mát. Phía trên, một luồng đá to dài mười thước, trên đó người ta có thể đi bộ qua được. Trong luồng đá này, nước chảy thông qua một lối và hai lối nữa bịt bùng không có đường ra. Các tiểu phu đưa từ thượng lưu sông Đá-hàng về miền xuôi phải lặn vào luồng nước ấy để kéo cây đi.

Thác «Cá bay»

Lên một đoạn nữa, người ta thấy vô số cá lúi, cá đá, cá ngựa... vọt lên mặt nước tại nơi thác nước bọt trắng phau, được đặt tên thác «Cá bay». Tại đây, người ta thường bắt cá bằng

cách đặt ví, để cho cá vọt lên rồi rơi vào ví.

Tiếp đó, những hòn đá «Ông Táo» nhô lên trông đẹp mắt và quái dị. Tại đây, một hang đá được gọi hang «Ông Táo», phía trong có thể chứa hàng mười người. Rồi đến những hòn đá «Cánh Tiên» với những bóng dáng tha thướt yếu điệu tưởng chừng những nàng tiên thuở nào đã lạc về ngã sông Đá-hàng.

Đi lên một đoạn nữa, tảng đá «Ban cò» rộng mỗi bề độ bốn thước, nằm im lìm giữa sông. Tảng đá này giống hệt một bàn cờ, nước đã chảy mòn và phẳng lì.

Núi «Mồ côi»

Trên nữa, hòn núi «Mồ côi» sát bên sông. Dưới chân núi, một hòn đá to nhô ra bên cạnh cây đa. Hòn đá này có hang vào được và là nơi trước kia ông Mai xuân Thường ẩn trú trong thời khởi nghĩa chống pháp.

Tiếp đến là miệng Hầm hồ, phía trước có một vực nước lớn thường gọi vực «Cây đa dù» vì nơi đây có cây đa tàng to lớn giống như cái dù. Tiếp theo,

nhiều vực nước khác như vực «Trâu nầm» là nơi trước kia người ta thường cho trâu đến đó nghỉ chân, «Vực Cát» có bãi cát rộng và «Vực Dài». Gần «Vực Dài» là hang «Thống Nguyễn», nơi trước kia tướng của Mai xuân Thường tức Nguyễn Can ẩn trú tại đó.

Cá hóa rồng

Đi xem thắng cảnh Hầm hồ, du khách có lẽ không bao giờ quên hòn đá «Cây đa», nơi Mai xuân Thường ẩn trú trước kia và tại đó gió thổi ào ào không dứt. Du khách lại còn mãi mê ngắm hòn đá «Lò rượu», một tảng đá giống như lò rượu. Người ta lại không quên hang «Thác dốc» ở phía trên đập Lộc-dũng non hai cây số. Tại đó, năm ba người có thể vào hang, nằm trên thềm đá bằng phẳng mà nhìn trời nhìn nước.

Câu ca dao :

*«Hầm hồ có cá hóa rồng,
Sông Côn giáp nhánh tại
vùng Phú phong»*

đã gọi lên biết bao cảnh đẹp : cảnh cá lội dưới sông, những con cá lâu đời biến dạng thành loại

cá vàng ở lưng, có râu dài tưởng như cá đã hóa rồng.

Bài thơ «Phú phong» trong tập thơ «Một tấm lòng» của Quách Tấn đã nói lên cái cảnh đẹp của Hầm-hồ :

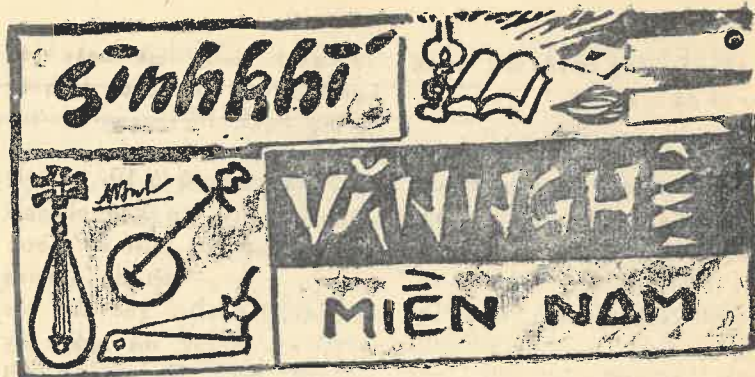
«Tiếng hạt Bình-kê đất
Phú-phong,
Ruộng nương màu mỡ chợ
làng đông.
Chạm pha núi Chúa cây
sum trái,
Lụa trải sông Côn nước khóa
dòng.
Cây cốc phổ phường danh
tấn sĩ,
Đồng-hưu ần tích dấu anh
hùng.
Cổ - bản non nước còn
thiên mãi,
Có thuở Hầm-hồ cá hóa
rồng».

Thật vậy, thắng cảnh Hầm hồ nơi có núi Chúa cao chót vót, nơi có núi Cổ bản xanh um, tưởng còn in rõ dấu chân của Mai xuân Thường, của Thống Soái Nguyễn Can trong phong trào Cần vương chống Pháp. Cái thắng cảnh ấy soi bóng bên dòng sông Côn, nơi xưa kia đầy rẫy những hươu nai và có đồng

cỏ mênh mông mà ngày nay người ta còn nhắc đến danh từ (Đồng hươu).

Đi lần về quốc lộ 19, quận lỵ Bình-kê (tại ấp Phú phong), phố xá đông đúc, nơi đó trước kia có xưởng dệt do Lucien Delignon lập ra, có gốc cây cốc to lớn bên đường mà ngày nay mỗi lần nhắc đến xưởng dệt người ta hình dung cảnh «Con gái Phú phong gội trong dệt lụa».

Rời đây, Người ta hy vọng đập Lộc đồng, một tập xưa kia do danh tướng Võ văn Dũng (nhà Tây sơn) đã có công sáng lập, sẽ được xây dựng trong tương lai và sẽ trở thành thắng cảnh Hầm hồ thêm muôn vàn vẻ đẹp. Thêm vào đó, con đường đá gồ ghề khó đi sẽ hy vọng mở rộng và lúc đó thắng cảnh Hầm hồ càng quyến rũ được nhiều du khách bốn phương.



● HOÀNG-THẮNG

▲ Đoàn Văn Nghệ Việt Nam xuất ngoại

PHÁI đoàn Văn Nghệ Việt Nam đã lên đường hôm 31-7 để trình diễn tại Hội chợ Osaka vào «Ngày Việt Nam» do ban tổ chức hội chợ quốc tế này ấn định. Phái đoàn văn nghệ có hơn trăm nghệ sĩ đủ các bộ môn và do họa sĩ Tạ-Tỵ điều khiển. Đoàn văn nghệ trình diễn vào ngày 10-8 tại sân khấu lễ thiên trung tâm hội chợ (Plaza Festival) nơi mà suốt mấy tháng qua các nước đã thi thố tài nghệ, những vũ bộ như Phượng vũ, Hoa đăng vũ, Tiếng trống Tây Sơn hùng vũ cùng các loại dân vũ như : Trống duyên,

Nông thôn bưng sáng, Lễ nhạc nghiêng tân, Tiếng trống Mê Linh, Nghinh hôn. Và về ca thì có dân ca Bắc phần (hát chèo thuyền), dân ca Trung phần (Hò nện), dân ca Nam phần (Lý ngựa ô), dân ca Cao nguyên (Một mẹ trăm con).

● Đoàn Văn Nghệ Gió Khơi do bác sĩ Bùi duy Tâm, Khoa trưởng Y khoa Ý sáng lập, cũng đang cộng tác với Trung Tâm Điện Ảnh để thực hiện hàng loạt phim đặc biệt cho thiếu nhi. Đáng kể nhất trong loạt phim này là bộ phim hoạt họa *Con Cóc là cậu ông Trời* do Họa sĩ Nguyễn Vi thực hiện.

● Một cuộc săn ảnh tập thể

Hội Nhiếp Ảnh Việt Nam đã tổ chức một cuộc săn ảnh tập thể ngoài trời cho các bạn trong và ngoài hội ngày 9-8 mới đây, dưới sự hướng dẫn của hai nhiếp ảnh gia Nguyễn mạnh Đan và Trần cao Lĩnh.

Trong tương lai, Hội Nhiếp Ảnh Việt Nam sẽ tổ chức các cuộc săn ảnh tập thể, mục đích phát triển nghệ thuật. Đây mạnh đã sáng tác và xiết chặt tinh thần hữu giữa các bạn nhiếp ảnh nghệ thuật, hướng về những cuộc thi ảnh quốc nội và cuộc triển lãm nhiếp ảnh quốc tế kỳ V sắp tổ chức tại Việt-Nam.

● Trình diễn nhạc kịch Tây phương

Trong tháng 9-70 này, tại trường Quốc Gia Âm Nhạc Saigon sẽ có một loạt buổi trình diễn nhạc kịch Tây Phương dưới sự bảo trợ của Hội Việt Mỹ, Trung Tâm Văn Hóa Mỹ, trường Quốc Gia Âm Nhạc và Phòng Thương Mại Hoa Kỳ.

Buổi trình diễn đầu tiên trong một loạt trình diễn là vở kịch

«Hansel and Gretel» ba màn vào 8 giờ tối ngày 5-9. Ngày 7 và 12-9 dành cho trẻ em (vào cửa tự do) và dành cho học sinh vào chiều ngày 8-9. Cũng sẽ có một buổi trình diễn dành cho công chúng vào xem vào ngày 10-9.

● Điện Ảnh

— Sau khi phim *Chiều Kỷ Niệm* của cô Thầm Thúy Hằng hết bạc, bây giờ lại tới phim *Loan Mắt Nhung* của bà giám đốc Cosunam Films. Nền điện ảnh Việt Nam đang có đường đi lên mạnh. Nhiều băng phim đang tiếp tục quay và trong tương lai, những người ghiền «ciné lô-can» sẽ tha hồ được mãn nhãn.

— Cuốn *Chân trời tím* của Liên Ảnh Công Ty đã hoàn thành, nhưng còn phải gửi sang Nhật để rửa ra thành nhiều phổ bản. Đây là 1 cuốn phim màu Scope.

— Nhóm *Giao Chỉ* phim cũng đang quay ngoại cảnh. phim *Người Tình Không Chân Dung* ngoài Cam Ranh do Hoàng vĩnh Lộc làm đạo diễn.

— Hãng *Cosunam Films* cũng đã mời đạo diễn Nguyễn

ngọc Liên quay cuốn *Bụi Phấn Hồng* và nghe đâu đã mua bản quyền tác phẩm *Chiếc Hòn Tử Bết* của nhà văn Hoàng hải Thủy. Phim này sẽ do Lê Hoàng Hoa làm đạo diễn.

● Sách Mới

— Nhà văn *Giang Tân* dạo này xoay ra dịch những truyện ngắn ngoại quốc. Anh mới cho xuất bản tập *1001 truyện ngắn hay nhất*. Tuy gọi là 1001 truyện nhưng cũng chỉ là một tuyển tập 10 truyện của các nhà văn Úc, Ý, Bỉ, Nhật, Phần Lan,

Triều Tiên, Do Thái, Pháp, Ấn Độ, Mỹ.

— Nhà văn *Mai Thảo* vừa dành cho nhà xuất bản Còi Sơn ấn hành tập truyện dài *Thời Thượng*. Đây là cuốn thứ 20 của anh.

— Nhà văn *Nguyễn đình Thiệu* lại cho ra mắt cuốn *Đợi Cuối Đêm*, một truyện dài với năm nhân vật: Truyện của bốn người đàn ông kể vì một người đàn bà.

★★★



● Out of sight, out of mind.

Loin des yeux, loin du cœur.

Xa mặt, cách lòng.

Tục và ngôn ngữ
ANH, PHÁP, VIỆT



★ **Đời vô định**

Truyện dài của Nguyễn-Bá-Ngọc. Vy-anh xuất bản.

● **Quang niệm về cái chết qua Thi-ca và Triết-lý**

Tiểu luận của Đại-Tá Hoàng-Ngọc-Tiêu (Bút hiệu : Cao Tiêu) cục trưởng Cục Tâm lý-chiến. Trang đầu có bức họa họa chân dung của tác giả, do họa sĩ Tạ-Tỵ. Phủ bản của họa sĩ Nguyễn-Uyên.

Tài liệu tham khảo dồi-dào.

Khai-Trí xuất bản.

★ **Còn chị em mình**

Thơ của Thương Hoài Thương. Thi Văn-đoàn Hoa-Biển, Kiên-Giang, xuất bản.

★ **Nghệ thuật tham nhũng và hối lộ.**

Của Toan-Ánh — Nhà X.B. Hoa đăng, Saigon

★ **Gió cát.**

Đặc san của Trường Hạ-sĩ-quan Q.L.V.N.C.H. có hình của Trung Tướng Linh-quang-Viên chỉ huy trường

Vòng quanh thế giới trong 80 ngày

Do người dịch Lưu Bằng. Quyển sách này được dịch dưới hình-thức song-ngữ có bản anh-văn kèm theo. Có chú thích và hình ảnh rõ ràng rất hữu ích và hứng thú cho người thích đọc sách trau dồi thêm anh ngữ.

Vừa mới tái bản lần III tập sách từng nổi tiếng 20 năm của Phạm văn Diêu, giáo sư Đại học văn khoa và ĐẠI học sư phạm Sài Gòn :

Việt-Nam văn học giảng bình

Sách dày hơn 700 trang, ngót 500 trang viết lại.

Giá bán : bản thường 850đ. bản đẹp 1800đ

Liên lạc theo địa chỉ : Phạm văn Kinh, 73 Trần khánh Dư, Sài Gòn.

ĐÃ CHÀO ĐỜI... ĐÃ CHÀO ĐỜI..

— **CẢ NHÀ PHẢI CƯỜI.**

— **CẢ NƯỚC PHẢI KHOÁI.**

vì đọc TIỂU LÂM số 1

Một quyển sách dành riêng cho các bạn thích xem PLAYPOY - thích hội PLAYPOY - và thích làm PLAYPOY

Thứ Tư xuất bản — Nam Cường Tổng Phát Hành
185-187 Nguyễn Thái Học Saigon

Xi-rô

NICOB6

BÊ BÊ

CÓ SINH-TỔ B6 + SINH-TỔ PP

trị em nhỏ:

**ỢC SỮA
ĐEN
LỖ LỖI NGOÀI DA
SUY NHUỘC**

**BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
VIỆN BẢO-CHẾ NGỌC-DIỆP CHOLON**



28IM BYT I-7-68

IC PHU

XI-RÔ

PHONG-HAU

TONIVITAL

của trẻ em

Gồm có các
sinh-tổ:

- A - C
- D - PP
- B1 - B2
- B12
- B6
- LYSINE



*Bổ-dưỡng cơ-thể
Giúp trẻ em chóng lớn*

trị: **BIẾNG ĂN - GÂY CƠM
SUNG LƯỖI - SUNG RUỘT**

Viện Bảo-Chế
NGỌC-DIỆP
CHOLON

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY.

SBK/BTT/TO-4-67

trị: IA CHAY NHIỄM ĐỘC
Ở RUỘT

KIẾT-LY CỎ ĐÂM MAU

Dùng thuốc

TANIGELAMIDE

Thuốc viên cho người lớn
Thuốc bột cho trẻ em

Hợp với
người lớn
trẻ em

ĐÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
206c/BYT/17-8-67



NƯỚC NGỌT

"CON CỌP"



Ở mọi nơi,
Thôn quê,
Thành thị.

Nước ngọt Con Cọp
ở đâu,
Đấy là Khỏe Mạnh,
Sống lâu, Yên Đồi.

Brasseries et Glacières
de l'Indochine

6, Hai-Bà-Trung, Saigon TEL: 20.511

NEUROTONIC

CORNELL
UNIVERSITY
JAN 13 1971
LIBRARY

- ★ BỒI BỔ ÓC
- TĂNG CƯỜNG TRÍ NHỚ
- ▶ BẢO VỆ SINH LỰC

Công hiệu như Thần

